

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TÂM LÝ HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 9/2024

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	6
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	8
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá.....	9
1.2. TỔNG QUAN CHUNG	11
1.2.1. Thông tin chung về Trường đại học Sư phạm Hà Nội	11
1.2.2. Thông tin về khoa Tâm lý - Giáo dục học	14
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	Error!
Bookmark not defined.	
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	8
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	18
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	23
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	26
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	30
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	30
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	34
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	36
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	39
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	40
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	43
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp	47
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	8
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	54
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	56

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học 60

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người họcError! Bookmark not defined.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng được thông báo công khai tới người học**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp nhận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên..... 78

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng 84

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên..... 111

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.116

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá..... **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật 128

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá. 104

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học 109

Tiêu chí 8.5. Môi trường Tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học..... 111

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. **Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....**Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học ..***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....***Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....**Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.....***Error! Bookmark not defined.**

*Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***Error! Bookmark not defined.**

PHẦN III. KẾT LUẬN8

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý – Giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội..... 159

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý – Giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội..... 163

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý – Giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội..... 164

<i>4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Tâm lý – Giáo dục của Trường Đại học sư phạm Hà Nội</i>	183
PHẦN IV. PHỤ LỤC	186

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	CDR	Chuẩn đầu ra
2.	CNSP	Cử nhân sư phạm
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CTDH	Chương trình dạy học
5.	CTĐT	Chương trình đào tạo
6.	CTXH	Công tác xã hội
7.	ĐHSP	Đại học Sư phạm
8.	ĐT	Đào tạo
9.	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
10.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
11.	GV	Giảng viên
12.	HSSV	Học sinh sinh viên
13.	KHXHNV	Khoa học xã hội nhân văn
14.	KQ	Kết quả
15.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
16.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
17.	SP	Sư phạm
18.	SV	Sinh viên
19.	TC	Tiêu chí
20.	TLH	Tâm lý học
21.	TTĐBCL	Trung tâm đảm bảo chất lượng

DANH MỤC BẢNG

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành TLH theo hệ thống tín chỉ được Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN phê duyệt theo quyết định số 6160/QĐ- ĐHSPHN ngày 11 tháng 12 năm 2020 với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân TLH có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trong quá trình triển khai đào tạo, Trường luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo và đã áp dụng nhiều biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao chất lượng hàng năm. Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TLH cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GDDH*” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

a. Cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn

Báo cáo tự đánh giá gồm có bốn phần là Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí ; Phần III: Kết luận và Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể như sau:

- Phần 1. Khái quát

Phần khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TLH theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa TLGD, Trường ĐHSPHN.

- Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân TLH theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

- Phần 3. Kết luận

Phần kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất

lượng và bảng tổng hợp kết quả đánh giá.

- Phần 4. Phụ lục

Bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

b. Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo.

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1 (xem phụ lục).

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CDR của ngành đào tạo.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

a. Mục đích tự đánh giá

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT cử nhân ngành TLH bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

Xác định rõ ràng mục tiêu về tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH.

- Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các cử nhân ngành TLH có năng lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

b. Quy trình tự đánh giá:

- + Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác.
- + Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách.
- + Thu thập thông tin và minh chứng để viết các tiêu chuẩn.
- + Xử lý thông tin và minh chứng thu được.
- + Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- + Hội đồng khoa TLGD họp, đánh giá tiến độ công tác tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH của khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- + Họp với nhóm chuyên gia của TT Đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn.
- + Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH.
- + Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến.
- + Hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH và đăng ký đánh giá ngoài.

c. Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH được triển khai với các phương pháp sử dụng dưới đây:

+ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD ĐH và công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

+ Nghiên cứu thực trạng các hoạt động và hồ sơ, tài liệu của nhà trường, của khoa và của CTĐT theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; Lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và Khắc phục điểm tồn tại trong thời gian tới.

+ Thu thập, xử lý thông tin minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Khi thu thập thông tin và minh chứng, Khoa TLGD đã kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan của minh chứng đến tiêu chí.

d. Phạm vi tự đánh giá

Trường ĐHSPhN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2010 - 2024.

e. Sự tham gia của các bên liên quan

Tự đánh giá là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều bên. Vì vậy, Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TLH được thành lập theo quyết định số 1402/QĐ-ĐHSPHN ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu Nhà trường, GV, NV của khoa TLGD, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường.

Để triển khai hoạt động tự đánh giá, Khoa TLGD đã nhận được sự chỉ đạo chung từ Ban Giám hiệu, phòng Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin về đề tài khoa học các cấp, các công trình như bài báo, sách...; phòng Hành chính Tổng hợp cung cấp minh chứng về các quyết định của Trường, các công văn...; Phòng Kế hoạch Tài chính lo kinh phí cho các hoạt động liên quan đến tự đánh giá; Phòng Tổ chức cán bộ cung cấp minh chứng các quyết định về cán bộ, ...

Sự phản hồi của SV, các cựu SV, các cơ sở tuyển dụng, tiếp nhận SV thực hành, thực tập cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Khoa TLGD cũng tổng hợp, rà soát các biên bản góp ý của các bên liên quan bao gồm cơ sở tuyển dụng, người học về CDR, CTĐT, đánh giá cơ sở vật chất... Trên cơ sở dữ liệu đó, khoa TLGD tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan. Các bản thảo báo cáo cũng đã được gửi tới các phòng ban trong trường để lấy ý kiến góp ý, từ đó, khoa hoàn thiện báo cáo chính thức.

1.2. TỔNG QUAN CHUNG

1.2.1. Thông tin chung về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trường ĐHSPHN được thành lập vào ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD & ĐT). Trường là một trong những cơ sở GDĐH đầu tiên của nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Nhà trường đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp GD & ĐT đất nước. Trong quá trình phát triển, dù đã nhiều lần đổi tên: Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN1, Trường ĐHSP - ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSPHN như ngày nay, Nhà trường vẫn luôn đứng ở vị trí là trường ĐHSP đầu ngành, trọng điểm của ngành sư phạm cả nước.

Giá trị cốt lõi của Trường: **“Chuẩn mực – Sáng tạo – Tiên phong”** là sự thể hiện thước đo về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực giáo dục của mỗi giảng viên, sinh viên của Trường trong quá trình đào tạo và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp trong môi trường giáo dục quốc gia và quốc tế.

Sứ mạng: *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo*

học và sau đại học có chất lượng cao. Trường có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Nhà trường xác định tầm nhìn là: “*Đến năm 2030, Trường ĐHSPhN sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế*”.

Về cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSPhN đã có 23 khoa đào tạo (Toán – Tin, Công nghệ thông tin, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Việt Nam học, Lý luận Chính trị - Giáo dục công dân, Tâm lý – Giáo dục, Quản lý Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Triết học, Công tác Xã hội); 02 Bộ môn trực thuộc (Tiếng Nga và Tiếng Trung Quốc). Trường có 02 trường trung học phổ thông trực thuộc (Trường PTTH Chuyên ĐHSPhN và Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành); có 01 trường tiểu học (Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành); có 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm non Búp Sen Xanh); có 02 viện nghiên cứu (Viện nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội); 01 Viện GD&ĐT Quốc tế; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và KHGD.

Về đội ngũ cán bộ của Trường, toàn trường có 1.223 cán bộ, công chức, viên chức trong đó có 725 GV cơ hữu. Nhà trường có 16 GS – chiếm 2,2%; 158 PGS – chiếm 21,8%; 418 TS – chiếm 57,66%; 303 thạc sĩ – chiếm 41,79%; 04 cử nhân – chiếm 0,55%. Hiện nay, Trường có 40 Nhà giáo nhân dân, 144 Nhà giáo ưu tú. Tỷ lệ GV cơ hữu từ thạc sĩ trở lên đạt 99,45%.

Về CTĐT, Trường hiện có 40 CTĐT TS, 51 CTĐT Thạc sĩ, 45 CTĐT đại học chính quy, 40 CTĐT không chính quy và 01 CTĐT cao đẳng. Quy mô tuyển sinh của Trường hàng năm là khoảng 2.000 SV chính quy tập trung; 1.500 học viên cao học và 150 nghiên cứu sinh.

Trường ĐHSPhN thực hiện đánh giá cơ sở giáo dục lần 2 vào năm 2016, đánh giá ngoài và được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định đạt chuẩn chất lượng giáo dục năm 2017. Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường tiến hành triển khai tự đánh giá hai chương trình đào tạo ngành sư phạm (sư phạm Hóa học Chất lượng cao và sư phạm Giáo dục Tiểu học) vào năm 2017 theo bộ Tiêu chuẩn đánh giá CTĐT ban hành kèm thông tư 04/2016 của Bộ GD&ĐT, đánh giá ngoài vào năm 2018 và được cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn năm 2019. Tự đánh giá 6 chương trình đào tạo các ngành: Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tiếng Anh, GDMN, GDĐB, Sư phạm Tin học và CTXH năm 2020, đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt chất lượng kiểm định năm 2021.

Về hoạt động NCKH: Công tác NCKH tiếp tục là một thế mạnh của Trường. Trong 5 năm qua, Trường luôn nằm trong tốp đầu những trường đại học ở Việt Nam có số công bố quốc tế chất lượng và là đơn vị có thế mạnh trong hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác quốc tế (HTQT) với hơn 150 cơ sở giáo dục thuộc hơn 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của các nước: Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Pháp, Đức, Trung Quốc, Bỉ, Australia, Canada, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Thụy Điển, Hà Lan,... Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn, như: Olympic Vật li quốc tế lần thứ 39 (2008); Olympic Hóa học quốc tế lần thứ 46 (2014); Đại hội Thể dục Thể thao SV Đông Nam Á lần thứ 13,... Đặc biệt, năm 2016, Trường là đơn vị đăng cai tổ chức toàn bộ kì thi Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 tại Việt Nam.

Về cơ sở vật chất, Trường ĐHSPHN được Chính phủ quy hoạch vị trí xây dựng và trụ sở tại địa chỉ hiện nay số 136 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Sau nhiều lần điều chỉnh quy hoạch, mở rộng quy mô, cấp đất bổ sung, Trường thực tế chỉ còn sử dụng 11,647,72 ha trên tổng số 27 ha được Chính phủ cấp. Với khuôn viên hiện có, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, về cơ bản, hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường chuyên, trường thực hành, kí túc xá, các phương tiện kĩ thuật của Trường có thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo trước mắt. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Nhà trường cũng đã có những quan tâm đầu tư thích đáng đối với CSVN. Trường là một trong số ít các đơn vị sớm có quan tâm lập quy hoạch đất đai, hiện trạng tổng thể tạo cơ sở quan trọng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản trong nhiều năm tiếp theo. Trường có hệ thống nhà luyện tập và thi đấu thể thao đa năng, sân vận động đạt chuẩn. 100% hệ thống giảng đường, phòng học của Trường đã trang bị máy chiếu đa năng.

Về công tác tài chính, Trường ĐHSPHN là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên; được tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (trước đây là Nghị định 43/2006/NĐ-CP). Trường là đơn vị dự toán cấp II trực thuộc Bộ GD&ĐT. Trực thuộc Trường gồm có các đơn vị thanh toán và các đơn vị tự hạch toán nội bộ. Trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị, Nhà trường chủ động xây dựng tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu nội bộ về các khoản chi tiêu trên cơ sở các quy định của Nhà nước và phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Đây là cơ sở pháp lí để Nhà trường điều hành việc sử dụng kinh phí theo tinh thần công khai, dân chủ, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển trường ĐHSP trọng điểm đầu ngành của cả nước. Nhà trường luôn coi trọng công tác quản lí tài chính, từ khâu lập kế hoạch đến quản lí, sử dụng các nguồn tài chính đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và quy định của Nhà nước. Các nguồn tài chính của Trường là hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các

hoạt động khác của đơn vị trong trường.

1.2.2. Thông tin về khoa Tâm lý - Giáo dục học

Tiền thân của Khoa Tâm lý - Giáo dục là Bộ môn Sư phạm của Trường Trung cấp Sư phạm các Liên khu đặt tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc từ năm 1951. Ngày 17 - 04 - 1958, Quyết định thành lập *Tổ Giáo dục - Tâm lý học* và thầy Nguyễn Lân được cử làm Tổ trưởng. Theo văn bản, đây chính là mốc đầu tiên Tổ Tâm lý - Giáo dục học được hình thành.

Năm học 1958 - 1959, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chuyển về Cầu Giấy, Tổ Giáo dục - Tâm lý học đã sáp nhập tổ Tâm lý - Giáo dục học của Trường Trung cấp Sư phạm thành tổ mới: *Tổ Tâm lý - Giáo dục học* do thầy Nguyễn Hữu Tảo làm Tổ trưởng và thầy Nguyễn Lân làm Tổ phó.

Trong khoảng thời gian ngắn, từ năm học 1951 - 1952 đến năm học 1964 - 1965, Tổ Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã trưởng thành nhanh chóng cả về lực lượng cán bộ và trình độ chuyên môn. Từ chỗ chỉ có 3 thầy cô giáo khi mới thành lập, đến năm học 1965 đã có gần 30 thầy cô giáo. Tổ đã đảm nhiệm chức năng của một khoa nghiệp vụ trong Trường Đại học Sư phạm: đào tạo cán bộ Tâm lý - Giáo dục học đáp ứng cho các trường sư phạm khác và các cơ quan nghiên cứu của ngành; giảng dạy môn Tâm lý học, Giáo dục học và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các khoa trong trường; nghiên cứu khoa học và biên soạn giáo trình, tài liệu có liên quan đến khoa học giáo dục Việt Nam. Năm 1965 là mốc son trên con đường phát triển của Khoa Tâm lý - Giáo dục : Năm được nhà trường quyết định thành lập khoa, trên cơ sở Tổ Tâm lý - Giáo dục học đã có.

Ban đầu, Khoa Tâm lý - Giáo dục có 2 tổ chuyên môn: Tổ Tâm lý học do thầy Phạm Minh Hạc phụ trách và Tổ Giáo dục học do thầy Bùi Ngọc Hồ phụ trách. Sau nhiều lần chia tách hoặc sáp nhập do bối cảnh lịch sử khác nhau, từ một Bộ môn, Khoa đã phát triển thành một trong những khoa lớn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hiện nay Khoa có 6 bộ môn: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học phát triển; Tâm lý học ứng dụng; Lí luận dạy học; Lí luận giáo dục; Phương pháp giảng dạy và 1 tổ Văn phòng. Hiện nay, khoa có 35 cán bộ, nhân viên; trong đó có 9 phó giáo sư, 17 tiến sĩ, 4 thạc sĩ và 5 cán bộ có trình độ đại học.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Khoa Tâm lý - Giáo dục luôn đổi mới mục tiêu, chương trình nội dung đào tạo; tìm tòi, mở ra các hướng đi mới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của GD&ĐT. Từ chỗ chủ yếu dạy Tâm lý học và Giáo dục học cho sinh viên các khoa trong trường, Khoa đã tổ chức đào tạo cử nhân chuyên ngành Tâm lý - Giáo dục học (từ năm học 1972 - 1973). Từ năm học 2005 - 2006, khoa đã liên kết với Đại học St.Johns Hoa Kì để mở mã ngành đào tạo mới: Tâm lý trị liệu và Tâm lý học trường học. Với sự hỗ

trợ của Unicef Việt Nam, của Đại học St. Johns, khoa đã xây dựng chương trình đào tạo và đã mở các khoá đào tạo sinh viên trình độ cử nhân chuyên ngành Tâm lý học (Tâm lý học trường học) (từ năm 2008). Đây là những khoá sinh viên cử nhân Tâm lý học trường học đầu tiên ở Việt Nam.

Trong bối cảnh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chuyển đổi đào tạo từ hình thức đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ từ năm học 2009 - 2010, Khoa đã có những thay đổi đáng kể trong công tác đào tạo. Khoa đã xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo cử nhân theo hình thức tín chỉ của 2 ngành cử nhân Tâm lý giáo dục (đến năm 2019 đổi thành cử nhân Tâm lý học giáo dục) và cử nhân Tâm lý học (Tâm lý học trường học). Đồng thời, khoa đã đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng nội dung chương trình nghiệp vụ sư phạm của Trường giúp tăng thời lượng các môn nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm của trường như môn Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Thực hành Kỹ năng giáo dục, Lý luận dạy học, Đánh giá trong giáo dục, Xây dựng và phát triển chương trình.... Bên cạnh đó, khoa còn liên kết với các trường đại học khác, các Sở Giáo dục ở các tỉnh v.v... mở các lớp tập huấn về các kỹ năng nghề nghiệp cho nhiều đối tượng khác nhau.

Với những hướng đi này, Khoa luôn luôn là đơn vị tiên phong trong đào tạo cán bộ, chuyên gia, giáo viên, giảng viên thuộc các lĩnh vực khác nhau của Khoa học giáo dục. Góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển trường ĐHSP Hà Nội nói riêng, ngành Giáo dục và Đào tạo nói chung.

Dưới đây là sứ mệnh, tầm nhìn, chức năng và các nhiệm vụ của khoa Tâm lý – Giáo dục học hiện nay:

Sứ mệnh

Vì sự phát triển con người Việt Nam.

Tầm nhìn

Đơn vị hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, hướng mở trong lĩnh vực Tâm lý – Giáo dục học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Chức năng

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia Tâm lý học, Giáo dục học, chuyên gia giáo dục cộng đồng; đào tạo, bồi dưỡng khoa học nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý trong và ngoài ngành.

- Nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn....

- Đào tạo chuyên gia tư vấn, tham vấn Tâm lý và giáo dục cho nhà trường, các tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục trong và ngoài ngành.

- Liên kết, mở rộng hợp tác với các cá nhân, tổ chức, cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế, thực hiện các dự án đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học liên quan tới

công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên nghiên cứu, giảng dạy và thực hành các lĩnh vực chuyên môn của khoa Tâm lý – Giáo dục học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo hiện nay.

- Quản lý chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Khoa, hướng tới chất lượng, hiệu quả thực hiện các mục tiêu giáo dục.

Nhiệm vụ

• Đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm.
- Đào tạo giảng viên Tâm lý học, Giáo dục học cho các trường cao đẳng, đại học, các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Đào tạo cán bộ nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học cho các cơ sở nghiên cứu.
- Đào tạo chuyên viên Tâm lý học đường cho các phòng Tâm lý trường học, tham vấn Tâm lý trường học, các trung tâm tư vấn, các cơ sở can thiệp.
- Đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành: Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Tâm lý học trường học, Giáo dục đại học.
- Đào tạo Tiến sĩ các chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành, Lí luận và lịch sử giáo dục.
- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, giảng viên ĐH, CĐ chưa qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm.
- Bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng Tâm lý – Giáo dục cho các đối tượng có liên quan trong và ngoài ngành giáo dục.
- Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát hiện, điều chỉnh kịp thời, đáp ứng tốt các yêu cầu của thực tiễn giáo dục hiện nay.

• Nghiên cứu khoa học

- Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các nhà sư phạm.
- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học, chuyên đề cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm các hệ đào tạo, các loại hình đào tạo, bồi dưỡng.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển các khoa học chuyên ngành: Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Tâm lý học trường học nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học nhằm phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, giao lưu học thuật với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, ứng dụng thành tựu

khoa học vào công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục đào tạo hiện nay.

• **Các hoạt động đáp ứng yêu cầu xã hội**

- Tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu và giảng dạy, bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, giáo viên... của các Bộ, Ban ngành, các cơ sở đào tạo ngoài ngành sư phạm.

- Liên kết, mở rộng hợp tác với các tổ chức, cơ sở đào tạo, các Bộ, Ban ngoài ngành sư phạm, thực hiện các dự án, nghiên cứu khoa học liên quan tới công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Tổ chức các hoạt động tham vấn, tư vấn về Tâm lý, Giáo dục cho các cá nhân, tổ chức, cơ sở đào tạo, xã hội có nhu cầu. Cung ứng các dịch vụ chuyên môn, chuyên gia đáp ứng yêu cầu của các cá nhân và tổ chức xã hội.

• **Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa Tâm lý – Giáo dục**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa đảm bảo đủ về số lượng và vững vàng trong năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của khoa, trường hiện nay.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, những quy định của nhà trường, khoa.

1.2.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học của khoa Tâm lý – Giáo dục, trường ĐHSP Hà Nội được Bộ Giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập số 3565/QĐ/BGD&ĐT ngày 14/07/2006 với mã số 52310401 và bắt đầu tuyển sinh đào tạo khoá đầu tiên từ năm học 2008 – 2009 với khoá sinh viên đầu tiên là khoá K58 của trường ĐHSP Hà Nội. Chương trình cử nhân Tâm lý học của khoa TLGD, trường ĐHSP Hà Nội được xây dựng chuyên sâu về Tâm lý học đường hay còn gọi là Tâm lý học trường học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chính thức ban hành CTĐT đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học, chuyên ngành Tâm lý học trường học theo quyết định số 2685/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 21 tháng 9 năm 2009 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội. Đến năm 2017, Bộ GDĐT ban hành thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 về “Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học” quy định mã ngành TLH là 7310401. Chương trình này được rà soát, chỉnh sửa năm 2020 theo yêu cầu của trường ĐHSP Hà Nội và được ban hành theo quyết định số 6160/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN. Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT năm 2020 được rà soát, cập nhật một số nội dung nhỏ vào năm 2022.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tâm lý học của Trường ĐHSPHN được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định và hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình bao trùm được các năng lực cần thiết của chuyên ngành, nhóm ngành, được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi mới đối với năng lực cử nhân TLH, trang bị các năng lực cần thiết cho các sinh viên sau khi ra trường để đáp ứng nhu cầu xã hội. Các mục tiêu, CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT cử nhân Tâm lý học xác định rõ ràng trong chương trình chi tiết Giáo dục đại học ngành TLH năm 2020 đã được ban hành theo Quyết định số 6160/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Mục tiêu CTĐT năm 2020 bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

Căn cứ vào vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và nhu cầu của xã hội, mục tiêu chung của CTĐT các phiên bản năm 2020 và phiên bản năm 2022 được xác định là: *“Đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học, có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tham vấn, tư vấn cho các đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông, dạy nghề, đại học; tại các trung tâm tham vấn, bệnh viện. Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên, yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực. Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21. Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn”*.

Mục tiêu chung hướng đến những phẩm chất và năng lực nghề mà người học cần đạt được. Những phẩm chất và năng lực này được làm rõ và cụ thể hoá thành các kiến thức, kĩ năng và thái độ ở mục tiêu cụ thể [H1.01.01.02], bao gồm:

Về kiến thức

- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu và hiện đại

về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, văn hoá, tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng.

- Hình thành ở người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu của tâm lý học nói chung, tâm lý học trường học nói riêng.

Về kỹ năng

- Có kỹ năng sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá tâm lý của học sinh; xác định phương thức và hình thức trợ giúp, can thiệp tâm lý cho người học ở các cơ sở giáo dục khi các em gặp khó khăn về nhận thức, học tập, cảm xúc, hành vi và xã hội.

- Có kỹ năng tham vấn, tư vấn cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và cho xã hội về các vấn đề liên quan đến sự phát triển tâm lý của trẻ em và thanh thiếu niên.

- Có kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình sàng lọc, phòng ngừa, can thiệp sớm cho trẻ em và thanh thiếu niên.

- Có những kỹ năng cơ bản để tổ chức các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng tại các cơ sở nghiên cứu, thực hành tâm lý học.

Về thái độ

- Có thái độ học tập và làm việc một cách nghiêm túc, có kế hoạch, trách nhiệm, trung thực và khoa học.

Năm 2022, khi tiến hành rà soát mục tiêu, CDR và đề cương các học phần để thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo, khoa nhận thấy rằng những phẩm chất và năng lực được nêu ở mục tiêu chung cũng đã được cụ thể hoá ở chuẩn đầu ra. Do đó để tránh trùng lặp giữa mục tiêu cụ thể và các chuẩn đầu ra nên ở phiên bản 2022 đã bỏ phần mục tiêu cụ thể này [H1.01.01.03], [H1.01.01.05]. Như vậy, khoa Tâm lý – Giáo dục không có sự thay đổi về mục tiêu chung của các phiên bản 2020 và 2022 của CTĐT. Tuy nhiên, ở phiên bản 2020, ngoài mục tiêu chung còn có mục tiêu cụ thể, còn phiên bản 2022 không có mục tiêu cụ thể này.

Bảng 1.1.1 Bảng so sánh mục tiêu năm 2020 và mục tiêu năm 2022

Tiêu chí so sánh	Mục tiêu năm 2020	Mục tiêu năm 2022
Mục tiêu chung	Đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học, có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tham vấn, tư vấn cho các đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông, dạy nghề, đại học; tại các trung tâm tham vấn, bệnh viện. Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên	Không thay đổi so với phiên bản 2020

Tiêu chí so sánh	Mục tiêu năm 2020	Mục tiêu năm 2022
	<p>nhiên, yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực. Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21. Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn</p>	
Mục tiêu cụ thể	<p><i>Về kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu và hiện đại về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, văn hoá, tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng. - Hình thành ở người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu của tâm lý học nói chung, tâm lý học trường học nói riêng. <p><i>Về kỹ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá tâm lý của học sinh; xác định phương thức và hình thức trợ giúp, can thiệp tâm lý cho người học ở các cơ sở giáo dục khi các em gặp khó khăn về nhận thức, học tập, cảm xúc, hành vi và xã hội. - Có kỹ năng tham vấn, tư vấn cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và cho xã hội về các vấn đề liên quan đến sự phát triển tâm lý của trẻ em và thanh thiếu niên. - Có kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình sàng lọc, phòng ngừa, can thiệp sớm cho trẻ em và thanh thiếu niên. - Có những kỹ năng cơ bản để tổ chức các hoạt 	Không có mục tiêu cụ thể

Tiêu chí so sánh	Mục tiêu năm 2020	Mục tiêu năm 2022
	<p>động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng tại các cơ sở nghiên cứu, thực hành tâm lý học.</p> <p><i>Về thái độ</i></p> <p>- Có thái độ học tập và làm việc một cách nghiêm túc, có kế hoạch, trách nhiệm, trung thực và khoa học.</p>	

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN. Sứ mạng của trường Đại học Sư phạm Hà Nội là “*đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao*” [H1.01.01.06] và tầm nhìn được Trường ĐHSPHN xác định “*đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế*” [H1.01.01.06]. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành TLH nhấn mạnh đến việc “*đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học*”, giúp cho sinh viên ra trường có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như “*yêu quê hương, đất nước, yêu học sinh, ý thức tự học*” và các phẩm chất đạo đức của nghề như “*yêu nghề, trách nhiệm, trung thực*”. Đồng thời mục tiêu cũng xác định sinh viên hình thành được các năng lực chung như “*tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo*” và các năng lực chuyên môn đặc trưng của nghề về tham vấn, tư vấn tâm lý. Có thể thấy rằng, những gì mục tiêu của chương trình đào tạo ngành TLH đề ra là phù hợp với sứ mạng đào tạo chuyên gia xuất sắc có đóng góp quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội của trường ĐHSP Hà Nội. Với những phẩm chất và năng lực được trang bị, sinh viên ngành TLH sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, trở thành những nhà tham vấn, tư vấn có chất lượng cao được xác định trong tầm nhìn của Nhà trường.

Mục tiêu của CTĐT ngành TLH các phiên bản năm 2020, 2022 phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục Đại học 2019 [H1.01.01.08] là: *Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Có thể thấy mục tiêu giáo dục của CTĐT cử nhân TLH của khoa đã đáp ứng được các mục tiêu đào tạo trình độ đại học qua bảng so sánh sau:*

Bảng 1.1.2. Tham chiếu mục tiêu của CTĐT ngành TLH với mục tiêu GDĐH được

quy định trong Luật GDĐH năm 2019

Mục tiêu đào tạo trình độ ĐH trong Luật giáo dục năm 2019	Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành TLH
<i>Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học, có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tham vấn, tư vấn cho các đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông, dạy nghề, đại học; tại các trung tâm tham vấn, bệnh viện. - Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên, yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực. - Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn
<i>Có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. - Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. - Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21.

Quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT có dựa trên việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.09] và lấy ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.10]. Các chuyên gia cũng như các nhà tuyển dụng lao động đều hướng đến việc làm rõ những phẩm chất và năng lực mà người học cần phải có sau khi ra trường, dựa vào yêu cầu của vị trí việc làm mà họ sẽ đảm nhận. Từ các mục tiêu đã xác định, CTĐT năm 2020 và 2022 đã cụ thể hoá thành 20 chuẩn đầu ra, trong đó có 6 CĐR về phẩm chất và 14 CĐR về các năng lực chung, năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp ngành TLH. Do đó, mục tiêu của chương trình năm 2020 và 2022 là hướng vào hình thành các phẩm chất, năng lực cho người học (theo tiếp cận năng lực).

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành TLH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường ĐHSPHN, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát định kỳ các bên liên quan để xem xét rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu đào tạo chưa được thực hiện trên phạm vi rộng, có đủ đại diện từ các địa phương.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu của lần tiếp theo cần có khảo sát trên diện rộng, có đại diện của nhiều địa phương hơn	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Năm học 2025 - 2026
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu đào tạo và CĐR đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Từ năm học 2025 - 2026

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT cử nhân TLH năm 2020, và phiên bản 2022 gồm 4 tiêu chuẩn (20 tiêu chí). Mỗi CĐR được xác định rõ ràng, cụ thể ở 3 cấp độ: tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]:

- Tiêu chuẩn 1 gồm 6 tiêu chí (CĐR1, 2, 3, 4, 5, 6) và 20 chỉ báo. Tiêu chuẩn này hướng tới các phẩm chất mà người học cần đạt được, đó là: Tự hào dân tộc, yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên; trung thực và đáng tin cậy; trách nhiệm và tận tâm; yêu thương và có niềm tin vào học sinh; yêu nghề và tự hào về nghề nghiệp; ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- Tiêu chuẩn 2 gồm 6 tiêu chí (CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12), 28 chỉ báo. Các tiêu chí của tiêu chuẩn này hướng tới hình thành các năng lực chung cho sinh viên, tập trung vào các năng lực như: năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực lãnh đạo; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực nhận

thức về văn hoá – xã hội và năng lực tư duy phản biện.

- Tiêu chuẩn 3 là tiêu chuẩn về năng lực đặc thù ngành TLH, gồm 4 tiêu chí (CĐR 13, 14, 15, 16) với 14 chỉ báo hướng tới các năng lực chuyên môn cần thiết của ngành, bao gồm: năng lực thực hiện nguyên tắc đạo đức, văn hóa và các quy định pháp luật trong hoạt động TLH; năng lực thiết lập và duy trì quan hệ; năng lực khoa học và phát triển chuyên môn; năng lực thực hành chuyên môn tâm lý học trường học.

- Tiêu chuẩn 4 về năng lực phát triển nghề nghiệp. Tiêu chuẩn này gồm 4 tiêu chí (CĐR 17, 18, 19, 20) với 11 chỉ báo, xác định rõ những năng lực mà một sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành TLH cần có để có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục phát triển ở mức cao hơn. Các năng lực này gồm: năng lực giảng dạy và giám sát tâm lý học trường học; năng lực kết nối và phối hợp hệ thống trong hỗ trợ tâm lý học trường học; năng lực ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn TLH; năng lực CNTT và truyền thông trong TLH.

Các tiêu chuẩn trong CĐR được thiết kế theo logic từ những phẩm chất, năng lực chung có tính phổ quát đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đến các năng lực đặc thù của ngành và năng lực phát triển chuyên môn chuyên ngành. Các phẩm chất, năng lực chung như trung thực và đáng tin cậy, trách nhiệm và tận tâm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời... các năng lực thuộc nhóm 4Cs của con người mới thế kỷ XXI như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại, thay đổi nhanh chóng. Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành đã được thiết kế các chỉ báo và cả biểu hiện cụ thể, thể hiện những năng lực phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của đội ngũ giáo viên, chuyên gia làm việc trong lĩnh vực Tâm lý - giáo dục.

Với việc xây dựng CĐR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo của CĐR và được diễn đạt bằng các động từ chỉ hành vi có thể dễ dàng quan sát và đo lường được. Các chỉ báo đều thể hiện được tất cả 6 mức độ trong thang bậc nhận thức của Bloom. Cụ thể gồm các biểu hiện như: mô tả được, giải thích được, vận dụng được, phân tích được, tổng hợp được, đánh giá được... [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Điều này còn được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các phương pháp đánh giá thể hiện trong Bản mô tả chương trình đào tạo 2020 và 2022, đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.04], [H1.01.02.05]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (4 tiêu chí về năng lực chuyên môn và 4 tiêu chí về năng lực phát triển nghề nghiệp) để họ thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát

triển kiến thức cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

CĐR được các chuyên gia, giảng viên, người học và người học tốt nghiệp nhận định đã đảm bảo khung chuẩn đầu ra của trường ĐHSPHN và được các cơ quan tuyển dụng đánh giá là xác định rõ ràng, cụ thể [H1.01.02.06], [H1.01.02.07] và được công bố công khai trên trang web của trường và của khoa [H1.01.02.08].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Trong mục tiêu chung đã nêu khái quát các phẩm chất và các năng lực mà sinh viên cần đạt được, trong đó các phẩm chất được cụ thể hoá ở 6 CĐR của tiêu chuẩn 1 và các năng lực được cụ thể hoá ở các CĐR của các tiêu chuẩn 2, 3, 4 [H1.01.02.01]

Bảng 1.2.1. Sự tương thích giữa mục tiêu với CĐR của CTĐT đã được xây dựng

Mục tiêu của CTĐT ngành TLH	CĐR ngành TLH
<p>Về phẩm chất</p> <p>Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên, yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực.</p>	CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6
<p>Về năng lực</p> <p>Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21. Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn.</p>	<p>- CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 13</p> <p>- CĐR 13, 14, 15, 16</p> <p>- CĐR 17, 18, 19, 20.</p>

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các phẩm chất, năng lực chung của công dân thế kỷ XXI, yêu cầu chung cũng như yêu cầu cụ thể của người làm công tác về Tâm lý học, giáo dục học và phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

3. Điểm tồn tại:

Một số chuẩn đầu ra được tuyên bố chưa ngắn gọn, súc tích, khó đo lường và đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn

				thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xem xét, điều chỉnh CDR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho rõ ràng, súc tích.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Hàng năm và theo quy định của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Chương trình ngành TLH được xây dựng ban đầu và có sự chỉnh sửa phiên bản năm 2016 có CDR được phát biểu dưới dạng kiến thức, kỹ năng, thái độ. CDR này được rà soát, chỉnh sửa và ban hành vào năm 2020 theo tiếp cận hướng vào hình thành phẩm chất, năng lực cho người học. Quá trình rà soát, chỉnh sửa CDR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan như nhà quản lý, các chuyên gia, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan này đã được tiếp thu và cập nhật trong CDR của chương trình đào tạo năm 2020 như: những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp (6 tiêu chí về phẩm chất); có kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là cần có ngoại ngữ và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công việc, khả năng linh hoạt, sáng tạo trong công việc (6 tiêu chí về năng lực chung, 4 tiêu chí về năng lực chuyên môn và 4 tiêu chí về năng lực phát triển nghề nghiệp) [H1.01.03.03].

Để đảm bảo tính khoa học, tính hiện đại và cập nhật, CDR và chương trình đào tạo ngành TLH đã được tham khảo CDR và chương trình của một số trường Đại học trên thế giới và ở Việt Nam. Chương trình ngành TLH được tham khảo chủ yếu của một số trường đại học ở Hoa Kỳ và Hồng Kông như trường University of California, Santa Barbara - Hoa Kỳ, Trường Pace University, trường Hong Kong City U và một số đại học trong nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng [H1.01.03.05]. Cụ thể:

Bảng 1.2.2. Bảng so sánh CDR của chương trình TLH, chuyên ngành TLH trường học

với CĐR của một số ngành TLH của thế giới và Việt Nam

	Giống nhau	Khác nhau
Thế giới	Có mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra liên quan tới thái độ, kiến thức và kỹ năng như các chương trình tham khảo ở các trường trên thế giới.	Các chương trình quốc tế không chia ra khối kiến thức chung, các môn học tập trung sâu vào cơ sở ngành và chuyên ngành trực tiếp.
Việt Nam	Đáp ứng/có chuẩn đầu ra của bằng cử nhân Tâm lý học theo quy định của Bộ về phẩm chất, thái độ và kỹ năng thực hành	Chương trình TLH của ĐHSPHN đào tạo chuyên sâu về TLH trường học, các trường khác trong nước có trường chuyên sâu về TLH chung, có trường bao gồm nhiều môn nền tảng chung (cả TLH lâm sàng, TLH công nghiệp, TLH tham vấn,...)

Khoa đã tiến hành nhiều cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung, cũng như các cuộc họp để rà soát và chỉnh sửa CĐR để có được CĐR hoàn thiện. Đặc biệt, tiêu chuẩn 3 và tiêu chuẩn 4 là những tiêu chuẩn về năng lực chuyên ngành được xây dựng dựa trên định hướng cụ thể về các tiêu chí mà nhà trường đưa ra trong Giấy triệu tập số 250/ĐHSPHN-ĐT ngày 14/5/2019 [H1.01.03.06]. Các tiêu chuẩn này được chỉnh sửa nhiều lần, qua nhiều cuộc họp. Tiêu chuẩn 3, tiêu chuẩn 4 được mô tả kĩ càng qua các tiêu chí, các chỉ báo cụ thể. CĐR 3 và 4 phản ánh được xu hướng mới của thời đại và thực tiễn cuộc sống cũng như phù hợp với yêu cầu thực tế đổi mới trong giáo dục phổ thông và đại học hiện nay. Đồng thời, CĐR 3 và 4 đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc trong thực tiễn, và đơn vị sử dụng lao động không phải mất quá nhiều thời gian để hướng dẫn cử nhân mới tốt nghiệp bắt nhịp được với công việc.

Ngoài ra, trong quá trình cập nhật, CĐR có dựa vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.03.07]. Đáp ứng được CĐR, người học ra trường có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm đáp ứng được bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia.

Ở chương trình năm 2016, chuẩn đầu ra thể hiện dưới hình thức kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chương trình 2020 và 2022 được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, do đó, so với phiên bản 2016, mục tiêu của CTĐT phiên bản 2020 và 2022 có cấu trúc khác, không chia thành kiến thức, kỹ năng, thái độ mà cấu trúc thành phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]

Bảng 1.3.1. Bảng so sánh CDR năm 2016 và CDR năm 2020 và năm 2022

Tiêu chí so sánh	CDR năm 2016	CDR năm 2020 và năm 2022
Cấu trúc	Gồm 3 chuẩn chia thành kiến thức, kỹ năng, thái độ	Gồm 20 chuẩn chia thành 4 nhóm: - Phẩm chất - Năng lực chung - Năng lực chuyên môn - Năng lực phát triển nghề nghiệp
Phát biểu	Phát biểu còn chung chung	Đã được phát biểu rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu
Chỉ rõ những gì sinh viên tốt nghiệp có thể đạt	Chưa chỉ rõ năng lực của sinh viên sau khi ra trường	Đã chỉ rõ năng lực cụ thể của sinh viên đạt được sau khi ra trường
Mức độ đáp ứng Khung giáo dục quốc gia tương ứng với bậc giáo dục đại học	Chưa đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường	Đã đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường
Khả năng đo lường	Khả năng đo lường và đánh giá thấp	Có thể đo lường và đánh giá được

CDR được thể hiện trong các bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do nhà trường ban hành [H1.01.03.03]; được thông tin trên trang web của khoa <https://psy.hnue.edu.vn/cu-nhan-tam-ly-hoc-truong-hoc>, trang web của trường <http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/CDR-TLGD.pdf> [H1.01.03.08], trong tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.08] và phổ biến cho sinh viên khi mới vào trường trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.10]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CDR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giáo viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

2. Điểm mạnh:

CDR của CTĐT cử nhân TLH đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CDR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp ý kiến cho CDR của CTĐT còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát CĐR với số lượng phong phú hơn.	Khoa TLGD, Trung tâm ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CĐR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Theo quy định điều chỉnh CĐR của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành TLH đã xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục đại học. Mục tiêu cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, mục tiêu diễn đạt cần ngắn gọn, súc tích hơn. CĐR của CTĐT TLH được xác định rõ ràng, cụ thể, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; trong đó nêu cụ thể được những năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và có thể đo lường, đánh giá được. Với những năng lực này, CĐR cũng cho thấy triển vọng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong tương lai. Bên cạnh những điểm mạnh trên, đôi chỗ của CĐR chưa được trình bày súc tích. CĐR của CTĐT TLH được xây dựng với sự tham gia và đóng góp của các bên liên quan bao gồm các giảng viên của khoa, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang học. CĐR đã được thể hiện công khai để sinh viên và những đối tượng quan tâm được thông tin.

Đánh giá tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					5		
Tiêu chí 1.2					5		
Tiêu chí 1.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.00						

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT cử nhân TLH được xây dựng trên cơ sở chương trình chi tiết do Trường ĐHSHPN ban hành năm 2020. Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về mục tiêu, CDR của chương trình, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, cấu trúc CTDH, mô tả các học phần cũng như các thông tin về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Khoa và nhà trường đã sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố một cách công khai các thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT đến các bên liên quan, nhằm giúp họ có thể tiếp cận một cách dễ dàng, hiệu quả. Đồng thời, Khoa cũng quán triệt việc sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương học phần như một kênh thông tin quan trọng giúp cán bộ, GV, SV và xã hội hiểu rõ ràng hơn về CTĐT cử nhân TLH.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT cử nhân Tâm lý học năm 2020, 2022 [H2.02.01.01], [H2.02.01.02] được xây dựng dựa trên Hướng dẫn Quy trình và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo của trường ĐHSHPN [H2.02.01.03], cũng như theo Kế hoạch của khoa Tâm lý giáo dục [H2.02.01.04] đã thể hiện cụ thể và chi tiết về các thông tin liên quan đến CTĐT. Bản mô tả CTĐT năm 2020 có các thông tin cơ bản sau:

Phần 1. Thông tin chung về CTĐT. Phần này bao gồm:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Tâm lý học
- Tên chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Tâm lý học
- Ngành đào tạo: Tâm lý học (Tâm lý học trường học)
- Mã ngành: 7310401
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Mục tiêu đào tạo: Gồm có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

+ Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học, có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tham vấn, tư vấn cho các đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông, dạy nghề, đại học; tại các trung tâm tham vấn, bệnh viện. Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên,

yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực. Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21. Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn.

+ **Mục tiêu cụ thể**

Về kiến thức

- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu và hiện đại về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, văn hoá, tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng.

- Hình thành ở người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu của tâm lý học nói chung, tâm lý học trường học nói riêng.

Về kiến thức

- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, toàn diện, chuyên sâu và hiện đại về chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, văn hoá, tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng.

- Hình thành ở người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu của tâm lý học nói chung, tâm lý học trường học nói riêng.

Về kỹ năng

- Có kỹ năng sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá tâm lý của học sinh; xác định phương thức và hình thức trợ giúp, can thiệp tâm lý cho người học ở các cơ sở giáo dục khi các em gặp khó khăn về nhận thức, học tập, cảm xúc, hành vi và xã hội.

- Có kỹ năng tham vấn, tư vấn cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và cho xã hội về các vấn đề liên quan đến sự phát triển tâm lý của trẻ em và thanh thiếu niên.

- Có kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình sàng lọc, phòng ngừa, can thiệp sớm cho trẻ em và thanh thiếu niên.

- Có những kỹ năng cơ bản để tổ chức các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tâm lý học nói chung và tâm lý học trường học nói riêng tại các cơ sở nghiên cứu, thực hành tâm lý học.

Về thái độ

- Có thái độ học tập và làm việc một cách nghiêm túc, có kế hoạch, trách nhiệm, trung thực và khoa học.

- Thể hiện được tình yêu đối với người học, với nghề nghiệp

- Chuẩn đầu ra

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất gồm 6 tiêu chí và 20 chỉ báo

Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung gồm 6 tiêu chí và 28 chỉ báo

Tiêu chuẩn 3: Năng lực chuyên môn gồm 4 tiêu chí và 14 chỉ báo

Tiêu chuẩn 4: Năng lực phát triển nghề nghiệp gồm 4 tiêu chí và 11 chỉ báo.

- Vị trí công tác (việc làm) có thể đảm nhận sau khi ra trường
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp
- Tiêu chí tuyển sinh/yêu cầu của CTĐT
- Chương trình đối sánh, tham khảo
- Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Phần 2. Cấu trúc chương trình đào tạo. Trong phần này, bản mô tả đã chỉ ra:

- Cấu trúc của chương trình đào tạo: khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ
- Khung chương trình đào tạo chi tiết toàn bộ các học phần trong CTĐT theo từng học kỳ, từng năm học thể hiện sự liên tục, kết nối từ khối kiến thức chung đến khối kiến thức chung của nhóm ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành.

Phần 3: Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của CTĐT. Trong phần này, thông tin của bản mô tả gồm có:

- Ma trận đáp ứng giữa các học phần nghiệp vụ chuyên ngành và các học phần chuyên môn của ngành với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
- Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy học
- Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp kiểm tra đánh giá

Phần 4: Tiến trình đào tạo. Trong phần này bản mô tả đã chỉ ra:

Tiến trình đào tạo theo 8 kỳ học với các học phần đi từ khối kiến thức đại cương đến khối kiến thức của nhóm ngành đến khối kiến thức ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành và rèn luyện năng lực nghề.

Phần 5. Mô tả các học phần

Phần này mô tả vắn tắt nội dung của các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm chuyên ngành bắt buộc và khối kiến thức chuyên ngành.

Dựa vào bản mô tả CTĐT ngành TLH, SV biết được cấu trúc chương trình chung và theo từng kì, lộ trình các môn học, những phẩm chất, năng lực cần đạt được sau khi học xong các học phần, từ đó các em có sự chủ động trong việc chuẩn bị, lên kế hoạch cho việc học tập. Mặt khác, bản mô tả CTĐT giúp giảng viên có một cái nhìn xuyên suốt CTĐT và biết được vị trí của học phần mà mình đảm nhiệm trong toàn bộ tiến trình đào tạo, từ đó có kế hoạch giảng dạy phù hợp để phát huy những kiến thức cũ mà SV đã được học và giúp SV hình thành kiến thức mới. Đối với các nhà tuyển dụng, bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin cơ bản về phẩm chất, năng lực của người học; giúp họ biết được đối tượng tuyển dụng của họ có những năng lực, phẩm chất gì sau khi ra trường và cần bổ sung thêm năng lực, phẩm chất gì khác [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Việc tiến hành rà soát và điều chỉnh được thực hiện thông qua các cuộc họp của Hội đồng khoa học, cuộc họp của khoa, với sự tham gia đóng góp ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm đang công tác tại khoa [H2.02.01.05]. Các nội dung được điều chỉnh, cập nhật cụ thể như sau:

Bản mô tả CTĐT 2020 được kế thừa các nội dung thông tin đã có của bản mô tả CTĐT các năm trước đó, đồng thời điều chỉnh, cập nhật thêm nội dung về chuẩn đầu ra theo hướng chú trọng phát triển các năng lực người học, trong đó, xác định rõ các năng lực cốt lõi mà người học cần đạt được, thể hiện ở 04 tiêu chuẩn với 20 tiêu chí (73 chỉ báo). 04 tiêu chuẩn bao gồm: 1. Phẩm chất; 2. Năng lực chung; 3. Năng lực chuyên môn; 4. Năng lực phát triển nghề nghiệp [H2.02.01.01].

Năm 2022, bản mô tả tiếp tục được chỉnh sửa một số nội dung nhỏ so với bản mô tả năm 2020, bao gồm [H2.02.01.02]:

- Bỏ phần mục tiêu cụ thể (phần này đã được thể hiện cụ thể trong CDR của CTĐT rồi)

- Điều chỉnh để cụ thể hơn ma trận thể hiện sự tương thích của PP giảng dạy, hoạt động học tập đối với CDR của CTĐT. Bổ sung thêm một số PP giảng dạy.

- Chỉnh sửa lại ma trận tương thích của phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CDR của CTĐT để đảm bảo việc đánh giá các CDR của CTĐT được cụ thể hơn.

2. Điểm mạnh:

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT đầy đủ và tường minh, hỗ trợ trong việc thực hiện CTĐT. Bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo của trường ĐHSPHN, các văn bản hướng dẫn của Bộ GD và ĐT. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại:

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thực sự đa dạng, thu hút người đọc

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa TLGD	Năm học 2025-2026
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội.	Khoa TLGD	Năm học 2025-2026

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương học phần ngành TLH được xây dựng với đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung học phần. Trong giai đoạn đánh giá, có 2 phiên bản đề cương: đề cương 2020 và 2022 [H2.02.02.01]; [H2.02.02.02]

Năm 2019, trường Đại học Sư phạm Hà Nội tiến hành chỉnh sửa chương trình đào tạo trong toàn trường. Khoa Tâm lý – Giáo dục đã chỉnh sửa lại đề cương học phần theo hướng dẫn và quy định của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Cấu trúc đề cương năm 2020 có sự thay đổi so với trước, trong đó, bổ sung các thông tin có tính cập nhật và đầy đủ hơn như: bổ sung thông tin về giảng viên phụ trách học phần, ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần, ma trận yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo khung chuẩn đầu ra của trường, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR học phần, ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập, phương pháp đánh giá...[H2.02.02.01]. Cụ thể đề cương học phần năm 2020 bao gồm những thông tin sau đây:

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần (tên tiếng Việt và tiếng Anh)
- Mã học phần
- Loại học phần
- Số tín chỉ của học phần
- Số tiết (Lí thuyết/Bài tập/Thảo luận, thực hành)
- Học phần tiên quyết/học trước/song song
- Các yêu cầu phục vụ đối với học phần
- Đơn vị phụ trách
- Giảng viên giảng dạy

2. Mô tả chung về học phần

3. Các thông tin về nguồn học liệu, bao gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng.

4. Mục tiêu của học phần

5. Chuẩn đầu ra của học phần

- Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, giữa mục tiêu học phần với chuẩn đầu ra của học phần

6. Nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Nội dung học phần: Liệt kê đầy đủ các chương trong học phần, phân bổ số buổi giảng dạy, số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học của mỗi chương.

- Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy: Liệt kê chi tiết, đầy đủ nội dung chính

của các mục/bài trong mỗi chương, phân bổ số tiết lý thuyết, thực hành..., phương pháp giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, các yêu cầu dành cho sinh viên ở từng mục/bài.

- Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá của học phần: Xác định rõ các hình thức, tỷ trọng đánh giá; ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập, tiêu chí đánh giá.

7. Chính sách đối với học phần

Đề cương học phần được các giảng viên cung cấp cho sinh viên ngay khi bắt đầu học phần.

Đề cương học phần được định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định của Trường. Việc rà soát được thực hiện với sự tham gia đóng góp ý kiến tích cực của các thành viên thuộc hội đồng khoa học và các giảng viên khoa Tâm lý giáo dục học, của các chuyên gia trong lĩnh vực Tâm lý giáo dục, các nhà tuyển dụng [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]. Việc rà soát đề cương các học phần được thực hiện theo các bước sau [H3.03.03.06]: (i) Khoa xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; (ii) Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung các đề cương; (iii) Tiếp đó các bộ môn sẽ rà soát đề cương từng học phần do bộ môn phụ trách và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi; (iv) Tiến hành họp Hội đồng khoa học khoa thông qua ý kiến đề xuất của các các bộ môn; (v) Làm tờ trình gửi lên trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của đề cương.

So với đề cương năm 2020, một số thông tin của đề cương học phần năm 2022 đã được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung cụ thể và rõ ràng hơn như: Bổ sung các phương pháp giảng dạy hiện đại cho các học phần để đảm bảo thích ứng hơn với CDR của CTĐT; chỉnh sửa các phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần cho phù hợp và thích ứng với CDR của CTĐT hơn. Ngoài ra, hệ thống giáo trình, tài liệu ở một số học phần cũng được bổ sung, cập nhật; bổ sung và điều chỉnh một số giảng viên tham gia giảng dạy ở một số học phần cho phù hợp với điều kiện về nguồn nhân lực hiện tại của khoa [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Các đề cương chi tiết năm 2020 và 2022 đã làm rõ các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình đào tạo. Các phương pháp giảng dạy đa dạng với những phương pháp chính như: thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học tình huống, thực hành đóng vai, dạy học qua dự án, động não. Trong đó, các phương pháp được sử dụng phổ biến và nhiều nhất là thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, động não, đóng vai. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế bao gồm: đánh giá thường xuyên qua quan sát sự chuyên cần, thảo luận và bài tập trên lớp; các hình thức kiểm tra chủ

yếu thực hiện dưới các bài thi tự luận, thi trắc nghiệm, vấn đáp, qua sản phẩm và việc trình diễn của sinh viên. Việc trình bày phương pháp giảng dạy/học tập được cụ thể, chi tiết theo nội dung học tập đến từng mục trong các chương. Các phương pháp này đều được xác định dựa trên mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của từng học phần, tương ứng với các nội dung học tập, đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR của CTĐT. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ cũng góp phần đạt chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực chung và của ngành cho người học [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

Căn cứ vào đề cương chi tiết, giảng viên có thể thấy được mục tiêu chuẩn đầu ra cần đạt của học phần, dễ dàng triển khai việc giảng dạy theo đúng các nội dung chi tiết đã có ở đề cương, đảm bảo số tiết lý thuyết cũng như thực hành, thảo luận. Các phương pháp giảng dạy/học tập và kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện nghiêm túc để đạt được CDR của học phần, qua đó góp phần đạt được CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh:

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân Tâm lý học có mục tiêu, nội dung rõ ràng và đầy đủ thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được bổ sung, cập nhật thường xuyên (Học phần Tâm lý học lao động sư phạm; Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học trường học; Giáo dục gia đình; Tâm lý học khác biệt)

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa TLGD	Năm học 2024 -2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được trường Đại học Sư phạm ban hành, Khoa Tâm lý – Giáo dục đã công bố công khai cho người học, giảng viên, những người

đang làm việc tại các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực Tâm lý học và Giáo dục học nội dung về bản mô tả CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website nhà trường

(https://hnue.edu.vn/Portals/0/TLHGD_Ban%20mo%20ta%20CTDT.pdf), cập nhật các thông tin trên website của khoa Tâm lý – Giáo dục (<http://psy.hnue.edu.vn/Portals/0/Uploads/Ban%20mo%20ta%20CTDT%20nganh%20TLHGD%202022.pdf?ver=KPa7K78BWEkXMRiPO8wkDA%3d%3d>) [H2.02.03.01] niêm yết bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của khoa hay cập nhật các thông tin cần thiết trong sổ tay sinh viên, tại các buổi Hội thảo của khoa [H2.02.03.02]; [H2.02.03.03]

Tương tự bản mô tả CTĐT, toàn bộ đề cương trong chương trình đào tạo được công bố công khai bằng nhiều hình thức:

- Công khai qua các văn bản chính thức của Nhà trường về bộ đề cương các học phần ngành TLH [H2.02.03.02], [H2.02.03.04]

- Công bố công khai trong quá trình dạy học: GV khi lên lớp giảng dạy đều cung cấp, giới thiệu cho sinh viên các thông tin trong đề cương học phần như CDR, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của học phần, đánh giá, học liệu, đề cương chi tiết học phần, phương pháp dạy học... để người học nắm bắt, tổ chức, sắp xếp phương pháp học cho phù hợp với học phần nhằm đạt kết quả cao.

- Công khai qua trang web của khoa [H2.02.03.01] <https://psy.hnue.edu.vn/cu-nhan-tam-ly-hoc-truong-hoc>

Việc công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần thông qua đa dạng các hình thức như trên đã giúp cho sinh viên dễ dàng biết được những thông tin cần thiết về học phần có thể đăng ký trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và khóa học; giúp cho các nhà tuyển dụng nhân viên liên quan đến lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu về CTĐT của khoa. [H2.02.03.06]

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, những người đang trực tiếp tham gia giảng dạy. Thông qua các buổi xemina này, nội dung các bản mô tả và đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học cũng được phổ biến tới các bên liên quan [H2.02.03.06].

GV và cán bộ quản lý đào tạo đều có thể tiếp cận CTDH, bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần TLH tại phòng Đào tạo và bản lưu tại văn phòng khoa.

Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, một số thông tin chính của bản mô tả CTĐT như các thông tin về CDR, vị trí công việc có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp, về CTĐT được giới thiệu, cung cấp cho thí sinh, phụ huynh và các đối tác liên quan [H2.02.03.07]

Thông qua sự đa dạng của các kênh thông tin nêu trên, các bên liên quan có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT, đặc biệt các sinh viên đang theo học có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ GV, cố vấn học tập và các bên liên quan đến đào tạo.

Theo kết quả khảo sát phản hồi của cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và sinh viên đang theo học về tác dụng của đề cương học phần, các giảng viên cho rằng đề cương học phần là căn cứ pháp lý để giảng viên dựa vào đó thiết kế giáo án và triển khai các hoạt động giảng dạy. Còn các sinh viên cho biết các thông tin trong đề cương giúp họ biết được họ sẽ được học những nội dung cụ thể gì trong học phần, các tài liệu học tập của học phần gồm những tài liệu nào và phân bố thời gian học tập ra sao để họ có thể tìm kiếm các thông tin về học phần phục vụ cho việc học tập và sắp xếp thời gian tự học cho phù hợp [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau (như tờ rơi, trang web) và dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng lấy ý kiến phản hồi cho bản mô tả CTĐT chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu SV về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nói riêng dưới nhiều hình thức để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành TLH.	Khoa TLGD	Học kỳ 2, năm học 2025-2026
22	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT ngành Tâm lý học năm 2020 cung cấp các thông tin một cách

đầy đủ và tường minh. Từ năm 2017 đến 2022, bản mô tả CTĐT ngành TLH đã được điều chỉnh 01 lần. Năm 2019 là năm xây dựng chương trình mới, sau 1 năm thử nghiệm bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành TLH. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSPHN; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về đào tạo TLH. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, Website của Khoa TLGD mới được chỉnh sửa lại năm 2024 nên chưa thống kê được tổng thể số lượt tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên website của Khoa TLGD từ năm 2020 đến 2022.

Đánh giá tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					5		
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.00						

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH ngành TLH được thiết kế dựa trên mục tiêu và CĐR của CTĐ theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT của Nhà trường và thích ứng với nhu cầu xã hội. CTDH ngành TLH được xây dựng theo tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra bao gồm tổng hợp các tiêu chí về phẩm chất và năng lực ngành nghề chuyên môn. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng phù hợp nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Quy trình xây

dựng CTDH ngành TLH được thực hiện một cách khoa học, trình tự logic, hợp lý và tổng thể nhằm hướng đến chất lượng đầu ra của người học. CTĐT - CTDH ngành TLH được rà soát định kỳ để đảm bảo tính cập nhật.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CĐR được coi là cơ sở để phát triển CTDH. CTDH ngành TLH phiên bản năm 2020 và 2022 được thiết kế dựa trên 4 tiêu chuẩn bao gồm 20 CĐR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp [H3.03.01.01].

- Tiêu chuẩn 1 gồm các CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6 tập trung vào việc xây dựng, hình thành phẩm chất cho người học, đó là: Tự hào dân tộc; yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Yêu thương và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào nghề nghiệp; ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời [H3.03.01.01].

- Tiêu chuẩn 2 gồm các CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12 tập trung vào hình thành các năng lực chung cho sinh viên như: năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực lãnh đạo; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội; năng lực phản biện. [H3.03.01.01]

- Tiêu chuẩn 3 có các CĐR 13, 14, 15, 16 hướng tới hình thành các năng lực chuyên môn đặc thù của ngành TLH cho sinh viên, đó là: Năng lực thực hiện nguyên tắc đạo đức, văn hóa và các quy định pháp luật trong hoạt động TLH; Năng lực thiết lập và duy trì quan hệ; Năng lực khoa học và phát triển chuyên môn; Năng lực thực hành chuyên môn TLH.

- Tiêu chuẩn 4 gồm các CĐR còn lại 17, 18, 19, 20 tập trung vào khối kiến thức giúp người học tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở mức cao hơn sau khi đã có năng lực đặc thù ngành và được thể hiện qua các năng lực như: Năng lực giảng dạy và giám sát TLH; Năng lực kết nối và phối hợp hệ thống trong hỗ trợ TLH; Năng lực ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn TLH; Năng lực CNTT và truyền thông [H3.03.01.01]

Với yêu cầu về CĐR như vậy, cấu trúc CTDH ngành TLH các phiên bản 2020 và 2022 được thiết kế gồm 3 khối kiến thức: khối kiến thức chung, khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Mỗi khối kiến thức đều hướng tới đạt được các tiêu chuẩn của CĐR. Cụ thể như sau:

- Khối kiến thức chung với 35 TC (không tính số tín chỉ của các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) chiếm 27,2 % gồm 2 khối: khối kiến thức chung của trường (gồm các học phần: Triết học Mac – Lenin, Kinh tế chính trị Mac-Lenin, Lịch sử Đảng, Ngoại ngữ...) và các kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng; khối kiến thức chung của nhóm ngành khoa học xã hội (gồm các học phần: Nhập môn Khoa học

xã hội nhân văn; Xã hội học đại cương; Cơ sở Văn hoá Việt Nam; Nhân chủng học đại cương; Lịch sử văn minh thế giới...).

Các học phần này được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về phẩm chất và năng lực chung (tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2 gồm 12 CĐR, từ CĐR 1 đến CĐR 12) đối với người học, trong đó, chú trọng đào tạo người học những kiến thức nền tảng với cái nhìn tổng quan về kinh tế - xã hội, về chính trị - tư tưởng; giáo dục người học về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người làm công tác tham vấn, tư vấn tâm lý, luôn chủ động và rèn luyện bản thân để có thể đáp ứng được với những yêu cầu của công việc, đồng thời cũng giúp cho người học có một phong kiến thức rộng về con người và xã hội để làm cơ sở cho hoạt động tham vấn, tư vấn tâm lý sau này.

- Khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành gồm 17 TC chiếm 13,6% gồm những học phần có tính bắt buộc làm nền tảng kiến thức, là cơ sở cho khối kiến thức chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức này được thiết kế dựa trên các yêu cầu của 6 CĐR đầu tiên về phẩm chất, 6 CĐR tiếp theo về năng lực chung và 4 CĐR của năng lực chuyên môn trong đó chú trọng đào tạo người học kiến thức về cơ sở sinh lý, cơ sở tâm lý và giáo dục con người..., giúp cho người học có kiến thức để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn nghề nghiệp sau này; hình thành, phát triển cho người học một số năng lực quan trọng như năng lực thu thập thông tin, năng lực tổng hợp, so sánh, phân tích các thông tin liên quan đến tâm lý và giáo dục con người. Sinh viên sẽ có thêm động lực để gắn bó với nghề và tự hào hơn với nghề nghiệp của mình, có trách nhiệm với công việc, đồng thời, được tạo cơ hội để phát triển các năng lực của bản thân như: tự chủ và thích ứng với sự thay đổi, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Khối kiến thức chuyên ngành với 74 tín chỉ chiếm 59,2% được chia thành 3 khối: khối kiến thức bắt buộc của chuyên ngành (Nhập môn TLH trường học, nhập môn tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên, tham vấn trong TLH trường học, đánh giá trí tuệ trong TLH trường học...); khối kiến thức tự chọn (Can thiệp khủng hoảng trong học đường, Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường học, Tổ chức dạy học, Giáo dục gia đình, Tâm lý học khác biệt...) và cuối cùng là thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

Các học phần thuộc khối này được thiết kế dựa trên cả 4 yêu cầu của cả 20 CĐR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp, trong đó chú trọng nhiều nhất đến các yêu cầu về năng lực chuyên ngành và năng lực phát triển nghề nghiệp để đáp ứng được tính đặc thù của ngành Tâm lý học, cụ thể: các học phần hướng đến giúp người học có được những kiến thức cơ bản về tham vấn, tư vấn tâm lý cho các đối tượng người học từ mầm non cho đến đại học. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức này vào nhiều hoạt động khác nhau của nghề nghiệp trong tương

lai như tham vấn, tư vấn tâm lý cho nhiều đối tượng đặc biệt là học sinh trong các trường phổ thông, có khả năng giảng dạy kỹ năng sống, giảng dạy Tâm lý học tại các trường từ trung cấp trở lên. Đồng thời, họ có khả năng phát hiện được các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và đề xuất được các ý tưởng giải quyết vấn đề, sử dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý học trường học để thực hiện các nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trên cơ sở đó người học sẽ chủ động và dễ dàng thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc trong tương lai.

Việc thiết kế 3 khối kiến thức trong CTDH khá chặt chẽ và khoa học, có sự cân nhắc, lựa chọn kỹ trong các học phần để đáp ứng với CĐR tương ứng. Về phân bố các học phần như: Các học phần bắt buộc/tự chọn, chung/cơ sở/chuyên ngành/tiên quyết được phân bổ hợp lý nhằm giúp sinh viên chủ động trong việc lựa chọn các học phần theo kế hoạch. Thời gian đào tạo của chương trình cử nhân khoa TLGD 4 năm, 8 học kì là hợp lý [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

CTDH cũng thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp nhằm giúp đạt được các CĐR của CTĐT [H1.01.01.05]. CTDH ngành TLH sử dụng nhiều phương pháp dạy - học khác nhau nhằm đạt được 20 chuẩn đầu ra. Sự đa dạng phương pháp dạy học giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức, cải thiện về kỹ năng và hình thành mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV trong quá trình học tập, qua đó SV đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp dạy học được thiết kế trong CTĐT ngành TLH được thiết kế đảm bảo tương thích với CĐR của CTĐT, thể hiện tại **bảng 3.1**.

Bảng 3.1. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy học

STT	Chiến lược giảng dạy	Các phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		Tổng			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		19	20	
1	Chiến lược giảng dạy trực tiếp	Thuyết trình nêu vấn đề	x	x	x		x		x	x			x	x	x	x	x		x	x				
2		Vấn đáp			x									x	x	x	x		x	x	x	x	x	
3	Chiến lược dạy học rèn luyện kỹ năng	Thực hành		x				x		x					x	x		x	x	x	x	x		
4		Quan sát	x	x	x	x	x	x		x	x				x	x		x	x	x		x		
5		Trực quan													x	x		x	x	x				
6		Luyện tập			x			x		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Chiến lược dạy học	Nêu và giải quyết vấn đề			x				x		x	x	x	x				x	x	x	x			
8	hình thành	Tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
9	kỹ năng tư duy	Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x				x				x			x	x					
10	Chiến lược hợp tác	Thảo luận nhóm		x	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x	x			x	x			
11	Chiến lược	Dự án			x			x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x			
12	dạy học	Trò chơi	x	x		x	x	x							x			x	x		x			
13	dựa vào hành động	Đóng vai		x	x	x								x	x	x	x	x	x	x				

Theo đó, mỗi CĐR của CTĐT ngành TLH sử dụng một số phương pháp đánh giá khác nhau như: Quan sát, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, đánh giá qua trình diễn của sinh viên, đánh giá qua sản phẩm [H1.01.01.03]. Nhìn chung các phương pháp đánh giá và công cụ được sử dụng là phù hợp với CĐR, đảm bảo đánh giá được đầy đủ và chính xác về ý thức thái độ học tập trên lớp, khả năng lĩnh hội kiến thức và giải quyết các vấn đề, khả năng tự học và sáng tạo, khả năng tư duy vận dụng các vấn đề lý luận vào các tình huống thực tế, kỹ năng trình bày, thuyết trình, phản biện, kỹ năng phối hợp và làm việc nhóm của SV. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT ngành TLH. Đồng thời, các phương pháp kiểm tra đánh giá như trên đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động, tự giác trong việc chuẩn bị, chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập hướng đến đạt CĐR.

Trên cơ sở chương trình khung đã được phân bố theo từng kì học và thời khóa biểu các học phần chung của trường, Khoa xây dựng thời khóa biểu cho các học phần chuyên ngành và tiến hành phân công giảng dạy theo từng học kỳ cho các GV [H1.01.01.04] căn cứ vào các giảng viên phụ trách từng học phần đã được ghi rõ trong từng đề cương môn học [H1.01.01.05].

Khoa đã tổ chức các buổi họp để xây dựng CTĐT cũng như các buổi tọa đàm để lấy ý kiến góp ý, phản hồi của các đơn vị, các cơ sở liên quan đến lĩnh vực Tâm lý học như các trường ĐHSPT, CĐSP, các trường phổ thông về CĐR và CTĐT ngành TLH [H3.03.01.06].

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành TLH được thiết kế logic, khoa học dựa trên các yêu cầu của CĐR, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm cũng như năng lực chuyên ngành đối với người học

CTDH của ngành được tiến hành thiết kế một cách có hệ thống và chú trọng tới tính logic của các môn học trong CTDH, nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên ngành, từ những học phần thuộc lĩnh vực rộng đến các kiến thức thuộc chuyên ngành hẹp.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của cựu người học về CTDH chưa được nhiều và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của nhiều bên liên quan dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng.	Khoa TLGD	Năm 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động và tiếp tục bổ sung, điều chỉnh chương trình dạy học một cách hợp lý và logic hơn. Đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của thị trường lao động.	Khoa TLGD	Năm 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Khung chương trình dạy học ngành TLH được thiết kế gồm 3 khối kiến thức: khối kiến thức chung, khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.02.01], [H3.03.02.02] với tổng số tín chỉ sinh viên phải tích lũy là 126 TC (trong đó không tính số tín chỉ của các học phần về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, đồng thời đảm bảo được sự gắn kết giữa các khối kiến thức. Mỗi học phần đều thể hiện mức độ đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể:

Ở khối kiến thức chung, CTDH được thiết kế để đạt được CĐR ở tiêu chuẩn 1 và tiêu chuẩn 2. Các học phần: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mac – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam. Các học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, kinh tế, chính trị của đất nước. Các học phần Tiếng Anh; Tiếng Trung; Tiếng Pháp; Tiếng Nga cung cấp cho người học kiến thức về ngoại ngữ đáp ứng với yêu cầu thị trường lao động. Các học phần Thống kê xã hội học, Tâm lý học giáo dục giúp sinh viên có kiến thức nền tảng cho hoạt động tham vấn, tư vấn cũng như dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học ở các khối kiến thức tiếp theo. Các học phần chung của nhóm ngành như Cơ sở văn hoá Việt Nam, Nhân học đại cương, Nhập môn khoa học Xã hội và nhân văn,

Lịch sử văn minh thế giới góp phần giúp sinh viên có vốn hiểu biết cơ bản, nền tảng về văn hoá, xã hội, lịch sử và con người. Các học phần về Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng giúp người học tăng cường và nâng cao sức khỏe. Sau khi hoàn thành khối kiến thức chung trong CTDH người học hiểu được tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ động giải quyết được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước, có hiểu biết về văn hoá, xã hội, lịch sử và con người phong phú, luôn quan tâm và rèn luyện sức khỏe, thể lực và đạt được những yêu cầu về ngoại ngữ theo đúng quy định [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Ở khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành, chương trình thiết kế nhằm đạt được CĐR của các tiêu chuẩn 1, 2, 3 của CTĐT. Các học phần ở khối kiến thức này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng, ban đầu về ngành học, hiểu được các vấn đề về khoa học tâm lý làm cơ sở cho sinh viên vận dụng được kiến thức đó để học các môn chuyên ngành và vận dụng vào tham vấn, tư vấn tâm lý và tổ chức hoạt động giáo dục cho các đối tượng người học khác nhau [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Ở khối kiến thức chuyên ngành, chương trình thiết kế với nhóm các kiến thức bắt buộc và nhóm kiến thức tự chọn nhằm đáp ứng cả 4 tiêu chuẩn của CĐR chương trình đào tạo. Nhóm kiến thức tự chọn cung cấp cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn về ngành học của mình. Với nhóm kiến thức bắt buộc, chương trình thiết kế với các học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tham vấn, tư vấn tâm lý ở nhiều mặt (Nhập môn tâm lý học trường học, Hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh có khó khăn học tập, Tư vấn giới tính và SKSS ...), về đánh giá, đo lường tâm lý với các đối tượng khác nhau (Đại cương đánh giá và đo lường trong tâm lý học trường học, Đánh giá nhân cách trong tâm lý học trường học, Đánh giá trí tuệ trong tâm lý học trường học) cũng như có hiểu biết và kỹ năng nghiên cứu khoa học Tâm lý học trường học, biết cách tìm hiểu, lựa chọn và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu (Các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học trường học). Thông qua các hoạt động thực hành nghề nghiệp, sinh viên được tiếp cận với các hoạt động tham vấn, tư vấn tâm lý và xây dựng các chương trình phòng ngừa thực tế tại các trường học. Đây là cơ hội tốt và cần thiết để sinh viên được thực hành, vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình tham vấn, tư vấn tâm lý cho người học. Không những vậy, trong quá trình thực tập nghề nghiệp, sinh viên được học hỏi nhiều kinh nghiệm quý báu từ những cán bộ có thâm niên về tham vấn, tư vấn tâm lý ở các cơ sở giáo dục cũng như được làm quen với môi trường làm việc trong tương lai [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Như vậy, các học phần của CTDH chính là sự thể hiện chi tiết, cụ thể và nhất quán nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rõ trong ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần trong việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Ngoài ra, CTDH có quy định rõ về các học phần tiên quyết nhằm đảm bảo tính logic giữa các học phần và các khối kiến thức trong cả chương trình của toàn khóa.

Trong đề cương, mỗi học phần đều có ma trận xác định rõ tích hợp giữa CĐR của học phần với các CĐR cụ thể của chương trình đào tạo; có ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần. Sự đóng góp của nội dung giảng dạy tới CĐR chi tiết tới từng mục [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Vì thế, mỗi học phần trong CTĐT của ngành TLH đều đóng góp rõ ràng để đạt được các CĐR tương ứng.

Về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá:

Phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần thống nhất với phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá của CTDH [H3.03.02.04]. Toàn bộ các học phần đều xác định rõ các phương pháp dạy của GV và phương pháp học của SV. Phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và bổ trợ cho nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR.

Các học phần trong CTDH đều đã thể hiện rõ chiến lược và các phương pháp giảng dạy được sử dụng đó là: Nhóm chiến lược giảng dạy trực tiếp (bao gồm các phương pháp thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp); Nhóm chiến lược giảng dạy rèn luyện kỹ năng (thực hành, quan sát, trực quan/minh họa, luyện tập/bài tập); Nhóm chiến lược dạy học hình thành kỹ năng tư duy (nêu và giải quyết vấn đề, tình huống, nghiên cứu trường hợp); nhóm chiến lược dạy học hợp tác (thảo luận nhóm); nhóm chiến lược dạy học dựa vào hành động (dự án, trò chơi, đóng vai). Các phương pháp này được vận dụng một cách tích cực trong giảng dạy từng học phần để đảm bảo cho SV đạt được CĐR chung của CTĐT [H3.03.02.02], [H3.03.02.04].

Về hình thức và tỉ trọng đánh giá các học phần trường và khoa thực hiện theo quy định cụ thể trong các Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của trường ĐHSPTN [H3.03.02.05] bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kì. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc chính xác, khách quan, thường xuyên và mang tính quá trình. Chương trình đã áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau [H3.03.02.04] như: quan sát, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, đánh giá qua sản phẩm học tập, đánh giá qua trình diễn của SV (thuyết trình, đóng vai, thảo luận nhóm...).

Các phương pháp đánh giá này được thiết kế đảm bảo không chỉ đánh giá năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp ngành Tâm lý học của SV mà còn đánh giá được phẩm chất và năng lực chung đã được thể hiện rõ ràng trong CĐR của chương trình đào tạo. Các đánh giá phù hợp được lựa chọn tùy thuộc vào phương pháp giảng dạy và yêu cầu kết quả học tập trong mỗi học phần. Các đánh giá đảm bảo thông

tin đầy đủ để đánh giá sự phát triển của SV và quá trình học tập cũng như hiệu quả của quá trình giảng dạy.

Nhìn chung, tất cả các học phần trong CTDH đều thể hiện được các phương pháp giảng dạy của GV, học tập của SV, các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR học phần, qua đó đáp ứng CDR của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy học và các phương pháp KTĐG đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ nhau trong việc đáp ứng CDR của CTĐT.

Nội dung các học phần trong CTDH thường xuyên được cập nhật, rà soát chỉnh sửa nhằm đạt được tốt nhất CDR.

Để đánh giá sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT, Khoa TLGD đã tổ chức các buổi họp Hội đồng khoa học, họp khoa, các buổi tọa đàm để bàn bạc, rà soát, xin ý kiến đóng góp cũng như những phản hồi về hoạt động xây dựng CTDH của các đơn vị, cơ sở thuộc ngành TLH [H3.03.02.06].

Thông qua nhiều kênh để tìm hiểu, rà soát để làm căn cứ, Khoa đã tiến hành điều chỉnh và bổ sung đề cương các học phần để phù hợp với CTĐT theo CDR hiện hành [H3.03.02.03]. Cụ thể, đề cương học phần ngành TLH đã được chỉnh sửa qua 2 lần: Lần 1 vào năm 2019 là lần chỉnh sửa lớn theo định hướng và yêu cầu chung của nhà trường, chuyển từ tiếp cận xây dựng chương trình theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang tiếp cận năng lực. Lần chỉnh sửa này tạo ra sự thay đổi từ cấu trúc chương trình cho tới số lượng tín chỉ các môn học [H3.03.02.01]. Lần 2 vào năm 2022 khi chương trình đã được thực hiện được 3 năm, khoa có chỉnh sửa nhỏ về phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, và cập nhật tài liệu tham khảo cho các học phần trong đề cương [H3.03.02.02].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành TLH có sự tương thích về CDR của học phần với CDR của CTĐT và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR của CTĐT.

Các học phần trong CTDH xác định rõ ràng các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

CDR các học phần chưa phản ánh được rõ mức độ đáp ứng các CDR về phẩm chất của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	Chỉnh sửa đề cương của một số học phần để tăng đóng góp cho CDR liên quan đến phẩm chất.	Khoa TLGD	Học kỳ 1, năm học 2025-2026
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để có thể điều chỉnh CTDH phù hợp hơn, thuận lợi hơn cho người học.	Khoa TLGD	Học kỳ 2, năm học 2025-2026

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành TLH hiện hành được xây dựng với cấu trúc chặt chẽ, khoa học và được thiết kế một cách có hệ thống, logic giữa các khối kiến thức, gồm 3 khối kiến thức là: khối kiến thức chung, khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp thu nội dung kiến thức dễ dàng [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Các khối kiến thức trong CTĐT được phân bổ theo những tỷ trọng nhất định, phù hợp với quy định chung của Bộ GDĐT, của trường ĐHSPT, phù hợp với đặc trưng cụ thể của ngành, cụ thể: Tổng số tín chỉ của CTĐT là 126 tín chỉ, trong đó:

- **Khối kiến thức chung** (không tính các môn học GDTC và GDQP): **35 TC (27,8%)**
- + Khối kiến thức chung của trường: 25 TC
- + Khối kiến thức chung của nhóm ngành: 10 TC
- **Khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành: 17 TC (13,5%)**
- **Khối kiến thức chuyên ngành: 74 TC (58,7%)**
- + Khối kiến thức bắt buộc: 41 TC
- + Khối kiến thức tự chọn: 18 TC
- + Thực hành nghề nghiệp: 10 TC
- + Khóa luận TN hoặc tương đương: 5 TC

Các học phần trong CTDH gồm 43 học phần được sắp xếp và bố trí hợp lý trong các 8 học kỳ (HK) chính, đảm bảo cho sinh viên có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả từ năm nhất đến năm thứ 4, cụ thể: HK1: 5 học phần (14TC); HK2: 8 học phần (17 TC); HK3: 6 học phần (16 TC); HK4: 6 học phần (15 TC); HK5: 5 học phần (17 TC); HK6: 5 học phần (14 TC); HK7: 6 học phần (18 TC); HK8: 2 học phần gồm Thực hành nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (15 TC). Thứ tự nội dung các học phần được sắp xếp theo trình tự logic, đảm bảo tính khoa học theo hướng đi từ những kiến thức cơ bản đến chuyên ngành, từ các vấn đề có tính lý luận đến thực hành và vận dụng vào thực tiễn. Tùy theo năng lực và kế hoạch học tập của mỗi SV có thể rút ngắn hoặc kéo dài

thời gian đào tạo theo đúng “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GDĐT và của trường ĐHSHPN [H3.03.03.03].

Các học phần trong CTĐT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa khối kiến thức chung, khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành, khối kiến thức chuyên ngành giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong thiết kế CTDH, các học phần đều có quy định về học phần học trước hay học phần tiên quyết để đảm bảo các học phần được giảng dạy theo trình tự logic, đảm bảo tính kế thừa, khoa học [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

CTDH được chỉnh sửa và cập nhật theo công văn số 486b/HD-ĐHSHPN ngày 14/10/2019 về “Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học Trường ĐHSHPN” [H3.03.03.06], công văn số 607/ĐHSHPN-ĐT ngày 16/12/2021 về việc “rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo” và các biên bản họp về xây dựng và điều chỉnh chương trình của trường và của khoa [H3.03.03.07]. Trong giai đoạn đánh giá, chương trình không có sự thay đổi về tổng số tín chỉ và số tín chỉ ở các khối kiến thức.

Chương trình dạy học 2020 và 2022 có sự phân bố các khối kiến thức của tất cả các ngành học theo năm học là:

- Năm thứ nhất: SV học khối kiến thức chung (của cả trường và theo nhóm ngành) (chiếm khoảng 25%)
- Năm thứ 2 và năm thứ 3: SV học khối kiến thức bắt buộc chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành (khoảng 50%)
- Năm thứ 4: Khối kiến thức chuyên ngành (khoảng 25%) (bao gồm cả thực hành nghề nghiệp)

Chương trình ngành TLH năm 2020 đã có sự điều chỉnh lớn so với các năm trước đó, phù hợp với chủ trương chung của trường ĐHSHPN. Sự điều chỉnh này thể hiện quan điểm chung của nhà trường “Tăng cường (một cách tối đa) các học phần chung nhau giữa các Chương trình đào tạo nhằm tạo điều kiện cho người học học được nhiều bằng cử nhân” và “Đảm bảo tính thống nhất của không gian giáo dục trong Nhà trường” [H3.03.03.08]. Sự thay đổi lớn của chương trình 2020 so với chương trình 2016 thể hiện rõ nhất ở sự thay đổi về chuẩn đầu ra. Chương trình 2016 chuẩn đầu ra theo tiếp cận kiến thức, kĩ năng thì CĐR của chương trình 2020 là về phẩm chất và năng lực. Ngoài ra các khối kiến thức được cấu trúc lại cho phù hợp với quan điểm chung ở trên.

Sự thay đổi của chương trình 2020 còn được thể hiện ở việc đề cương các học phần được yêu cầu bổ sung thêm CĐR của từng học phần, bổ sung thêm Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT, Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CĐR học phần, Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần, Ma trận tích

hợp CDR với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập. [H3.03.03.04], [H3.03.03.05]

Các học phần trong CTDH được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần để kịp thời điều chỉnh, thay đổi phù hợp với thực tiễn dạy học. Trên cơ sở công văn 607/ĐHSPHN-ĐT ngày 16/12/2021 về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của trường, khoa Tâm lý – Giáo dục đã thực hiện quy trình rà soát CTDH theo các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; (ii) Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT; (iii) Tiếp đó các bộ môn sẽ rà soát chương trình và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi; (iv) Tiến hành họp Hội đồng khoa học khoa thông qua ý kiến đề xuất của các bộ môn; (v) Làm tờ trình gửi lên trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của CTĐT.

Các ý kiến đóng góp về CTĐT của ngành TLH phiên bản 2020 được nêu ra chi tiết trong bản xemina lấy ý kiến của các bên liên quan, đại diện các cơ quan, tổ chức sử dụng người lao động, cựu sinh viên, giảng viên của khoa, các chuyên gia ngoài trường [H3.03.03.09]. Các ý kiến này đánh giá rằng CTDH có tính logic, được sắp xếp hợp lí, đi từ kiến thức cơ bản nền tảng, đến kiến thức chuyên ngành, tỉ lệ thực hành được tăng lên so với trước. Các ý kiến cũng đã chỉ ra việc nên tăng thêm thời lượng cho các môn chuyên ngành và giảm thời lượng các môn chung của nhóm ngành. Bên cạnh đó, có các ý kiến nêu rõ cần cập nhật tài liệu tham khảo cho các học phần, cập nhật lại thông tin giảng viên và bổ sung, chỉnh sửa về phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Căn cứ vào những góp ý này, khoa đã có sự tiếp thu có chọn lọc và sự điều chỉnh CTĐT cho phù hợp ở phiên bản 2022. Có những ý kiến góp ý nhưng không thuộc phạm vi quyền hạn của khoa, ví dụ góp ý về tăng cường các môn chuyên ngành giảm thời lượng môn chung, do đây là cấu trúc chương trình chung của cả trường, cho nên khoa chỉ ghi nhận và chuyển ý kiến đó lên trường. Còn những ý kiến khác đã được khoa tiếp thu và thực hiện điều chỉnh chương trình ở phiên bản 2022 [H3.03.03.05]. Cụ thể là:

- Bỏ phần mục tiêu cụ thể (gồm kiến thức, kỹ năng thái độ) ở phần "Mục tiêu của chương trình đào tạo" cho đỡ trùng lặp với chuẩn đầu ra, vì những kiến thức, kỹ năng và thái độ nêu ở mục tiêu cụ thể cũng đã được thể hiện ở chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Điều chỉnh, bổ sung các phương pháp dạy học hiện đại vào bảng ma trận ở mục 6.2 trong đề cương chi tiết các học phần. Việc điều chỉnh này sẽ tùy trên nội dung của từng học phần để có sự bổ sung phương pháp cho phù hợp.

- Chỉnh sửa lại các phương pháp kiểm tra đánh giá ở bảng ma trận của mục 6.3.2 trong đề cương chi tiết các học phần.

- Cập nhật các tài liệu tham khảo cho các học phần.

- Bổ sung 2 nội dung nhỏ cho học phần “Giáo dục học phổ thông”: Mục 1.3 “Quá trình giáo dục phổ thông” cho chương 1 và mục 2.3 “Mô hình giáo dục phổ thông” cho chương 2.

- Thay đổi giảng viên phụ trách, bổ sung thêm giảng viên giảng dạy ở một số học phần do giảng viên cũ xin chuyển đi nơi khác và một số giảng viên mới từ nơi khác chuyển về khoa hoặc giảng viên mới về khoa sau khi kết thúc đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài hoặc một số giảng viên làm công tác quản lý hoặc nghỉ hưu chuyển giao cho giảng viên khác... Cụ thể các học phần có sự thay đổi hoặc bổ sung giảng viên gồm: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Giáo dục học phổ thông, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học lao động sư phạm, Nhập môn Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên, Đánh giá nhân cách trong TLH trường học, Tiếng Anh chuyên ngành, Tham vấn nhóm, Tư vấn giới tính và sức khoẻ sinh sản.

Bên cạnh đó, khoa cũng chủ động tìm hiểu để tham khảo CTDH về ngành TLH của các trường đại học của các nước trên thế giới như Mỹ, Hồng Kông... và của các trường đại học trong nước và chỉ ra được những điểm giống và khác nhau như sau:

Bảng 3.3.1. Bảng so sánh CTDH ngành TLH, chuyên ngành TLH trường học với CTDH của một số ngành TLH của thế giới và Việt Nam

	Giống nhau	Khác nhau
Thế giới	<p>Các môn khối kiến thức chuyên ngành tương đồng khoảng 30%- 35%</p> <p>Cấu trúc chương trình đều có các phần chính như: chuyên ngành, Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</p> <p>Trong khối kiến thức chuyên ngành có các môn chuyên ngành tự chọn, tương đồng khoảng 5%- 15%.</p> <p>Giống với các chương trình quốc tế, tổng tín chỉ cả chương trình đào tạo trên 120 tín chỉ.</p>	<p>Nội dung các môn về đa văn hoá, về xã hội, về chính trị thuộc chương trình của ĐHSPHN không khác với những chương trình tham khảo ở các trường trên thế giới; nội dung mang tính văn hoá- xã hội Việt Nam nhiều hơn.</p> <p>Chương trình của ĐHSPHN không nhiều thời lượng học về não bộ, hệ thần kinh, cơ sở sinh học của tâm lý/hành vi nhiều bằng những chương trình tham khảo ở các trường trên thế giới.</p> <p>Chương trình của ĐHSPHN không nhiều thời lượng thực hành, thực tập bằng những chương trình tham khảo ở các trường trên thế giới.</p> <p>Tổng số tín chỉ của chương trình</p>

		<p>DHSPHN nhiều hơn những chương trình tham khảo ở các trường trên thế giới (Hong Kong City U, St. John's, ... đều chỉ đào tạo tổng 120TC</p>
<p>Việt Nam</p>	<p>Cấu trúc chương trình có các phần chính như: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức bắt buộc của nhóm ngành, Khối kiến thức chuyên ngành, Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</p> <p>Trong khối kiến thức chuyên ngành cũng bao có các môn chuyên ngành tự chọn</p> <p>Các môn học của khối kiến thức chung tương đồng khoảng 60% -70 % với các chương trình đào tạo cử nhân TLH khác trong nước</p> <p>Các môn học của khối kiến thức bắt buộc của nhóm ngành tương đồng khoảng 40%-50% với các chương trình đào tạo cử nhân TLH khác trong nước</p> <p>Các môn học của khối kiến thức chuyên ngành tương đồng khoảng 30%- 40% với các chương trình đào tạo cử nhân TLH khác trong nước</p> <p>Tổng tín chỉ cả chương trình đào tạo là 126 TC- giống với các chương trình đào tạo cử nhân TLH khác trong nước cũng đều trên 120 TC.</p>	<p>Chương trình TLH của ĐHSPHN đào tạo chuyên sâu về TLH trường học, các trường khác trong nước cơ trường chuyên sâu về TLH chung, có trường bao gồm nhiều môn nền tảng chung (cả TLH lâm sàng, TLH công nghiệp, TLH tham vấn,...)</p>

Các học phần trong CTDH được xây dựng dựa theo CĐR, vì vậy, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và năng lực phát triển nghề nghiệp được tích hợp một cách hợp lý trong các các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.05].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức chung bắt buộc của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành, được rà soát, điều chỉnh đảm bảo sự tương thích về nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với CĐR. Chương trình dạy học được tham khảo chương trình của các nước tiên tiến và có sự tiếp thu những điểm tốt từ những chương trình này. Các học phần của CTDH đảm bảo tính tích hợp và đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành Tâm lý học.

3. Điểm tồn tại

Tính tích hợp giữa các học phần chưa thật cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu nội dung các học phần để tìm ra những điểm chung giữa các học phần, từ đó nâng cao tính tích hợp giữa các học phần	Khoa TLGD	Học kỳ 2, năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi thêm CTĐT của các nước tiên tiến để cập nhật, chỉnh sửa.	Khoa TLGD	Học kỳ 2, năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành Tâm lý học được triển khai xây dựng và phát triển một cách khoa học và tuân thủ theo đúng các quy định của trường và của Bộ đã đề ra. CTDH được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic và có tính tích hợp giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và khối kiến thức chuyên ngành nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ

kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp, đáp ứng yêu cầu của CĐR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sự phạm và năng lực chuyên ngành. Nội dung của các học phần kiến thức chung, kiến thức nghiệp vụ sự phạm và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

CTDH đã được định kì rà soát, điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với các yêu cầu của CĐR và nhu cầu thực tiễn. Cán bộ giảng viên trong khoa luôn có ý thức cập nhật, đổi mới phương pháp, điều chỉnh nội dung môn học giúp SV thuận lợi trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR cần được thực hiện thường xuyên 2 năm một lần với số lượng tham khảo ý kiến lớn hơn.

Đánh giá tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1					5		
Tiêu chí 3.2					5		
Tiêu chí 3.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp dạy học là con đường, cách thức để đạt mục tiêu dạy học. Trong thời đại hiện nay, mục tiêu dạy học hướng tới hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho người học, vì vậy mà giảng viên trong các trường đại học cũng như giáo viên phổ thông cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng hóa các phương pháp dạy học. Đặc biệt, người học cần được trải nghiệm thực tiễn, tự xây dựng sản phẩm học tập như video, đề tài khoa học, các dự án, thực hành... hướng tới phát triển năng lực tự học suốt đời.

Khoa TLGD luôn chú trọng phương pháp tiếp cận hiệu quả trong dạy và học nhằm đạt được chuẩn đầu ra được mô tả trong chương trình đào tạo. Phương pháp tiếp cận dạy và học được căn cứ trên triết lý và mục tiêu giáo dục được Nhà trường tuyên bố rõ ràng. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Các giảng viên của Khoa đã vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học tích hợp, dạy học dựa trên truy vấn, dạy học dựa

trên dự án. Các đề tài trong các khóa luận tốt nghiệp đã thể hiện sự nghiên cứu, vận dụng và thực nghiệm thành công các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, hiện đại phát huy được tính chủ động, tích cực và khả năng tự học của người học.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của trường ĐHSPTHN được tuyên bố trong Quyết định Số 10883/QĐ-ĐHSPTHN ngày 29/10/2019 về việc sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030. Mục tiêu chung là “*Đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu chất lượng cao ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế*” [H4.04.01.01].

Ngày 06/12/2019, Trường ĐHSPTHN thành lập ban xây dựng “mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học” theo quyết định số 11868/ĐHSPTHN nhằm thống nhất mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học chung cho toàn trường [H4.04.01.02]. Sau khi tiến hành xin ý kiến của các đơn vị trong toàn trường, đến ngày 06/05/2020 Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPTHN được ban hành theo Quyết định Số 930/QĐ-ĐHSPTHN với nội dung là *đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng* hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục của Nhà trường không chỉ phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển của đất nước, đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội mà còn dự báo tính thích ứng trong tương lai và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường [H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa được cụ thể hóa trong mục tiêu của CTĐT và đề cương các học phần: Mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa được cụ thể hóa trong mục tiêu của CTĐT và đề cương các học phần: Đào tạo cán bộ hàng đầu về Tâm lý trường học, có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp tham vấn, tư vấn cho các đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông, dạy nghề, đại học; tại các trung tâm tham vấn, bệnh viện. Có những phẩm chất phù hợp với bối cảnh xã hội như yêu quê hương, đất nước, thiên nhiên, yêu nghề, yêu học sinh, ý thức tự học và các phẩm chất đạo đức đặc trưng nghề nghiệp như trách nhiệm, trung thực. Có năng lực tự chủ, hợp tác, tư duy

phản biện và sáng tạo của con người thế kỉ 21. Có năng lực tổ chức và tiến hành các dịch vụ về tham vấn, tư vấn tâm lý cũng như các lĩnh vực tâm lý học ứng dụng khác cho các cá nhân và tổ chức xã hội theo nhu cầu. Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu Tâm lý học trường học trong các cơ sở đào tạo cán bộ Tâm lý học, Tâm lý học trường học. Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các trình độ cao hơn. [H4.04.01.04]. CTĐT được thực hiện thông qua các hoạt động dạy - học cụ thể để có thể hiện thực được mục tiêu giáo dục như đã xác định:

Triết lý giáo dục	Hoạt động dạy - học cụ thể
Nhà giáo xuất sắc	Đổi mới phương pháp dạy – học
Tinh thần nhân văn	Tập huấn cách học cho mọi đối tượng người học
Tư duy hiện đại	Dạy tư duy sáng tạo
Hành động tích cực vì cộng đồng	Bồi dưỡng các trụ cột về giáo dục

Ngay sau khi Nhà trường ban hành quyết định, triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên của khoa cũng như tới các bên liên quan ngoài trường (các cấp quản lí, các cơ sở đào tạo khác, các nhà tuyển dụng) bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua trang website: <https://hnue.edu.vn/gioithieu/trietlygiaoduc> và trong buổi tổng kết năm học 2020 – 2021 [H04.04.01.05], tọa đàm, công tác dẫn đoàn thực tập,...

Mục tiêu của CTĐT cũng được phổ biến tới toàn thể người học vào tuần công tác học sinh-sinh viên ngay từ năm thứ nhất khi mới nhập học và trong Sổ tay sinh viên [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp trường, Phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên cũng như các đơn vị khác trong trường đã phổ biến mục tiêu giáo dục của nhà trường thông qua các buổi tọa đàm và sự kiện giới thiệu về trường như tổ chức vào đầu năm học dành cho sinh viên năm thứ nhất và sự kiện chào tân sinh viên [H4.04.01.08].

Tuy nhiên, mục tiêu, triết lý giáo dục của trường chỉ mới phổ biến đến các cơ sở thực tập, thực hành, chưa được phổ biến rộng rãi tới các cơ sở tuyển dụng trên khắp cả nước.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPTN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Triết lý giáo dục được chuyển tải vào trong CTĐT, cụ thể hóa trong các hoạt động dạy học như đổi mới phương pháp, tập huấn cách học, dạy tư duy sáng tạo... được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân TLH.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến các bên liên quan ngoài trường thông qua nhiều hình thức đa dạng và các kênh thông tin đại chúng như: báo chí, tọa đàm để dễ dàng tiếp cận.	- BGH nhà trường. - Phòng Công tác chính trị và học sinh sinh viên	Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025 Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các hoạt động phổ biến mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của trường thông qua các hoạt động cũng như các văn bản đã thực hiện.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025
		Tiếp tục sử dụng đa dạng các hình thức để tuyên truyền về mục tiêu đào tạo của khoa tới tất cả các bên liên quan.	Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học trong chương trình đào tạo ngành TLH được thiết kế đa dạng, phù hợp để có thể đạt được chuẩn đầu ra. Các học phần trong CTĐT có thiết kế hoạt động học lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học tương ứng với nội dung kiến thức giúp người học đạt được chuẩn đầu ra [H4.04.02.01]. Hoạt động dạy học luôn kết hợp đa dạng các phương pháp truyền thống cũng như các phương pháp mới: bao gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận nhóm, đóng vai theo chủ đề; dự án [Như tiêu chí 3.1]. Vì vậy, hình thức thi hết môn là phù hợp và đa dạng để đánh giá được CDR của sinh viên (thường là thi viết, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, tiểu luận, thực hành hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận).

Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. GV các Bộ môn giảng dạy đã xây dựng và triển khai các

phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực đa dạng, linh hoạt và hiệu quả theo đề cương chi tiết và quy định hội đồng khoa học [H4.04.02.02].

Hoạt động dạy và học trên lớp là hoạt động phổ biến để hướng dẫn thực hành, tổ chức thảo luận để SV nắm bắt kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng linh hoạt phù hợp từng lớp/nhóm, từng bài học. Tùy theo từng học phần, từng bài học và từng nhóm/lớp khác nhau, GV hướng dẫn SV có thể sử dụng các phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm, seminar,... Giờ học đã thu hút được đa số SV hào hứng tham gia và tham gia hiệu quả. Các hoạt động ngoại khóa, tham quan, thực tế,... rèn luyện các kỹ năng mềm và mở rộng kiến thức được tổ chức hàng năm cho 100% sinh viên.

Trong đó, phương pháp dạy - học được áp dụng đa dạng, linh hoạt như: Tổ chức thảo luận nhóm, thuyết trình theo chủ đề, nghiên cứu/xử lý tình huống, tranh luận, nhập vai, dự án,... [H4.04.02.02]. Cụ thể hoạt động tổ chức thảo luận nhóm, thuyết trình theo chủ đề được GV giảng dạy triển khai thực hiện ở tất cả các lớp học phần. GV sẽ chia SV trong lớp học phần thành các nhóm từ 8-10 SV sau đó yêu cầu các nhóm SV thảo luận và trình bày về một chủ đề nằm trong nội dung bài giảng của học phần. Chủ đề thảo luận nhóm của các học phần chuyên ngành tập trung vào việc yêu cầu các nhóm SV nghiên cứu, liên hệ thực tiễn tại các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên số giờ thảo luận vẫn còn hạn chế, đặc biệt với những lớp học phần có đông số lượng nhóm SV tham gia thảo luận thì đôi khi không đủ thời gian để tất cả các nhóm lên thuyết trình bài làm của nhóm. Hơn nữa những lớp học phần có đông số lượng nhóm như vậy cũng gây ra khó khăn cho GV và nhóm trong việc trao đổi, thảo luận sâu về vấn đề mà nhóm đã tìm hiểu và trình bày. Đây là điểm mà khoa TLGD và trường cần nghiên cứu để bố trí thời gian thảo luận và phân bổ số lượng nhóm SV thảo luận hợp lý hơn. Để giúp SV năng động và sáng tạo, trong quá trình giảng dạy GV đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở để SV tự suy luận, phát triển ý tưởng, liên hệ thực tế. Áp dụng các phương pháp trên đã giúp SV hiểu rõ lý thuyết, tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện thái độ/ phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện những kỹ năng học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, vận dụng lý thuyết; phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng học phần. Kết quả là khoảng 30% tới 40% SV được làm khóa luận tốt nghiệp

Với mục tiêu đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động dạy học, nhà trường đã luôn quan tâm đến hệ thống CSVC. Cụ thể Nhà trường đã triển khai hỗ trợ tiền mua máy tính cho GV, trang bị hệ thống máy chiếu tại tất cả các phòng học tạo thuận lợi cho việc chuẩn bị và tổ chức bài giảng bằng các phương tiện giảng dạy hiện đại. Ngoài ra các góp ý của GV về CSVC tại phòng học được ghi nhận và xử lý kịp thời. Công nghệ ngày

càng được GV ứng dụng nhiều hơn, hiệu quả hơn. Trong quá trình giảng dạy, GV đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, các mô hình để bài giảng sinh động, thu hút với SV. Đặc biệt, GV đã tiếp cận, sử dụng hiệu quả phần mềm đào tạo trực tuyến trong giai đoạn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid, các tiết học vẫn đảm bảo nội dung và tăng cường sự tương tác với SV [H4.04.02.02]. Nhiều GV đã kết hợp linh hoạt trong việc quản lý SV học tập qua các công cụ trực tuyến (Google classroom, Kahoot, padlet,...).

Với mong muốn giúp SV đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực tự chủ, khoa TLGD cũng đã khuyến khích SV tham gia NCKH từ rất sớm. Đề tài SV đăng ký được xét duyệt và phân công hướng dẫn bởi một nhà khoa học có kinh nghiệm. Đề hỗ trợ, tư vấn cho SV trong quá trình làm NCKH, khoa TLGD tổ chức các buổi tư vấn, thảo luận. Bên cạnh đó, học phần bắt buộc Phương pháp NCKH thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH. Với cách làm trên, đã có nhiều công trình NCKH của SV ngành TLH đạt chất lượng tốt được lựa chọn báo cáo điển hình và gửi dự thi cấp Trường, Bộ.

Bên cạnh đó, Khoa tổ chức các cuộc trao đổi theo chủ đề để chia sẻ các kinh nghiệm cá nhân (về cả khó khăn và thuận lợi) với SV như bạo lực học đường trên cơ sở giới, bạo lực gia đình... giúp SV có cái nhìn thực tế hơn về môn học và nhóm thân chủ họ tiếp cận [H4.04.02.04].

Từ những ngày đầu thành lập cho đến nay, Khoa có quan hệ quốc tế với các trường đại học trên thế giới và đã mời một số chuyên gia nước ngoài về lĩnh vực TLH đến làm tình nguyện chuyên môn, các chuyên gia hỗ trợ khá tốt cho GV của khoa về chuyên môn và ngoại ngữ, nguồn tài liệu chuyên ngành và phương pháp dạy học tích cực. [H4.04.02.05].

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký theo học chuyên ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng kết hợp giữa trên lớp và tự học online, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ [H4.04.02.06].

Khoa đã thường xuyên tổ chức buổi tọa đàm về "Phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học" cho sinh viên toàn Khoa. Đây là những buổi tọa đàm mở để GV và SV cùng trao đổi về cách thức truyền đạt kiến thức mà sinh viên mong muốn cũng như những gì giảng viên kỳ vọng ở người học. Câu lạc bộ Truyền thông, câu lạc bộ tiếng Anh cũng như các câu lạc bộ khác giúp SV được tham gia giao lưu SV quốc tế khi các bạn ấy đến Việt Nam, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng bằng tiếng

Anh, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Anh chuyên ngành cùng nhau và cùng các giảng viên học tập tại nước ngoài [H4.04.02.07].

Hoạt động thực hành, thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT [H04.04.02.08]. SV được cử đến các trường thực tập hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu thực tập để định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của SV như viện nghiên cứu, bệnh viện, trường học, trung tâm tư vấn Tâm lý.. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn. Bên cạnh đó, Khoa có hoạt động trao đổi về cách thức triển khai thực hành hiệu quả trong tổ thực hành, cũng như với sinh viên [H4.04.02.09], [H4.04.02.10]. Toàn bộ SV được làm khóa luận tốt nghiệp do đáp ứng được các yêu cầu đặt ra của Khoa về những điều kiện để làm Khóa luận tốt nghiệp.

Những phân tích trên cho thấy hoạt động dạy học được thực hiện đa dạng, phù hợp giúp đảm bảo CDR của CTĐT và điều này được thể hiện rõ qua kết quả khảo sát đánh giá của SV và cựu SV về đào tạo. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của SV và cựu SV về đào tạo cho thấy; nhìn chung, SV Khoa TLGD đánh giá tốt về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp được hình thành trong quá trình đào tạo [H4.04.02.11]. SV rất hài lòng đối với phương pháp GD và tổ chức các hoạt động học tập của GV. Điều này chứng tỏ nỗ lực đổi mới và lấy SV làm trung tâm của Nhà trường tiếp tục mang lại hiệu quả tích cực.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. GV và SV tham gia đều đặn các hoạt động NCKH. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế, các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra.	Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy hiệu quả của các phương pháp dạy và học hiện đại nhằm đạt CDR	- Giảng viên bộ môn - Trợ lý đào tạo - Cố vấn học tập	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Với mục tiêu giáo dục “Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có tinh thần chuyên nghiệp, thái độ tận tâm và sự sáng tạo trong công việc, làm chủ tri thức KH&CN hiện đại, tư duy sáng tạo, khả năng tự học, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế; có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội”. Nắm rõ được mục tiêu giáo dục này, trường ĐHSPHN nói chung và ngành TLH nói riêng đã định hướng thiết kế các hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học vào CTĐT, đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể được thể hiện rõ qua các khía cạnh sau:

CTĐT hiện thực hóa các nội dung để đạt CDR, CTĐT cũng cung cấp cho SV nội dung, hình thức và định hướng phương pháp học tập. Trong CTĐT của các môn học đều nêu rõ các nội dung, hình thức học tập, hình thức KTĐG, cơ cấu điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần. Tùy vào nội dung của các bài học, CTĐT có cách tổ chức giờ học và phương pháp dạy học khác nhau. Nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học được chi tiết hóa, cụ thể hóa đến từng giờ học trong đề cương chi tiết. Trong đó, các giờ thảo luận nhóm hay bài tập nhóm giúp SV nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trước đám đông [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Đề cương chi tiết các học phần đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho sinh viên [H4.04.03.01]. Cụ thể: Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu

hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV, được thể hiện thông qua nội dung dạy học chi tiết của từng học phần cụ thể và kế hoạch giảng dạy của giảng viên. Những kỹ năng này của sinh viên được thể hiện rõ trong các sản phẩm học tập như: Báo cáo thu hoạch, Bài tập nhóm, Báo cáo nghiên cứu khoa học, 100% SV được làm khóa luận tốt nghiệp... [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Các kỹ năng thiết yếu còn được đề cập cụ thể ở ĐCCT. 100% ĐCCT được xây dựng lịch trình dự kiến và ràng buộc các học phần tiên quyết, học phần học trước trong CTĐT để SV luyện khả năng tư duy, logic của các vấn đề. Mỗi học phần đều qui định rõ số giờ học lý thuyết trên lớp, giờ thảo luận và giờ tự học của SV, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Việc sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy của GV không chỉ đơn thuần truyền thụ kiến thức, hỗ trợ, hướng dẫn, khơi gợi để SV phát huy năng lực tư duy, tự học, tìm tòi, sáng tạo cho SV, mà còn hướng tới mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm) đã được chỉ rõ trong CĐR và ma trận kỹ năng các học phần CTĐT ngành TLGD.

Tất cả ĐCCT nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học của SV, thể hiện rõ ràng qua các nội dung học tập cũng như các tiêu chí đánh giá. Các học phần trong CTĐT đều dành thời lượng cho SV tự tìm hiểu, tự học. Trong các ĐCCT của CTĐT ngành TLH đều thể hiện rõ thời lượng giờ tự học theo qui định nhằm nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. Mỗi GV xác định rõ các hoạt động tự học phù hợp với các học phần (nghiên cứu tài liệu, bài tập nhóm, tiểu luận, dự án) và có phương pháp hình thức KTĐG phù hợp, hiệu quả về việc tự học của SV: giao bài tập, thực hiện báo cáo, bài thu hoạch, thực hiện đề tài NCKH; chú trọng một số kỹ năng, năng lực, phẩm chất cần thiết cho việc học tập suốt đời của SV (Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả) [H4.04.03.01].

CTĐT ngành TLH có quyết định ban hành với các hướng dẫn cụ thể, thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh dung lượng khối lượng kiến thức, tăng độ linh hoạt, bổ sung, thay thế một số học phần trong CTĐT nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, học tập suốt đời và hội nhập của SV, điều chỉnh và xác định rõ hơn các CĐR của CTĐT [H4.04.03.02] nhằm cải tiến khả năng của SV, hướng tới mục đích giúp SV tốt nghiệp có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Trong CTĐT cũng hướng tới việc nâng cao tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học trong quá trình học lý thuyết và thực hành, tự thực hành, thực tập, thực tập tốt nghiệp. Các học phần trong CTĐT đã quy định rõ số giờ tự học và chỉ ra

những tài liệu tham khảo giúp sinh viên có thể tìm, tra cứu phục vụ cho việc tự học [H4.04.03.02].

CTĐT cử nhân TLH đã thiết kế một số học phần nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học như học phần “kỹ năng giao tiếp”, “tâm lý học dạy học”, “kỹ năng giao tiếp sư phạm”... Hằng năm, Nhà trường, Khoa tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình và cập nhật trên website thư viện trường nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu [H4.04.03.03].

Trong bối cảnh KH&CN phát triển nhanh chóng, đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng thì việc tự học và học tập suốt đời trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Với CTĐT được thiết kế nhằm hình thành năng lực học tập suốt đời cho người học, rèn luyện thành những cá nhân độc lập, tự chủ, sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích, giải quyết các vấn đề phức tạp, khả năng linh hoạt thích nghi nhanh trong quá trình học tập và làm việc. CTĐT còn xây dựng các quy định và hoạt động giúp đào tạo, nâng cao các kỹ năng đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội đó là kỹ năng CNTT, kỹ năng ngoại ngữ,... để trở thành công dân toàn cầu trong tương lai.

Trong vòng 4 năm đào tạo tại trường, GV không thể cung cấp tất cả tri thức của nhân loại bởi lẽ, kiến thức là vô hạn, kiến thức tăng lên trong từng giây từng phút. Do đó, trong quá trình giảng dạy, GV không chỉ cung cấp thông tin mà quan trọng hơn là GV còn hướng dẫn SV tìm tòi, khám phá tri thức thông qua các kỹ thuật đọc lướt, bôi vàng, gạch chân, vẽ sơ đồ tư duy, tự học, tự nghiên cứu. Điều này được thể hiện rất rõ trong chính sự phân bố tỉ lệ giữa các giờ học. Ở bất cứ học phần nào, bên cạnh những giờ học lí thuyết, giờ học thực hành, bài tập thì GV luôn luôn dành cho SV những giờ tự học. Nhờ đó mà rèn luyện cho sinh viên có khả năng học tập và nghiên cứu suốt đời. Đồng thời, trong kiểm tra đánh giá, GV sử dụng nhiều hình thức khác nhau nhằm khuyến khích SV không chỉ có khả năng làm việc nhóm mà còn có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo, có những kỹ năng mềm như ngoại ngữ, tin học là cơ sở để SV có thể tiến hành học tập suốt đời. SV trình bày báo cáo, kết quả thu hoạch dưới nhiều hình thức khác nhau, không bắt buộc SV phải trả bài theo đúng đáp án mà ngược lại còn khuyến khích tư duy sáng tạo.

Ngoài các chương trình dạy và học chính khoá, các chương trình và hoạt động ngoại khoá giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của SV cũng diễn ra khá thường xuyên. Đặc biệt, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cũng được Khoa chú trọng. SV được tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên để tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp [H4.04.03.04]. Toàn bộ nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên được xây dựng phải có tính hệ thống theo nguyên tắc đi từ đơn giản đến phức tạp

theo một trật tự logic xác định của hoạt động và giao tiếp sư phạm – nghề nghiệp. Trong đó, mức độ khó, tính phức tạp của kỹ năng giảng dạy cũng như kỹ năng giáo dục và kỹ năng giao tiếp sư phạm phải được tăng dần lên sao cho sau khi giải quyết được các nhiệm vụ này, sinh viên có khả năng biết độc lập suy nghĩ để tìm ra phương thức hợp lý để giải quyết các nhiệm vụ giáo dục- đào tạo mới, khó hơn, cao hơn phù hợp với quy trình rèn luyện năng lực sư phạm.

Để thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, Khoa cũng rất chú trọng xây dựng và đổi mới chương trình rèn luyện nghiệp vụ TLGD hằng năm. Khoa cũng đã thiết kế các học phần là tiếng Anh chuyên ngành TLH giúp cho SV có thể phát triển kỹ năng tự học tiếng Anh chuyên ngành [H4.04.03.05].

Hằng năm, Khoa tiến hành khảo sát đối với SV vừa tốt nghiệp, SV đã tốt nghiệp sau 1 năm, GV đang giảng dạy và các nhà tuyển dụng để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.04.02.06] để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm là rất cao, chỉ có một số ít sinh viên làm không đúng ngành. Chúng tôi cũng hợp xin ý kiến của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp ngành TLH, nhìn chung các nhà tuyển dụng họ đánh giá rất cần nhân lực tốt nghiệp ngành TLH, nhưng ngay trong quá trình đào tạo Khoa cần phối hợp với nhà tuyển dụng để SV hiểu được kiến thức, kỹ năng, thái độ gì cần thiết đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong tương lai [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT cử nhân TLH được thiết kế đảm bảo thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho sinh viên. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học đã hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên nhưng mức độ sinh viên đạt được còn chưa đồng đều do sinh viên vẫn còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện đều tất cả các kỹ năng cho sinh viên	- Giáo viên bộ môn - Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần, điều chỉnh định kỳ nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Trường ĐHSPTHN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trên website. Mục tiêu giáo dục của trường trong những năm học vừa qua đều được phổ biến cho các cán bộ, giảng viên, người học trong Khoa hiểu rõ và thực hiện bằng cách chuyển vào nội dung và phương pháp giảng dạy của từng học phần.

Phương pháp giảng dạy được thiết kế hiện đại, đa dạng và sử dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù của từng học phần.

Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học phù hợp với từng học phần để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt chuẩn đầu ra.

Các hoạt động dạy và học được tổ chức tốt, đa dạng thúc đẩy tích cực việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Tuy nhiên, Nhà trường/Khoa chưa đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục cho các bên liên quan;

Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập;

Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên còn chưa đồng đều nên sinh viên còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ.

Đánh giá tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					5		

Tiêu chí 4.2					5		
Tiêu chí 4.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.7						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Nhà trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của sinh viên tốt nghiệp. Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong văn bản của Nhà trường và được thông báo công khai tới từng sinh viên. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trên cơ sở luật giáo dục đại học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được đề cập tới ở nhiều văn bản của trường như trong Đề án tuyển sinh [H5.05.01.01] và được công bố trên website, fanpage của Trường, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các thông tin chung bao gồm thông tin về trường; phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng ĐBCL đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, chính sách ưu đãi trong tuyển sinh, chính sách miễn giảm học phí và chính sách học bổng khuyến khích học tập; thông tin về các điều kiện ĐBCL [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]; thông tin về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Theo đó, ngành TLHTH cũng thực hiện tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh của trường ĐHSP HN, hoạt động tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo các quy định chung của Bộ GDĐT và của trường ĐHSP HN về chất lượng đầu vào, căn cứ Thông tư quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ để xác định chỉ tiêu tuyển sinh qua các năm học [H5.05.01.03].

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và trường ĐHSP HN. Khung đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của SV được Nhà trường

thống nhất, xây dựng và triển khai tới các Khoa chuyên ngành thông qua việc ban hành quy định về hoạt động khảo thí của trường ĐHSP HN [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Việc đánh giá quá trình học tập của SV qua các học phần được thực hiện bằng việc đánh giá điểm chuyên cần học tập trên lớp, các bài kiểm tra giữa kỳ, bài thảo luận nhóm và bài thi cuối kỳ (với hình thức thi kết thúc học phần hoặc làm bài tập lớn). Mức độ đáp ứng CĐR của các học phần được thể hiện ở kết quả đánh giá quá trình và kết thúc học phần. Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập SV được trường và Khoa phổ biến và công khai thông qua đề cương học phần [H5.05.01.01], [H5.05.01.07]. Sinh viên Khoa TLGD tất cả đều thực hiện Khoá luận tốt nghiệp.

Như vậy, hình thức KTĐG (trong từng học phần) và Khoá luận tốt nghiệp đảm bảo phù hợp với với mục tiêu, CĐR của học phần và việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, phù hợp với CĐR của CTĐT [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Hình thức thi phù hợp đặc thù của các học phần chủ yếu là các hình thức thi: tự luận, thực hành, trắc nghiệm trên máy tính và trình bày báo cáo nhằm đánh giá hết khả năng, kỹ năng mềm của SV như trình bày nói, trình bày viết, phân tích thông tin. 100% ĐCHP của CTĐT ngành TLHTH có quy định rõ ràng về cách thức KTĐG, nội dung, tỷ trọng điểm [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Các quy định, hướng dẫn này được công bố rộng rãi cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá cũng như bắt đầu mỗi học phần, trong cẩm nang SV ĐHSP HN, trên trang thông điện tử của trường ĐHSP HN [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Việc KTĐG bao gồm: KTĐG liên tục trong quá trình học tập, kiểm tra giữa kì và kiểm tra cuối kì.

Ngoài việc KTĐG kết quả của SV trong quá trình học tập của các học phần, đối với SV trước khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về thời gian đào tạo toàn khoá học và điều kiện đi thực tập, phải hoàn tất thực tập tốt nghiệp với báo cáo thực tập và KLTN. Đối với và đánh giá tốt nghiệp, Khoa TLGD dựa theo Quy chế đào tạo đại học và hệ cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSP Hà Nội [H5.05.01.02], Khoa cũng thiết kế được quy trình chấm khoá luận tốt nghiệp được quy định cụ thể với các tiêu chí đánh giá chi tiết, có thang điểm rõ ràng và quy định thời hạn sửa chữa, hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp theo quy định [H5.05.01.08]. Những học viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp hoặc không có nhu cầu làm khoá luận tốt nghiệp cũng được Khoa thiết kế các học phần thay thế tốt nghiệp được quy định gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng [H5.05.01.09].

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và trường ĐHSP HN. Trong quá trình học tập của SV, trường ĐHSP HN đã có những

văn bản quy định rõ ràng về quy trình KTĐG kết quả học tập đối với SV đại học hệ chính quy nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng, chính xác phù hợp với CĐR [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Khoa TLGD rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của từng hình thức KTĐG với đặc thù của học phần và yêu cầu của CĐR học phần, đảm bảo 100% các CĐR của học phần được đánh giá đầy đủ.

Cuối mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn tổ chức họp để rà soát, điều chỉnh các hoạt động, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp hơn và đáp ứng đạt CĐR [H5.05.01.10].

Dựa trên các yêu cầu về CĐR và CTĐT được quy định tại các văn bản nêu trên, các Bộ môn có nhiệm vụ giảng dạy các học phần thuộc ngành Tâm lý học trường học đã xây dựng ĐCHP trong CTĐT với các yêu cầu, tiêu chí phù hợp để SV sau quá trình học có thể tích lũy đủ các kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của xã hội. Hình thức thi được thực hiện phù hợp với đặc thù của các học phần, chủ yếu với các hình thức như: tự luận, thực hành và trắc nghiệm trên máy tính nhằm đánh giá hết khả năng, kỹ năng mềm của SV như trình bày viết, phân tích thông tin. 100% các ĐCHP của CTĐT ngành TLHTH có quy định rõ ràng về phương thức KTĐG, nội dung, tỷ trọng điểm. ĐCHP được GV chủ động thông báo để SV nắm được ngay khi bắt đầu học phần [H5.05.01.01]. Mỗi học phần đều đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV tuân theo tỷ lệ qui định hướng đến mục tiêu trong CĐR cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực; cụ thể: điểm chuyên cần (0.1) điểm thực hành đổi mới phương pháp (0.3) điểm thi kết thúc học phần (0.6). Trong ĐCHP đã mô tả chi tiết cách tính điểm của từng điểm thành phần bằng các Rubrics. Điểm đánh giá thành phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ [H5.05.01.01], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Quy trình chấm thi cũng được đảm bảo minh bạch, công tâm và chuyên nghiệp [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07].

Trường ĐHSPTHN có các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ KTĐG phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR [H5.05.01.10]. Căn cứ các hướng dẫn của Nhà trường, khoa và các bộ môn chỉ đạo thực hiện việc thiết kế các phương pháp, công cụ KTĐG thể hiện trong ĐCHP, trong việc đăng ký hình thức thi, thiết kế đề thi [H5.05.01.05]; [H5.05.01.06]. Các hoạt động/phương pháp KTĐG kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập của SV của từng học phần ngành Tâm lý học trường học được thiết kế phù hợp, bao gồm các hình thức: tự luận, vấn đáp, thảo luận, thực hành, bài tập nhóm, thuyết trình trước nhóm, bài tập lớn,...

Ngoài đánh giá kết quả học tập của SV từ phía Nhà trường và khoa, việc đánh giá thái độ còn có sự tham gia của Đoàn Thanh niên, Hội và ban cán sự lớp thông qua xét điểm rèn luyện hàng kỳ làm cơ sở để cấp học bổng khuyến khích học tập [H5.05.01.04], [H5.05.01.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá NH. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Đánh giá chuyên cần trong một số học phần (môn chung) chưa bao quát tất cả người học trong lớp, do số lượng sinh viên trong mỗi lớp rất lớn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất với Trường sửa cách thức đánh giá về điểm chuyên cần theo dải điểm từ 0-10	Trường ĐHSP HN	Từ năm học 2023-2024
		Khoa cần xây dựng hình thức đánh giá chuyên cần đa dạng và hiệu quả hơn	Hội đồng khoa học khoa	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, lấy ý kiến người học về PP KTĐG để điều chỉnh	Trường ĐHSP HN Khoa TLGD	Từ năm học 2023-2024
		Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học	Khoa TLGD	Từ năm học 2023-2024
		Giáo vụ Khoa, Cố vấn học tập lập các group trên zalo, facebook, có sổ tay theo dõi học tập để kịp thời cập nhật các thông tin liên quan		Từ năm học 2023-2024

		đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương tiện, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của SV đáp ứng yếu tố “rõ ràng”, được thể hiện qua các quy định về đánh giá kết quả học tập bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan phải được đề cập rõ ràng trong các văn bản quản lý của Nhà trường và khoa TLGD [H5.05.02.01]. Để đáp ứng yếu tố “công khai”, Nhà trường và khoa TLGD đã thông báo các quy định trên với SV, SV được tiếp cận qua nhiều kênh thông tin khác nhau ngay từ khi bắt đầu quá trình học tập tại trường ĐHSP HN như thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp hành chính [H5.05.02.05], đề cương chi tiết các môn học [H5.05.02.09]; GV giảng dạy; truy cập website của Trường hnu.edu.vn.

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và sửa đổi bổ sung qua các giai đoạn nhằm đáp ứng tốt nhất mục tiêu đào tạo. Nhà trường đã ban hành quyết định về quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP HN [H5.05.02.07], trong đó quy định rõ cách thức kiểm tra, thi và đánh giá học phần theo hệ thống tín chỉ, quy định rõ các thành phần điểm của SV trong học phần và đánh giá điểm thi kết thúc học phần, cũng như các quy định đánh giá xếp hạng năm đào tạo và học lực của SV, đánh giá xếp hạng tốt nghiệp, xét học bổng khuyến khích học tập cho SV [H5.05.02.07].

Xét về tiêu chí này, khoa TLGD có các thông tin rõ ràng về đánh giá kết quả SV, bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, và các nội dung liên quan. Tất cả các thông tin này đều được công khai với SV.

Về thời gian, thông thường việc tổ chức đánh giá kết quả giữa kỳ chủ yếu do GV quyết định và định hướng trong đề cương của học phần, tùy thuộc vào số tín chỉ [H5.05.02.01], [H5.05.02.02].

Về phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá, các nội dung này đều được quy định cụ thể và công khai trong quy định đánh giá điểm học phần, chi tiết theo từng loại học phần: thực hành, lý thuyết, lý thuyết và thực hành. Ví dụ, với học phần lý thuyết, trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (30%), cuối kì (60%). Các GV lên lớp đều cung cấp cho SV các nội dung này ngay từ buổi đầu tiên của mỗi học phần [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Việc đánh giá bài kiểm tra, bài tập, bài thảo luận nhóm do giáo viên

giảng dạy chủ động thực hiện nhưng đảm bảo đánh giá được các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm (làm việc theo nhóm, nghiên cứu, xử lý tình huống, thuyết trình, giải quyết vấn đề, tranh luận, mô hình ứng xử, đóng kịch, nhập vai, sử dụng phương tiện CNTT) và bám theo nội dung trong ngân hàng câu hỏi thi đã xây dựng nhằm đảm bảo có thể KTĐG năng lực SV theo CĐR đã công bố [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

Đối với việc thi hết học phần Nhà trường đã quy định cụ thể, thống nhất thời gian thi, cấu trúc đề thi theo các hình thức tự luận, trắc nghiệm, cách thức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và cách thức hình thành đề thi hết học phần. Mục đích của việc này nhằm chuẩn hóa hoạt động KTĐG kết quả học tập, đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dạy và học; đồng thời giúp SV chủ động lựa chọn phương pháp, hình thức, kế hoạch học tập đáp ứng CĐR của học phần. Theo đó, cấu trúc ngân hàng câu hỏi thi các học phần được xây dựng theo quy định thống nhất trong toàn Trường, đảm bảo tỷ trọng các phần nội dung kiến thức và kỹ năng của học phần cũng như các cấp độ nhận thức phù hợp với mục tiêu của mỗi học phần và CĐR của CTĐT. Cấu trúc ngân hàng đề thi và cách thức hình thành đề thi sử dụng cho mỗi lần thi thể hiện được loại đề thi, số lượng nhóm và số lượng câu hỏi thi, loại câu hỏi thi, cấp độ đánh giá kiến thức và kỹ năng của mỗi nhóm câu hỏi thi, điểm số cho từng nhóm câu hỏi thi,... Đây chính là các yếu tố đảm bảo ngân hàng câu hỏi thi/đề thi bám sát ĐCHP, đánh giá được mức độ làm chủ kiến thức và kỹ năng của SV theo CĐR. Để tạo thuận lợi cho SV chủ động ôn thi hết học phần, Nhà trường đã quy định thống nhất việc xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi ôn thi theo hướng phủ đầy các nội dung học phần, các tình huống, các dạng câu hỏi có trong ngân hàng câu hỏi thi, đề thi [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]. Tất cả các học phần đều có ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng theo quy định, số lượng lớn, được hội đồng chuyên môn của bộ môn thông qua, đảm bảo đánh giá kiến thức sát đề cương [H5.05.02.01]. Vì vậy, đảm bảo chuẩn hóa hoạt động đánh giá kết quả học tập, đánh giá chính xác, công bằng, khách quan, phù hợp với mục tiêu đào tạo, đáp ứng CĐR của học phần. Từ năm 2016 đến nay, ngân hàng câu hỏi ôn thi của các học phần đã công bố ngân hàng câu hỏi ôn thi theo hướng phủ đầy các nội dung học phần, các tình huống, dạng câu hỏi giúp NH chủ động học tập và ôn thi. Ngân hàng câu hỏi ôn thi của các học phần trong CTĐT ngành TLHTH đã được công bố trên trang web của Trường, đảm bảo tính công khai minh bạch cả trong giảng dạy và kiểm tra năng lực kiến thức và kỹ năng của người học [H5.05.02.07], [H5.05.02.09]. Ngoài sự kiểm tra giám sát thường xuyên của phòng Đào tạo, TT.KT&ĐBCLGD cũng tham gia vào quy trình kiểm tra, đánh giá SV thông qua việc -tổ chức thi môn chung (theo ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đã được hội đồng chuyên môn phê duyệt và đưa vào sử dụng), kiểm soát quy trình xây dựng ngân

hàng đề thi (nhằm đảm bảo đề thi được xây dựng theo quy định ra đề thi và cấu trúc đề thi đã công bố),... đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của quy trình [H5.05.02.01], [H5.05.02.07], [H5.05.02.09].

Để không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động KTĐG kết quả học tập của SV, Trường có quy định về tổ chức lấy ý kiến của SV về kiểm tra đánh giá của GV. Theo mẫu phiếu khảo sát của Trường, các bộ môn xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát, điều tra trực tiếp/gián tiếp qua google drive một cách khách quan (GV không phụ trách lớp học phần đảm nhận việc điều tra, SV không cần phải chi rõ thông tin cá nhân trong phiếu điều tra) theo hướng mỗi GV được khảo sát tối thiểu 01 lần/học kỳ hoặc năm học đối với học phần đang giảng dạy. Kết quả khảo sát được bộ môn xử lý, tổng hợp, báo cáo và phản hồi lại cho GV để nắm bắt ý kiến phản hồi của SV và điều chỉnh quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình của mình cho phù hợp và hiệu quả hơn. Trong đó, ý kiến phản hồi về việc đánh giá chuyên cần, tổ chức thảo luận sẽ là thông tin hữu ích giúp cho GV và bộ môn có thể tổ chức đánh giá kết quả bộ phận điểm thành phần được tốt hơn [H5.05.02.10].

Về trọng số: Trọng số các điểm đánh giá bộ phận được quy định: điểm chuyên cần: 0,1; điểm kiểm tra bộ phận 0,3 và điểm kết thúc học phần 0,6. Đối với các học phần có lí thuyết hoặc có cả lí thuyết và thực hành, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận gồm: điểm chuyên cần (>5): điểm chuyên cần có 3 mức: 0, 5 hoặc 10, điểm kiểm tra bộ phận (>3): trọng số của các điểm kiểm tra bộ phận do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần, điểm kết thúc học phần [H5.05.02.01] và quy định trong sổ tay SV [H5.05.02.05].

Về phương pháp, SV cũng được cung cấp các tài liệu liên quan như phương pháp học tập bậc đại học [H5.05.02.01], [H5.05.02.07], [H5.05.02.09] và có các hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo.

100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV. Quy định về đánh giá kết quả học tập của SV được công bố công khai trong Quy định về hoạt động khảo thí của trường ĐHSP HN [H5.05.02.07], đề cương chi tiết học phần [H5.05.02.01]. Kết quả đánh giá học phần cũng được thông báo cho SV và cho phép SV có thể phản hồi trong thời gian quy định về bài phúc tra [H5.05.02.06].

Nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức đánh giá kết quả học phần khác nhau, phù hợp với tính chất từng loại học phần sao cho đánh giá xác thực nhất kết quả học tập của SV, cũng như đánh giá được mức độ đáp ứng CĐR của học phần, như: thi tự luận; thi trắc nghiệm khách quan trên giấy; thi trắc nghiệm kết hợp (Kết hợp giữa thi tự luận và

trắc nghiệm khách quan trên giấy); thi vấn đáp... [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.06].

Về tiêu chí đánh giá: Để đảm bảo tối đa sự minh bạch, công bằng, việc chấm thi kết thúc học phần do 2 giảng viên đảm nhiệm. Việc tổ chức làm phách bài thi trước khi chấm đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật. Thời gian hoàn thành chấm thi học phần và công bố kết quả không quá 7 ngày kể từ ngày thi. Thời gian lưu giữ các bài thi tại Khoa ít nhất 2 năm kể từ ngày thi [H5.05.02.06].

Đối với sinh viên có đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về việc chấm khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên. Theo đó, sinh viên phải bảo vệ khoá luận tốt nghiệp trước Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp. Mỗi hội đồng có ít nhất 3 thành viên do Hiệu trưởng quyết định. Mỗi khoá luận tốt nghiệp có 1 người là phản biện và là thành viên trong hội đồng. Căn cứ vào CDR của chương trình đào tạo, tiêu chí đánh giá khoá luận tốt nghiệp được Trường Khoa phê duyệt [H5.05.02.07], [H5.05.02.08].

Việc đánh giá đầu ra của CTĐT được thể hiện qua việc đánh giá học phần, thực tập sư phạm và Khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

Sinh viên được thông tin cụ thể về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi công khai thông qua website <https://hnue.edu.vn/> tại cổng thông tin đào tạo <http://daotao.hnue.edu.vn/>, và sổ tay sinh viên gửi tới người học trước mỗi khóa học [H5.05.02.05]. Bên cạnh đó, những thông tin này cũng được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo gửi tới NH trước mỗi khóa học, kỳ học, học phần [H5.05.02.09].

Các bộ môn trong Khoa TLGD thực hiện triển khai các nội dung hợp từ đầu mỗi học kỳ đều yêu cầu GV công khai cách đánh giá cho SV từ tiết học đầu tiên. Các GV có tài liệu giảng dạy trong đó có bài giảng, giới thiệu học phần trong đó có quy định rõ cách đánh giá, trọng số điểm [H5.05.02.01]. Phần lớn các học phần trong CTĐT ngành TLHTH đều thống nhất cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH thông qua các điểm thành phần. Các học phần có khối lượng giảng dạy/học tập khác nhau sẽ có quy định đánh giá khác nhau. Ví dụ, học phần 2 tín chỉ có 1 bài kiểm tra thường xuyên, học phần 3 tín chỉ có 2 bài; bài thảo luận cho các nhóm.

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường, kết quả học tập của SV được tích lũy trong quá trình học tập sẽ được Nhà trường tổng hợp, xử lý bằng phần mềm, SV có thể xem kết quả học tập (điểm thi kết thúc học phần, điểm thành phần của học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung tích lũy) bằng tài khoản cá nhân trên trang web hnue.edu.vn); Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được

công bố công khai đến SV thường xuyên trên trang Web của Trường, của khoa TLGD [H5.05.02.01], [H5.05.02.02].

Người học được cung cấp các tài liệu liên quan như phương pháp học tập bậc đại học. 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV. Quy định về đánh giá kết quả học tập của SV được công bố công khai trong Quy định về hoạt động khảo thí của trường ĐHSP HN [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Đồng thời cũng thông qua các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn đó (Văn bản hướng dẫn CĐR, văn bản về công tác khảo thí,...), SV dễ dàng nắm bắt và thực hiện giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng về kết quả thi. Theo quy định của Nhà trường về quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, các quyết định, quy định hướng dẫn về công tác khảo thí, Khoa đã yêu cầu tất cả GV lên lớp phải công khai ĐCHP vào buổi đầu tiên lên lớp nhằm cung cấp tài liệu học tập và hình thức thi của học phần.

Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố liên tục và công khai tới người học, đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch đồng thời giúp người học theo dõi được kết quả học tập của mình một cách thường xuyên, tạo cơ hội để người học hiểu về những điểm mạnh, điểm chưa đạt của bản thân nhằm có hướng phấn đấu học tập và làm việc trong những năm tiếp theo. Trường cũng phối hợp với Khoa lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác kiểm tra đánh giá và nhận được phản hồi tích cực. Năm học 2018-2019 mức độ đánh giá “tốt” của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên đạt 75%, tăng 20% so với năm học 2017-2018 [H5.05.02.10].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành TLHTH được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

NH dễ dàng nắm bắt cơ chế phản hồi từ đó khi cần có thể dễ dàng phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Thông tin công bố công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học chưa được cập nhật thường xuyên trên website của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm	Ban chủ nhiệm Khoa	Từ năm học 2024-2025

		tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học		
		Khoa yêu cầu các Tổ bộ môn cần công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học bằng các hình thức khác nhau đảm bảo 100% người học nắm rõ	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành TLH tiếp tục được thông báo công khai tới người học.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường. Từ việc ra đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình cho đến việc chấm thi phải do 2 giảng viên đảm nhiệm. Việc tổ chức làm phách bài thi trước khi chấm thi phải đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật [H5.05.03.01], [H5.05.03.05].

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và sửa đổi bổ sung qua các giai đoạn nhằm đáp ứng tốt nhất mục tiêu đào tạo. Cụ thể, năm 2017, Nhà trường đã ban hành quyết định về việc ban hành quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN [H5.05.03.05]. Năm 2021, Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN [H5.05.03.01], trong đó quy định rõ cách thức kiểm tra, thi và đánh giá học phần theo hệ thống tín chỉ, quy định rõ các thành phần điểm của SV trong học phần và đánh giá điểm thi kết thúc học phần, cũng như các quy định đánh giá xếp hạng năm đào tạo và học lực của SV, đánh giá xếp hạng tốt nghiệp, xét học bổng khuyến khích học tập cho SV.

Xét về tiêu chí này, khoa TLGD có các thông tin rõ ràng về đánh giá kết quả SV, bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, và các nội dung liên quan. Tất cả các thông tin này đều được công khai với SV.

Nhằm đảm bảo các phương pháp đánh giá kết quả học tập có độ tin cậy cao, Trường đã áp dụng quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó, các yêu cầu về ra đề thi kết thúc học phần và quy trình soạn đề thi, coi thi, chấm thi, lưu trữ bài thi, điểm thi, làm khóa luận tốt nghiệp, điều kiện để học tiếp, điều kiện tốt nghiệp được công bố rõ ràng [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Ngoài ra còn áp dụng các quy chế về bảo lưu kết quả học tập, học vượt, kéo dài tiến độ học tập (trong sổ tay sinh viên hàng năm đều có chỉnh sửa bổ sung).

Mô tả quy trình xây dựng đề thi, ngân hàng đề thi, tổ hợp đề thi

+ Đầu học kỳ, các Khoa rà soát nội dung bộ đề thi, hình thức thi cuối học kỳ do đơn vị quản lý, khi có yêu cầu thay đổi bộ đề thi (thay đổi nội dung, hình thức thi...) Khoa lập kế hoạch xây dựng/ điều chỉnh bộ đề thi chậm nhất là 4 tuần kể từ đầu học kỳ [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

+ Căn cứ tính chất và yêu cầu chuyên môn của học phần, Trường Khoa lựa chọn cán bộ giảng viên có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn tốt, chỉ đạo cán bộ giảng viên biên soạn đề thi và đáp án theo đúng cấu trúc đề thi đã được duyệt [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

+ Cán bộ giảng viên được phân công biên soạn và phản biện đề thi gửi bộ đề thi, đáp án cho Trường Khoa ký duyệt đề thi, đáp án [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Mô tả quy trình giám sát, kiểm tra ở các khâu cụ thể: Công tác in sao đề thi cũng được thực hiện nghiêm ngặt, tuân thủ quy tắc: Thu hồi và niêm phong đề thi gốc để lưu trữ, xử lý huỷ đề thi in thừa hoặc hỏng; tuyệt đối không rời bỏ vị trí trong lúc đang in sao đề thi; Đề thi được bảo mật và được phụ trách bởi Phó chủ nhiệm khoa chuyên trách đào tạo đại học chính quy

Căn cứ vào văn bản, Khoa đã đưa ra các quy định cụ thể về kiểm tra đánh giá và quy trình xây dựng đề thi tại Khoa với các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được xây dựng đa dạng về hình thức, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng [H5.05.03.02]. Đối với việc đánh giá giữa kỳ của tất cả các học phần trong CTĐT, GV có sử dụng nhiều loại phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, truyền thông và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm học phần, vấn đáp, tiểu luận được thể hiện cụ thể ở Đề cương chi tiết các học phần [H5.05.03.02]. Tất cả các hình

thức thi đều đảm bảo nguyên tắc 2 giảng viên thực hiện đánh giá và được Ban khoa chủ nhiệm Khoa duyệt kết quả cuối cùng [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05].

Kết quả đánh giá sẽ được công bố theo đúng theo gian quy định trên hệ thống quản lý điểm để tất cả sinh viên có thể xem và phản hồi ý kiến (nếu có). H5.05.03.06].

Để tạo thuận lợi cho SV chủ động ôn thi hết học phần, Nhà trường đã quy định thống nhất việc xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi ôn thi theo hướng phủ đầy các nội dung học phần, các tình huống, các dạng câu hỏi có trong ngân hàng câu hỏi thi/đề thi. Tất cả các học phần đều có ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng theo quy định, số lượng lớn, được hội đồng chuyên môn của bộ môn thông qua, đảm bảo đánh giá kiến thức sát đề cương [H5.05.03.02]. Vì vậy, đảm bảo chuẩn hóa hoạt động đánh giá kết quả học tập, đánh giá chính xác, công bằng, khách quan, phù hợp với mục tiêu đào tạo, đáp ứng CDR của học phần. Từ năm 2016 đến nay, ngân hàng câu hỏi ôn thi của các học phần đã công bố ngân hàng câu hỏi ôn thi theo hướng phủ đầy các nội dung học phần, các tình huống, dạng câu hỏi giúp NH chủ động học tập và ôn thi. Ngân hàng câu hỏi ôn thi của các học phần trong CTĐT ngành TLHTH đã được công bố trên trang web của Trường, đảm bảo tính công khai minh bạch cả trong giảng dạy và kiểm tra năng lực kiến thức và kỹ năng của người học [H5.05.03.02]. Ngoài sự kiểm tra giám sát thường xuyên của Phòng Đào tạo, trung tâm đảm bảo chất lượng giáo dục cũng tham gia vào quy trình kiểm tra, đánh giá SV thông qua việc cung cấp đề thi (theo ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đã được hội đồng chuyên môn phê duyệt và đưa vào sử dụng), kiểm soát đề thi (nhằm đảm bảo đề thi được xây dựng theo quy định ra đề thi và cấu trúc đề thi đã công bố),... đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của quy trình [H5.05.03.04].

Mô tả quy trình chấm thi, nhập điểm

Việc phân công chấm thi và xử lý kết quả thi (do các bộ môn phụ trách các học phần đảm nhiệm) được thực hiện theo đúng quy chế khảo thí [H5.05.03.04], bảo đảm tính khách quan, nghiêm túc, công bằng với sự giám sát thực hiện của P.ĐT, trung tâm đảm bảo chất lượng giáo dục và đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu. Để không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động KTĐG kết quả học tập của SV, Trường có quy định về tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Theo mẫu phiếu khảo sát của Trường, các bộ môn xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát, điều tra trực tiếp/gián tiếp qua google drive một cách khách quan (GV không phụ trách lớp học phần đảm nhận việc điều tra, SV không cần phải chỉ rõ thông tin cá nhân trong phiếu điều tra) theo hướng mỗi GV được khảo sát tối thiểu 01 lần/học kỳ hoặc năm học đối với học phần đang giảng dạy. Kết quả khảo sát được bộ môn xử lý, tổng hợp, báo cáo và phản hồi lại cho GV để nắm bắt ý kiến phản hồi của SV và điều chỉnh quá trình giảng dạy của mình cho phù hợp và hiệu quả hơn. Trong đó, ý kiến phản hồi về việc

đánh giá chuyên cần, tổ chức thảo luận sẽ là thông tin hữu ích giúp cho GV và bộ môn có thể tổ chức đánh giá kết quả bộ phận điểm thành phần được tốt hơn [A10.10.01.08].

Nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức đánh giá kết quả học phần khác nhau, phù hợp với tính chất từng loại học phần sao cho đánh giá xác thực nhất kết quả học tập của SV, cũng như đánh giá được mức độ đáp ứng CĐR của học phần, như: thi tự luận; thi trắc nghiệm khách quan trên giấy; thi trắc nghiệm kết hợp (Kết hợp giữa thi tự luận và trắc nghiệm khách quan trên giấy); thi vấn đáp; thi trắc nghiệm trên máy vi tính [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Quy định về KTĐG bao gồm cả cơ chế phản hồi của SV được công bố rộng rãi đến SV thông qua nhiều kênh của CTĐT. Các bộ môn trong Khoa TLGD thực hiện triển khai các nội dung hợp từ đầu mỗi học kỳ đều yêu cầu GV công khai cách đánh giá cho SV từ tiết học đầu tiên. Các GV có tài liệu giảng dạy trong đó có bài giảng, giới thiệu học phần trong đó có quy định rõ cách đánh giá, trọng số điểm [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]. Phần lớn các học phần trong CTĐT ngành TLHTH đều thống nhất cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH thông qua các điểm thành phần. Các học phần có khối lượng giảng dạy/học tập khác nhau sẽ có quy định đánh giá khác nhau. Chẳng hạn, học phần 2 tín chỉ có 1 bài kiểm tra thường xuyên, học phần 3 tín chỉ có 2 bài; bài thảo luận cho các nhóm [H5.05.03.02], [H5.05.03.03].

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường, kết quả học tập của SV được tích lũy trong quá trình học tập sẽ được Nhà trường tổng hợp, xử lý bằng phần mềm, SV có thể xem kết quả học tập (điểm thi kết thúc học phần, điểm thành phần của học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung tích lũy) bằng tài khoản cá nhân trên trang web (hnu.edu.vn); Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai đến SV thường xuyên trên trang Web của Trường, của khoa TLGD.

Đồng thời cũng thông qua các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn đó (Văn bản hướng dẫn CĐR, văn bản về công tác khảo thí,...), SV dễ dàng nắm bắt và thực hiện giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng về kết quả thi. Theo quy định của Nhà trường về quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, các quyết định, quy định hướng dẫn về công tác khảo thí, Khoa đã yêu cầu tất cả GV lên lớp phải công khai ĐCHP vào buổi đầu tiên lên lớp nhằm cung cấp tài liệu học tập và hình thức thi của học phần [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách

quan, chính xác, công bằng, bảo mật và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Việc xây dựng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng lớn, tài liệu lưu trữ kết quả học tập của người học chưa được sắp xếp hợp lý về không gian lưu trữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chuyên môn giám sát chặt chẽ việc đảm bảo thời gian đánh giá kết quả học tập theo đúng tiến độ của Trường.	Hội đồng khoa học khoa	Từ năm học 2024-2025
		Khoa tiến hành mời chuyên gia về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên để tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá.	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục cập nhật ngân hàng đề thi hằng năm để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo tính đa dạng, khách quan trong kiểm tra đánh giá.	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025
		Khoa tiếp tục thực hiện tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng.	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Theo các quy định về phản hồi kết quả học tập của người học của Trường, Khoa luôn tiến hành phản hồi kịp thời cho sinh viên về kết quả học tập sau mỗi học kì. Cụ thể,

điểm chuyên cần và điểm giữa kì được công bố trước lớp, trước khi kết thúc học phần, kết quả thi cuối kì được phản hồi sau khi thi 1 tuần. Trong Quy chế đào tạo và *Sổ tay sinh viên* cũng ghi rõ các quy định về việc tích lũy số tín chỉ hàng năm và cách xếp hạng học lực căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy [H5.05.04.01]. Theo đó, hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên, gồm:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 3,19
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49
- Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào

trường hợp bị buộc thôi học.

Người học đã nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua *Sổ tay sinh viên* được phát từ ngay kì học đầu tiên của năm thứ nhất. Cùng với đó là thông qua tài khoản cá nhân của chính NH trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để nắm được kết quả học tập của mình [H5.05.04.02].

NH đã được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. Theo quy định của Nhà trường, thời hạn hoàn thành chấm thi học phần và công bố kết quả không quá 7 ngày kể từ ngày thi [H5.05.04.03]. Sau khi công bố kết quả học tập, căn cứ vào điểm số và xếp loại của sinh viên được ghi nhận trên hệ thống quản lí đào tạo <http://daotao.hnue.edu.vn/>, mà mỗi SV đều có tài khoản và thông tin về quá trình học tập của mình, Nhà trường sẽ có các cảnh báo học tập với sinh viên trong trường hợp sinh viên có điểm trung bình chung học tập không đạt yêu cầu [H5.05.04.02].

Từ thông tin được phản hồi đó, SV có kế hoạch cho việc cải thiện việc học tập của mình. Kết quả học tập của sinh viên các khoá đều được thông báo tới giảng viên toàn khoa trong các cuộc họp Khoa sơ kết học kỳ hay năm học [Báo cáo tổng kết kỳ học, năm học]. Những SV có đủ điều kiện theo điều 27 trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN sẽ được công nhận tốt nghiệp [H5.05.04.03]. Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Quy chế đào tạo đại học của trường để lập danh sách sinh viên tốt nghiệp. Việc xét tốt nghiệp của sinh viên được ghi chú rõ ràng trong Biên bản xét tốt nghiệp và được lưu ở Khoa [H5.05.04.04].

Đối với sinh viên bảo vệ Khoá luận tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ. Giáo vụ Khoa nhập điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm

quản lý đào tạo và nộp bảng điểm về phòng Đào tạo và Khoa chậm nhất là 10 ngày sau khi kết thúc buổi bảo vệ.

Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi sinh viên đánh giá giảng viên từng học kỳ. Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá giảng viên, Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan. [H5.05.04.05]. Theo Báo cáo tổng hợp, phần lớn sinh viên cho biết mức độ hài lòng và rất hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của nhà trường.

Điểm hạn chế ở phần này là Khoa chưa sử dụng phần mềm để dễ dàng khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học.

2. Điểm mạnh

Đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng sinh viên và giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Thời điểm thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học về các môn học khác nhau nên kết quả khảo sát chưa thống nhất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ sau mỗi kỳ thi, Khoa sẽ tổ chức sơ, tổng kết nhằm đánh giá mặt được, mặt còn tồn tại, nguyên nhân trong quá trình kiểm tra đánh giá, cơ chế phản hồi kết quả của người học... từ đó giúp cho GV điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, sinh viên cũng được công khai đóng góp ý kiến nhằm giúp họ có thể cải thiện việc học tập.	Toàn thể giảng viên	Năm học 2023-2024

2	Phát huy điểm mạnh	Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.	Khoa TLGD	Năm học 2024-2025
---	--------------------	---	--------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp nhận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Theo Điều 16 trong Quy chế về kiểm tra đánh giá của Trường [H5.05.05.01] đã quy định: Sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của sinh viên trên cổng thông tin điện tử và Hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà Trường, nếu có khiếu nại hoặc xin phúc khảo điểm bài thi thì sinh viên thực hiện như sau:

1. Làm đơn theo mẫu trên cổng thông tin điện tử
2. Đơn khiếu nại, xin phúc khảo điểm SV nộp tại Trung tâm đảm bảo chất lượng đối với học phần chung; các học phần chuyên ngành nộp tại Văn phòng Khoa.
3. Trung tâm đảm bảo chất lượng (đối với môn chung) và khoa đào tạo (đối với môn chuyên ngành) tổ chức chấm phúc khảo theo quy chế.

Điểm chấm phúc khảo của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt. Chậm nhất 07 ngày từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo trung tâm đảm bảo chất lượng và khoa đào tạo phản hồi thông tin cho sinh viên biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể.

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập cũng được Khoa cụ thể hóa bằng văn bản [H5.05.05.02]. Theo quy định, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo quy trình: Sau khi SV được thông báo điểm, nếu có nhu cầu phúc khảo phải nộp đơn xin phúc khảo cho giáo vụ khoa ghi rõ tên bài thi cần phúc khảo. Giáo vụ tổng hợp, Ban chủ nhiệm khoa phân công 2 giảng viên chấm phúc khảo (không phải giảng viên chấm thi lần 1). Tổ chức đối thoại giữa giảng viên chấm lần 1 và giảng viên chấm phúc khảo nếu cần thiết, đưa ra kết luận điểm bài thi. Sau đó, công bố kết quả phúc khảo cho người học. Giáo vụ khoa hướng dẫn phổ biến quy định về quy trình khiếu nại cho người học khi người học có nhu cầu phúc khảo về kết quả học tập.

Điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, SV đều được thông báo điểm trên tài khoản cá nhân trong cổng thông tin đào tạo của trường và có quyền khiếu nại khi có sai sót, bảng điểm tổng hợp toàn khoá cũng được giáo vụ in ra, ban chủ nhiệm duyệt và lưu tại văn phòng Khoa [H5.05.05.03].

Ở Khoa, trong 5 năm trở lại đây, từ 2015 đến 2020, đã có rất nhiều đổi mới về phương thức kiểm tra, đánh giá và việc công bố kết quả học tập cho người học luôn kịp thời, minh bạch nên sinh viên khá hài lòng về kết quả kiểm tra đánh giá. Mọi ý kiến phản ánh về kết quả thi đều được xử lý kịp thời để đảm bảo công bằng, chính xác. Tất cả sinh viên đều có phản hồi tích cực về mức độ tiếp cận quy trình khiếu nại, khiếu kiện của người học và cách thức giải quyết, xử lý khiếu nại của Khoa và nhà trường.

Điểm hạn chế là hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV chưa đa dạng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình khiếu nại rõ ràng, tiêu chí cụ thể và minh bạch để sinh viên có thể khiếu nại kết quả kiểm tra thi học phần. Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV được thông báo và nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Điểm hạn chế là chưa có sự đa dạng trong hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa sẽ kiến nghị Nhà trường, cụ thể là phòng Đào tạo có nhiều hình thức tiếp cận hơn quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV.	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025
		Khoa sẽ công bố quy trình tiếp cận với các đơn vị có liên quan về thắc mắc, khiếu nại về kết quả học tập qua nhiều phương thức khác nhau như thông qua trang website của Khoa, qua Tổ văn phòng, qua group của từng lớp.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025

		SV nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá người học. Công tác kiểm tra đánh giá thể hiện sự đa dạng, liên tục và đổi mới theo hướng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, phù hợp với mục tiêu của CDR của từng học phần và chương trình đào tạo. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành TLH rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn để NH cải thiện việc học tập của mình. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Trung tâm ĐBCL&KT của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

Tuy nhiên, mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CDR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học. Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của GV về quy định kiểm tra, đánh giá người học còn chưa nhanh nhạy, sự chủ động. Đa số hình thức thi kết thúc học phần là tự luận, chưa có nhiều bài thi theo hướng kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm. Việc kết hợp đa dạng các hình thức thi sẽ góp phần đánh giá kết quả khách quan và đạt độ tin cậy cao hơn. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đôi lúc bị nghẽn. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

Đánh giá tiêu chuẩn 5:

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá
---------------------	-----------------------

	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1					5		
Tiêu chí 5.2					5		
Tiêu chí 5.3				4			
Tiêu chí 5.4					5		
Tiêu chí 5.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4,60						

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm nói chung, Khoa Tâm lý - Giáo dục nói riêng, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Đây là lực lượng quan trọng tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên (GV) của Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường ĐHSPh Hà Nội là lực lượng có trình độ chuyên môn cao, có nghiệp vụ giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm và luôn có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, đáp ứng tốt các yêu cầu xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý giáo dục. Việc quy hoạch đội ngũ, tuyển dụng, kế hoạch phát triển, năng lực của đội ngũ GV luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định. Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV tại các cơ sở trong và ngoài nước, đồng thời động viên GV bằng nhiều hình thức khen thưởng đã giúp cho đội ngũ của Khoa Tâm lý - Giáo dục nói riêng và các khoa trong trường nói chung ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Căn cứ chiến lược phát triển của Trường đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến 2030; căn cứ theo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPhN, căn cứ theo đề án về vị trí việc làm của Nhà trường [H6.06.01.01; H6.06.01.02; H6.06.01.03; H6.06.01.04], từ yêu cầu thực tiễn của xã hội, đặt ra với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu, phục vụ cộng đồng trong hiện tại và tương lai, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã có chiến lược quy hoạch đội ngũ GV phục vụ cho chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý học. Trong biên bản, nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Khoa hàng năm đã luôn đánh giá và định hướng cho công tác quy

hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với nhiệm vụ phát triển của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.07].

Đội ngũ GV trong Khoa Tâm lý - Giáo dục tính đến nay (6/2024) gồm có 33 người, số lượng nam bằng 24,2% số lượng GV, độ tuổi từ 41 - 50 tuổi chiếm tỉ lệ lớn (57,6%), có 9 PGS, 17 TS, 04 ThS và 03 CN. Cơ cấu về độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của GV khoa Tâm lý - Giáo dục đảm bảo quy hoạch, kế hoạch của Khoa và phù hợp với cơ cấu của Nhà trường [H6.06.01.08, H6.06.01.09]

Bảng 6.1.1. Cơ cấu về độ tuổi, giới tính và trình độ chuyên môn của GV tính đến tháng 6/2024

Năm	Tổng số	Giới tính		Độ tuổi					Học hàm		Học vị		
		Nam	Nữ	<=30	31-40	41-50	51-60	> 60	GS	PGS	TS	ThS	ĐH
2019	33	8	25	0	15	13	3	2	1	12	14	6	0
2020	31	8	23	0	9	14	6	2	1	11	15	4	0
2021	31	8	23	0	9	14	6	2	1	10	16	4	0
2022	31	8	23	0	7	16	6	2	1	10	16	4	0
2023	33	8	25	3	4	19	7	0	0	9	17	4	3
2024	33	8	25	3	4	19	7	0	0	9	17	4	3

(Tổng số GV--- Chỉ tính những giảng viên đã thi viên chức và có HD trường --- Không tính cán bộ tạo nguồn)

Đội ngũ GV của Khoa thực hiện nghiêm túc và hiệu quả những Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của trường ĐHSPhN. Khoa Tâm lý - Giáo dục quy hoạch đội ngũ GV theo 6 bộ môn: Bộ môn Tâm lý học đại cương (06 GV & 01 cán bộ tạo nguồn), Bộ môn Tâm lý học phát triển (06 GV & 01 cán bộ tạo nguồn), Bộ môn Tâm lý học ứng dụng (5 GV); Bộ môn Lí luận giáo dục (5 GV); Bộ môn Lí luận dạy học (7GV); Bộ môn Phương pháp giảng dạy (4GV). Đội ngũ GV hầu hết là những cán bộ có năng lực và nhiệt huyết với nghề, đảm bảo chuyên môn, được đào tạo đúng chuyên ngành Tâm lý học và Giáo dục học; đều có Quyết định của Trường ĐHSPhN về tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức và hợp đồng lao động không thời hạn đối với từng GV Khoa TLGD [H6.06.01.05; H6.06.01.10; H6.06.01.13, H6.06.01.21; H6.06.01.22]

Đội ngũ GV được yêu cầu không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Nhằm khảo sát và nâng cao năng lực của đội ngũ GV, Nhà trường có hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2019-2024. Mỗi GV đã điền Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân (tính đến 06/2024) và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2019-2024.

Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Giai đoạn 2019 - 2024, Khoa TLGD có 04 GV tham gia học Tiến sỹ, 30 lượt GV tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lí, nghiệp vụ sư phạm và năng lực chuyên môn khác trong trường và ngoài trường [H6.06.01.11; H6.06.01.14; H6.06.01.15]. Đến nay, hầu hết các bộ trong khoa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu văn bằng chứng chỉ về NVSP, ngoại ngữ, tin học của Trường ĐHSP Hà Nội.

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV tham gia các khóa bồi dưỡng tính đến tháng 6/2024

Năm	Tổng số	Học hàm		Học vị			CC tin học VP	CC NVSP	CCGV hạng 1/hạng 2	CC ngoại ngữ/VB NN
		GS	PGS	TS	ThS	ĐH				
2020	31	1	11	15	4	0	25	27	20	20
2021	31	1	10	16	4	0	25	27	20	20
2022	31	1	10	16	4	0	25	27	20	20
2023	33	0	9	17	4	3	28	29	20	20
2024	33	0	9	17	4	3	28	29	20	20

Số lượng GV trong khoa có trình độ tiến sĩ vẫn đang tiếp tục được đào tạo, phát triển. Trong tiến trình hội nhập và quốc tế hóa, đặc biệt trước những yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, mặc dù nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường còn eo hẹp song GV luôn chủ động trong việc học tập và nâng cao trình độ nhằm phát triển chuyên môn, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của người giảng viên trong thời đại mới. [H6.06.01.11].

Việc bổ nhiệm cán bộ vào các ngạch giảng viên chính, giảng viên cao cấp được thực hiện theo đúng quy trình. Các giảng viên đảm bảo các yêu cầu, sau khi có kết quả thi đạt kì thi thăng hạng sẽ được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính và Giảng viên cao cấp. Từ năm 2019 đến năm 2024, Khoa TLGD có 02 GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp, 13 GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính. Việc bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp cao hơn khẳng định sự phát triển của đội ngũ GV của khoa TLGD [H6.06.01.17; H6.06.01.18].

Nhà trường và Khoa có kế hoạch cho việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm và bố trí cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, với các tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch. Theo đó, thời gian kéo dài làm việc đối với GV có chức danh PGS không quá 07 năm và đối với GV có chức danh GS không quá 10 năm [H6.06.01.19]. Hàng năm, Trường xem xét đánh giá nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, sức khỏe và sự tự

nguyện của GV cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ để quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục kéo dài thời gian làm việc của GV. Việc nghỉ hưu của GV cũng được thông báo 06 tháng trước thời điểm GV đủ tuổi nghỉ hưu và hoàn thành các bước thủ tục theo đúng quy định. Năm 2019, Khoa đã đề xuất lên Nhà trường kéo dài thời gian làm việc 03 GV là PGS.TS Từ Đức Văn; PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ, GS.TS. Trần Quốc Thành [H6.06.01.20].

Nhà trường có những quyết định, quy định, thông báo, hướng dẫn quy hoạch đội ngũ GV cập nhật, giúp Khoa TLGD có thể nắm bắt và triển khai phù hợp, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo giảng viên, có tính kế thừa để đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa nâng cao trình độ theo đúng yêu cầu của nhà trường (ngoại ngữ, tiến sĩ trước 35 tuổi).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà trường nghiên cứu với khoa đặc thù như TLGD để có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho ngũ GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội. - Tuyển chọn, bổ nhiệm thêm vị trí việc làm (1- 3 GV) có kinh nghiệm, trình độ để phát triển chương trình đào tạo cử nhân TLH.	Trường ĐHSPHN Trường ĐHSPHN và Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025 2024 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Đảng ủy, BCN Khoa, Cốt cán Khoa	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Khoa về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và tương đối ổn định. Tính đến tháng 6/2024, tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành TLH có 33 giảng viên. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu của Khoa là 45 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 17 (chiếm 51,5%); Số GV có học hàm GS và PGS là 9 (chiếm 27,3%), số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 4 (12,1%) [H6.06.01.08].

Bảng 6.2.1. Số lượng giảng viên và trình độ giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	PGS	GS	Tổng số GV
2019 – 2020	0	6	14	12	1	33
2020 – 2021	0	4	16	10	1	31
2021 – 2022	0	4	16	10	1	31
2022 - 2023	3	4	17	9	0	33
2023 - 2024	3	4	17	9	0	33

Tỉ lệ người học/giảng viên của khoa TLGD sau khi quy đổi dao động trong khoảng từ 3,3 đến 6,4 sinh viên/giảng viên, đảm bảo tỷ lệ theo chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học của các cơ sở giáo dục [H6.06.02.01] [H6.06.02.02] [H6.06.02.03].

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ GV/người học của khoa Tâm lý - Giáo dục giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	Tổng số sinh viên chính quy	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên
2019 – 2020	196	24	60	3,3
2020 – 2021	235	23	55	4,3
2021 – 2022	255	23	55	4,6
2022 - 2023	301	24	57	5,3
2023 - 2024	366	24	57	6,4

Khối lượng công việc của đội ngũ GV thực hiện CTĐT Cử nhân TLH được xác định, được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Nội dung công việc cụ thể của mỗi GV được thể hiện rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường, quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (được sửa đổi bổ sung cho phù hợp trong quá trình thực hiện) và Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.04; H6.06.02.04; H6.06.02.05; H6.06.02.09]. Theo đó, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Theo cách tính của Nhà trường, định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học là 270 giờ, giờ nghiên cứu khoa học là 150 giờ và giờ khác là 20 giờ. Khoa

TLGD đã triển khai thực hiện cách tính giờ chuẩn cho GV, đảm bảo giai đoạn 2019 - 2024 GV đáp ứng yêu cầu của Nhà trường, nhiều GV hoàn thành vượt mức số giờ quy định. Bắt đầu từ năm học 2022-2023, định mức khối lượng công việc của giảng viên có sự thay đổi: định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học tính theo chức danh giảng viên. Cụ thể là: (1) Giảng viên cao cấp (hạng 1): 270 giờ dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ khác; (2) Giảng viên chính (hạng 2): 290 giờ dạy, 250 giờ NCKH và 47 giờ khác; (3) Giảng viên (hạng 3): 310 giờ dạy, 200 giờ NCKH và 77 giờ khác; (4) Giảng viên tập sự: 155 giờ dạy, 0 giờ NCKH và 432 giờ khác.

Nhà trường thực hiện giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mỗi cán bộ được cung cấp một tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý giờ giảng tại website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để chủ động kê khai, minh chứng các công việc đã làm và xác định được tổng khối lượng đã đạt, chưa đạt, hay vượt giờ theo quy định. Hệ thống tự động tính toán quy đổi số giờ theo quy định của trường trên cơ sở khai báo của giảng viên và xác định giảng viên đã hoàn thành hay chưa hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.11, H6.06.02.12].

Nhà trường có các quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV làm căn cứ cải thiện chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trên thực tiễn, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV trong Khoa đã thể hiện rõ năng lực làm việc và chất lượng công việc của GV. Từ năm 2019 - 2024, các GV trong Khoa đã thực hiện được 02 đề tài quỹ Nafosted, 04 đề tài cấp Bộ và 03 đề tài cấp Trường; tham gia biên soạn được 48 giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách giáo khoa và nhiều cuốn sách phục vụ môn học. Các GV cũng đã nghiên cứu và tham gia đăng bài trên các tạp chí trong và ngoài nước để nâng cao năng lực của bản thân [H6.06.02.13]. Trong quá trình đào tạo, GV cũng đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu cộng đồng, những chương trình phát triển cộng đồng theo hướng ứng dụng TLGD tổ chức bám sát tình hình thực tiễn, tìm về nhiều địa bàn ở Hà Nội và các tỉnh khác để triển khai tìm hiểu, nghiên cứu, hướng dẫn cho sinh viên. Từ năm 2019 - 2024, GV đã triển khai nhiều chương trình ứng dụng cho GV và cộng đồng tại Hà Nội, Quảng Trị, Quảng Bình, Kom Tum, Hà Giang, Lai Châu... và có những hỗ trợ tích cực, hiệu quả. Nhiệm vụ NCKH được GV của khoa TLGD thực hiện nghiêm túc, đảm bảo yêu cầu đặt ra đối với chương trình đào tạo cử nhân TLH.

Bảng 6.2.3. Bảng thống kê nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2019 - 2024

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ	01	0	0	01	0

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
2	Đề tài cấp Bộ	0	0	02	02	0
3	Đề tài cấp trường	02	01	0	0	0
	Tổng:	03	01	02	03	0
	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Tạp chí KH Nước ngoài	14	16	27	0	07
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	7	27	10	26	19
3	Hội nghị trong nước và quốc tế	22	15	14	05	17
	Tổng:	43	58	42	31	43
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Sách giáo trình	02	00	01	01	01
2	Sách giáo khoa phổ thông	0	0	05	0	0
3	Sách tham khảo	04	03	15	02	06
4	Sách chuyên khảo	01	0	01	01	02
5	Sách hướng dẫn	0	0	0	03	0
	Tổng:	07	03	22	07	09

Trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Khoa TLGD tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế để giảng viên có cơ hội tham gia học hỏi, nâng cao trình độ, có nhiều chương trình trao đổi với các nước như Hà Lan, Đức, Mỹ, Bỉ, Nga... và có 10 thầy cô đã được tham gia các chương trình trao đổi này [H6.06.02.14]. Trước tình hình đào tạo trong thời kỳ mới, Khoa TLGD nhận thấy nhiệm vụ nghiên cứu trao đổi, hợp tác quốc tế rất cần thiết để chú trọng tập trung phát triển nâng cao chất lượng đội ngũ, cũng là điểm mạnh trong phát triển chương trình đào tạo cử nhân TLH.

Hầu hết đội ngũ GV của Khoa cảm thấy tương đối hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao. Hài lòng vì được giảng dạy, nghiên cứu trong môi trường làm việc phù hợp, có chế độ đãi ngộ đảm bảo.

Bảng 6.2.4. Mức độ hài lòng của giảng viên Tâm lý - Giáo dục đối với các tiêu chí đánh giá và kết quả đánh giá phân loại giảng viên hàng năm giai đoạn 2019 - 2024

Nội dung	Mức độ hài lòng					Điểm TB
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	
Tiêu chí đánh giá, phân loại viên chức và thi đua khen thưởng đối với cán	3	3	7	8	10	3,61

bộ của Trường ĐHSP Hà Nội						
Kết quả đánh giá phân loại viên chức và kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của Trường ĐHSP Hà Nội	3	3	7	8	10	3,61

2. Điểm mạnh

Công việc của giảng viên được đo lường một cách khoa học, minh bạch dưới sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường. Giảng viên trong khoa đáp ứng tốt định mức công việc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động theo yêu cầu quy định của nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định và tiêu chí cụ thể đối với những hoạt động đóng góp cho cộng đồng của giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng cần tiếp tục được cải tiến phù hợp với đặc thù các đơn vị hệ ngoài sư phạm như khoa TLGD để nâng cao khả năng sáng tạo và tính chủ động của các đơn vị, phát huy được năng lực đội ngũ, đặc thù của chuyên ngành.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
		Bố trí cho GV được giảng dạy một số môn chung phù hợp	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
		Thực hiện đa dạng các phương thức tuyển sinh để thu hút sinh viên vào học ngành TLH	Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT TLH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

	giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.		
--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà trường ban hành văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng. Theo đó, ngoài các điều kiện chung về đạo đức, năng lực chuyên môn, sức khỏe... các ứng viên dự thi ngạch GV cần đảm bảo: có trình độ từ thạc sĩ trở lên; đối với ứng viên tạo nguồn: tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (có thể tốt nghiệp loại khá đối với những chuyên ngành đặc thù, hoặc người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực cụ thể), thời gian làm việc tại đơn vị tạo nguồn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ; Tuổi đời dự tuyển không quá 35 đối với người có học vị Thạc sĩ, không quá 45 đối với người có học vị tiến sĩ và không quá 50 đối với người có chức danh Phó Giáo sư [H6.06.03.01; H6.06.03.02].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa TLGD đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của trường đã được phê duyệt và ra thông báo tuyển dụng viên chức được đăng công khai trên website của Trường, dán niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức Cán bộ [H6.06.03.03]. Nhà trường đã ra Quyết định Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường [H6.06.03.04]. Hiện nay, tổng số giảng viên trong khoa là 31 người đảm bảo các yêu cầu tuyển dụng của nhà trường, với bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên trong Khoa theo các năm [H6.06.03.05] và lưu giữ đầy đủ các Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức của đội ngũ GV [H6.06.03.07; H6.06.03.11; H6.06.03.16; H6.06.03.17].

Căn cứ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý một cách công khai, minh bạch của nhà trường; Khoa TLGD luôn tuân thủ chặt chẽ công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trường, phó Khoa và Trưởng/Phó Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư) trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa TLGD có 10 cán bộ quản lý được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại [H6.06.03.05, H6.06.03.06].

Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2019 - 2024

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ từ 2019 - 2024	Chức vụ được bổ nhiệm	Trình độ	Ngoại ngữ
Nguyễn Đức Sơn	1970	Trưởng khoa	Trưởng khoa Phó Hiệu trưởng	PGS.TS	Tiếng Anh
Lê Minh Nguyệt	1975	Phó trưởng Khoa	Trưởng khoa	PGS.TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Tình	1969	Phó trưởng khoa	Phó trưởng khoa	PGS.TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Thanh Hồng	1981	Trưởng BM LLDH	Phó trưởng khoa,	PGS.TS	Tiếng Anh
Trịnh Thúy Giang	1973	GV	Trưởng BM LLDH	PGS.TS	Tiếng Anh
Hoàng Thanh Thúy	1969	Trưởng BM PP Giảng dạy	Trưởng BM PP Giảng dạy	PGS.TS	Tiếng Nga
Hoàng Anh Phước	1977	GV	Trưởng BM TLH đại cương	TS	Tiếng Anh
Khúc Năng Toàn	1973	Trưởng BM TLH phát triển	Phó trưởng khoa,	TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Nhân Ái	1977	GV	Trưởng BM TLH ứng dụng	TS	Tiếng Pháp
Nguyễn Thị Thanh Trà	1978	Phó trưởng BM LLDH	Phó trưởng BM LLDH	TS	Tiếng Pháp
Trương Thị Hoa	1974	GV	Trưởng BM PP Giảng dạy	TS	Tiếng Anh
Trần Thị Cẩm Tú	1984	GV	Trưởng BM LLGD	TS	Tiếng Anh
Mai Quốc Khánh	1983	GV	Phó trưởng BM LLDH	TS	Tiếng Nga

Việc bổ nhiệm GV của Khoa vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện CTĐT Cử nhân TLH được thực hiện công khai, thông báo đến toàn Khoa; xét và bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn và trong tập thể lãnh đạo Khoa, trước

khi trình lên Lãnh đạo Trường [H6.06.03.05]. Tuy nhiên, trang Web của Khoa chưa được nâng cấp nên chưa cập nhật được các thông tin chung về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ của Khoa.

Căn cứ vào Quyết định về tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức trường ĐHSPTN, Khoa TLGD đã triển khai hồ sơ theo quy định của Nhà trường cho các GV trong Khoa. Giai đoạn 2019- 2024, Khoa có 01 GV được nâng lương trước thời hạn [H6.06.03.07]. Dựa theo Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên cao cấp của Bộ Nội vụ và Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ GD và ĐT [H6.06.03.08; H6.06.03.09], trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa TLGD có 02 GV được bổ nhiệm GVCC và 13 GV được bổ nhiệm GVC [H6.06.03.16, H6.06.01.17].

**Bảng 6.3.2. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm GVCC và GVC
giai đoạn 2019 -2024**

Họ và tên	Năm sinh	Năm công nhận	Trình độ	Ngoại ngữ
A. Giảng viên cao cấp				
Vũ Thị Khánh Linh	1982	2019	PGS.TS	Tiếng Pháp
Trần Thị Mỹ Lương	1979	2019	PGS.TS	Tiếng Nga
B. Giảng viên chính				
Hoàng Anh Phước	1977	2020	TS	Tiếng Anh
Bùi Thị Thu Huyền	1979	2020	TS	Tiếng Anh
Đàm Thị Vân Anh	1980	2020	Ths	Tiếng Nga
Trần Thị Cẩm Tú	1985	2020	TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Hải Thiện	1982	2020	TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Thanh Trà	1978	2020	TS	Tiếng Pháp
Nguyễn Nam Phương	1984	2020	TS	Tiếng Anh
Mai Quốc Khánh	1983	2020	TS	Tiếng Anh
Giáp Bình Nga	1970	2020	TS	Tiếng Anh
Đào Minh Đức	1974	2021	TS	Tiếng Anh
Đào Thị Ngọc Anh	1980	2021	TS	Tiếng Nga
Nguyễn Thuý Quỳnh	1985	2023	Ths	Tiếng Anh
Vũ Thu Trang	1990	2023	TS	Tiếng Anh

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai. Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên để tạo nguồn tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.

3. Điểm tồn tại

							học VP		1/hạng 2	ngũ/VB NN
2021	31	1	10	16	4	0	25	27	20	20
2022	31	1	10	16	4	0	25	27	20	20
2023	33	0	9	17	4	3	28	29	20	20
2024	33	0	9	17	4	3	28	29	20	20

Từ tháng 7 năm 2019, Nhà trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, thể hiện trong Quy định đánh giá, phân loại đơn vị, công chức và người lao động của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H6.06.04.02]. Cuối mỗi năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV sẽ tiến hành đánh giá năng lực, xếp hạng. Việc đánh giá năng lực GV thực hiện theo đúng quy trình từ cá nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Ngoài ra, mỗi GV tự viết phiếu đánh giá để Bộ môn đánh giá theo bốn mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV được Khoa tổng hợp, đánh giá và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ ra Quyết định về việc công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động theo từng năm học [H6.06.04.03; H6.06.04.04]. Sau quá trình thực hiện, Nhà trường điều chỉnh văn bản đánh giá để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn [H6.06.04.05].

Nhà trường cũng ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng và công văn về việc bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng cuối năm học [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV hàng năm có đánh giá thông qua các tiêu chí xếp loại thi đua. Các tiêu chí trong phiếu đánh giá năng lực của GV được tính theo thang điểm 100 gồm các phần chính: Tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống (20 điểm); Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc (20 điểm); Nhiệm vụ chuyên môn (60 điểm) bao gồm Đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy theo quy định, quy chế (30 điểm), Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ (20 điểm), Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác được giao như: công tác tuyển sinh, cố vấn học tập... (10 điểm).

Việc đánh giá năng lực của giảng viên trong khoa được thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường về công tác thi đua, khen thưởng [H6.06.04.05]. Trong giai đoạn 2019 - 2024, ngành Cử nhân TLH có 04 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, mỗi năm có 3 - 4 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hàng năm, Khoa TLGD có biên bản gửi lên trường theo đúng quy định về bình xét danh hiệu thi đua. Khoa TLGD luôn là Khoa hoàn thành tốt các nhiệm vụ; tất cả các GV luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được

giao, xếp loại A [H6.06.04.06].

Với Khoa TLGD việc đánh giá đội ngũ GV dựa trên cả Quy chế làm việc của Khoa [H6.06.04.07], các bản LLKH, các văn bằng, chứng chỉ, bằng khen, giấy khen, báo cáo kết quả giảng dạy học phần của mỗi GV hàng năm để có thể đánh giá, bình xét một cách toàn diện [H6.06.04.08].

Bảng 6.4.2. Bảng thống kê số liệu đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên tính đến tháng 6/2022

Năm học	Nền nếp (%)			Thái độ (%)			Nội dung dạy học (%)			Phương pháp giảng dạy (%)			Kiểm tra đánh giá (%)				Đánh giá chung (%)			Ghi chú
	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	Đạt	XS	Tốt	Khá	
2019-2020 (HK1)	6,67	93,33	0	13,33	86,67	0	0	100	0	0	100	0	0	100	0	0	0	100	0	
2019-2020 (HK2)	20	80	0	40	60	0	20	60	20	50	40	10	20	60	10	10	20	70	10	
2020-2021 (HK1)	37,5	56,25	6,25	37,5	62,5	0	31,25	62,5	6,25	37,5	56,25	6,25	31,25	56,25	6,25	0	37,5	62,5	0	
2020-2021 (HK2)	50	50	0	50	50	0	50	50	0	38,9	61,1	0	44,4	55,6	0	0	50	50	0	
2021-2022 (HK1)	33,3	61,9	4,8	28,6	71,4	0	23,8	76,2	0	14,3	85,7	0	19	81	0	0	14,3	85,3	0,4	
2021-2022 (HK2)	0	100	0	10,5	89,5	0	0	100	0	5,2	94,8	0	5,2	94,8	0	0	0	100	0	
2022-2023 (HK1)	17,9	79,9	2,0	20,1	78,1	1,7	17,3	79,8	2,9	16,6	80,7	2,6	17,9	79,9	2,1	0	17,3	80,4	2,1	

2022- 2023 (HK2)	15,3 7	83,4 3	1,0	17,1 7	82,0 4	0,6	15,1 7	83,6 3	1,2 0	11,3 8	87,4 3	1,0	14,1 7	84,8 3	1,0	0	14,5 7	84,2 3	1,0	
---------------------------------	-----------	-----------	-----	-----------	-----------	-----	-----------	-----------	----------	-----------	-----------	-----	-----------	-----------	-----	---	-----------	-----------	-----	--

(Nguồn dẫn: Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2019-2024- Trung tâm Đảm bảo chất lượng giáo dục & Khảo thí)

Bên cạnh đó, chức danh nghề nghiệp và học hàm cũng là tiêu chí quan trọng thể hiện năng lực của đội ngũ. Quy trình đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, học hàm GS, PGS của các GV được thực hiện theo quy định. Trong 5 năm, danh sách các GV cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của trường ĐHSPHN tăng lên, trong đó đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành TLGD gồm có 02 GV được bổ nhiệm PGS, 02 GV được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp và 13 GV được bổ nhiệm Giảng viên chính. Khoa TLGD có đóng góp vào Danh sách các giảng viên cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS từ 2019 - 2024 để nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH của trường ĐHSPHN [H6.06.04.09, H6.06.01.18]

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy của GV được thực hiện bởi Trung tâm Đảm bảo chất lượng, định kỳ một học kỳ/một lần. Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên ngành TLGD được phản hồi tương đối tốt. 100% số người học được khảo sát thỏa mãn với hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên Khoa và đánh giá từ mức khá trở lên [H6.06.04.10].

2. Điểm mạnh:

- Các văn bản quy định và hướng dẫn về tiêu chí đánh giá giảng viên của nhà trường được ban hành cụ thể, rõ ràng, làm cơ sở để xác định năng lực của giảng viên một cách khách quan, chính xác.

- Phương thức, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ GV được triển khai một cách rõ ràng, minh bạch.

3. Điểm tồn tại:

- Kết quả đánh giá giảng viên còn chưa được cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật thường xuyên, định kì kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên trên hệ thống quản lý của Nhà trường và khoa	Trường ĐHSPHN Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm học 2024
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV cập nhật hơn. - Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa TLGD và các Khoa đào tạo khác	Giai đoạn 2024-2029

		phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV là rất cần thiết, Nhà trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của đối tượng này. GV tự viết Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân (tính đến 04/2019) và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2019-2024. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, các bộ môn tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV và yêu cầu của CTĐT, Khoa tổng hợp và gửi Phòng Tổ chức cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị [H6.06.05.01] và căn cứ vào qui chế chi tiêu nội bộ để có công văn cử đi bồi dưỡng với nguồn kinh phí bồi dưỡng cụ thể. Kinh phí do Nhà trường quyết định và trực tiếp chi trả cho các GV trên đề xuất của Khoa, Khoa không có khoản kinh phí để hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo cho đội ngũ GV.

Việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ là nhiệm vụ của GV được quy định trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường [H6.06.01.10]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2011-2020, 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 và còn được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường và của Khoa [H6.06.01.07, H6.06.02.02]. Nhà trường chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV và có chế độ ưu đãi về kinh phí đào tạo thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với GV và Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.02].

Song song với đào tạo và phát triển chuyên môn, Khoa còn chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.03]. Một số GV được bồi dưỡng về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực và được cung cấp kinh phí [H6.06.05.04]. Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích các GV có tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác với nước ngoài. Nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cũng được chú trọng nhằm đảm bảo các GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động giảng dạy và NCKH

[H6.06.05.05, H6.06.05.06, H6.06.05.07, H6.06.05.08]. Từ 2019 - 2024, theo Công văn v/v cử viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý của Trường, Khoa đã cử các cán bộ tham gia học bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý và các cán bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H6.06.05.09].

Đội ngũ GV trong khoa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình chất lượng; Báo cáo thống kê các đề tài/công trình/sản phẩm NCKH hằng năm của giảng viên, khoa TLGD từ 2019 - 2024 cho thấy các hoạt động tại đơn vị đã góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên [H6.06.05.10].

Nhà trường và Khoa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV và kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của đào tạo, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của trường. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã quy định các GV phải bảo vệ luận án TS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi [H6.06.05.11]. Chính vì vậy, Trường và Khoa đã tạo điều kiện và động viên các GV đi học TS, sau TS trong nước, ngoài nước, nâng cao trình độ chuyên môn và khuyến khích nhiều cán bộ làm học hàm để được bổ nhiệm chức danh PGS, GS [H6.06.05.12; H6.06.05.13]. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng để phục vụ nhu cầu phát triển chuyên môn của giảng viên được đề xuất và thực hiện phù hợp với định mức chi của nhà trường [H6.06.05.14].

100% GV Khoa TLGD được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo kế hoạch của Trường, Khoa. Giai đoạn 2019 - 2024, Khoa đã có 02 GV được cấp bằng TS, 06 GV đang làm NCS; 01 GV học chương trình ThS; Cũng trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa TLGD đã có: 02 GV của khoa được Nhà trường bổ nhiệm học hàm PGS; 02 GV được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp và 16 GV được bổ nhiệm Giảng viên chính [H6.06.04.09, H6.06.03.16; H6.06.03.17; H6.06.05.15]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá thông qua các kết quả thực hiện.

100% cán bộ giảng dạy tham gia tổ chức seminar bộ môn, các nội dung seminar được tiến hành trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của các giảng viên trong từng bộ môn [H6.06.05.16]. Nhờ đó, trình độ chuyên môn của giảng viên về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc của khoa và nhà trường.

Bảng 6.5.1. Bảng thống kê kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2019 -2024

STT	Năm học	Khoa TLGD	Trường ĐHSPHN
1	2019	4.250.000	4.430.515.185
2	2020	0	876.324.500
3	2021	15.000.000	1.418.871.400
4	2022	18.000.000	1.255.056.273

5	2023	18.000.000	1.080.529.000
---	------	------------	---------------

2. Điểm mạnh

- Khoa và Nhà trường thường xuyên chú trọng và tìm hiểu rõ nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên. Trên cơ sở đó, các GV trong khoa có kế hoạch tự xác định nhu cầu phát triển chuyên môn của bản thân và không ngừng nỗ lực, phấn đấu.

- Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn được xây dựng phù hợp đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, qui hoạch chiến lược phát triển Nhà trường và được triển khai nghiêm túc

- Nhà trường và khoa đã có những hoạt động hỗ trợ hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên.

3. Điểm tồn tại

- Kinh phí dành cho các hoạt động đào tạo - bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên còn chưa cao.

- Các giảng viên trong khoa còn phụ trách nhiều công việc khác nên ảnh hưởng đến thời gian đào tạo và phát triển chuyên môn của giảng viên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa tạo điều kiện về thời gian và công việc để việc đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên đảm bảo thời gian và đạt kết quả tốt.	Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
		- Nhà trường chú ý tới đặc thù GV của khoa TLGD và có chính sách hỗ trợ về kinh phí, tạo động lực giúp đội ngũ hoàn thành chương trình đào tạo TS	Nhà trường	Bắt đầu từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Mỗi GV trong khoa cần phát huy tinh thần tự đào tạo, tự phát triển chuyên môn bản thân - Đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn theo lĩnh vực nghiên cứu	Tất cả GV Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Căn cứ vào Nghị định 56 Về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức của Chính Phủ [H6.06.06.01]; Thông tư liên tịch 36 Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập của Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ [H6.06.06.02]; Thông tư 47 và 20 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên cơ sở giáo dục đại học của Bộ GD-ĐT [H6.06.06.03], Trường ĐHSPHN đã triển khai quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ giảng viên, NCV dựa theo những Nghị định và Thông tư một cách phù hợp.

Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các GV theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết bài báo, giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, seminar... căn cứ theo bản mô tả công việc của Nhà trường [H6.06.01.10]. Bên cạnh đó, Trường ĐHSP Hà Nội cũng đã ban hành Quy định về Công tác thi đua khen thưởng số 2145 /QĐ-ĐHSPHN ngày 06/5/2019 [H6.06.06.04]; trong đó đã xác định rõ ràng, cụ thể các nguyên tắc thi đua, nguyên tắc khen thưởng, hình thức và tiêu chuẩn khen thưởng các cấp. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng góp phần tạo động lực cho giảng viên nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác.

Đầu năm học, dựa trên kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV đảm bảo cân đối giữa các GV. Các GV Khoa TLGD có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động [H6.06.06.05].

Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc được tiến hành công khai, minh bạch, định kỳ hàng tháng, hàng năm. Nhà trường ban hành văn bản quy định quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động và văn bản công nhận hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.02, H6.06.04.03].

Để hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy trình đánh giá thi đua, khen thưởng, nhà trường cũng gửi về các khoa Công văn về việc bình xét thi đua và công tác khen thưởng năm học [H6.06.06.06]. Hàng năm, Khoa TLGD tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà Trường. Quyết định của Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường được

đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong toàn Khoa [H6.06.06.07; H6.06.06.08; H6.06.06.09]. Khoa cũng thường xuyên phổ biến, lắng nghe ý kiến của giảng viên để có thể góp ý đối với “Dự thảo Quy định về công tác thi đua khen thưởng” của trường [H6.06.06.10].

Hàng năm, công tác thi đua, khen thưởng của khoa TLGD được thực hiện hiệu quả trên cơ sở căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên [H6.06.06.11]; bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, khoa chú trọng kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH để bình xét, đánh giá [H6.06.06.12]. Đối với việc đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV, các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của giảng viên, sau đó nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng theo qui trình: GV được dự giờ trình bày mục đích và nội dung của giờ giảng..., sau đó các thành viên dự giờ đóng góp ý kiến theo những tiêu chí cụ thể [H6.06.06.13].

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên các khoa cho báo cáo tổng kết của Trường, nhà trường luôn lắng nghe và có sự điều chỉnh sao cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ cộng đồng có hiệu quả cao nhất [H6.06.06.14]. Từ năm học 2019-2020, các cấp quản lý và GV có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn SV NCKH, đào tạo sau đại học... trên hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.02.11, H6.06.02.12]. Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, thành tích khen thưởng... đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm [H6.06.02.13].

Bảng 6.6.1. Bảng thống kê nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2019 - 2024

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ	01	0	0	01	0
2	Đề tài cấp Bộ	01	01	02	02	01
3	Đề tài cấp trường	02	01	0	0	0
	Tổng:	04	02	02	03	01
	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Tạp chí KH Nước ngoài	14	16	27		07
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	7	27	10	26	19
3	Hội nghị trong nước và quốc tế	22	15	14	05	17
	Tổng:	43	58	42	31	43

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Sách giáo trình	02	00	01	01	01
2	Sách giáo khoa phổ thông	0	0	05	0	0
3	Sách tham khảo	04	03	15	02	06
4	Sách chuyên khảo	01	0	01	01	02
5	Sách hướng dẫn	0	0	0	03	0
	Tổng:	07	03	22	07	09

Bảng 6.6.2. Bảng thống kê kết quả đánh giá thi đua, khen thưởng của khoa TLGD

STT	Nội dung khen thưởng	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Lao động tiên tiến	31/31	29/30		
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	6/31	05/30		
3	Tập thể lao động tiên tiến	Khoa TLGD	Khoa TLGD		
4	Tập thể lao động xuất sắc	Khoa TLGD	Khoa TLGD		
5	Chiến Sĩ Thi đua cấp Bộ				
6	Bảng khen của Bộ trưởng	1.PGS.TS Nguyễn Thị Tình 2. TS. Nguyễn Thị Nhân Ái			
7	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ	PGS.TS. Lê Minh Nguyệt			
8	Giấy Khen của Hiệu trưởng		1.Mai Quốc Khánh 2. Đàm Thị Vân Anh 3. Vũ Thị Ngọc Tú		
9	Tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH của sinh viên	Khoa TLGD	Khoa TLGD	Khoa TLGD	Khoa TLGD

10	Khen thưởng GV và nhóm SV đạt giải SVNCKH cấp Bộ	PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu và Nguyễn Lê Quế An, Giải Nhì NCKH cấp Bộ			TS. Bùi Thị Thu Huyền và Nguyễn Minh Thư, Chu Ngọc Minh Châu, Ma Anh Tú, Giải Nhì NCKH cấp Bộ
----	--	---	--	--	---

Cuối mỗi học kì và cuối năm học, Trung tâm đảm bảo chất lượng trường ĐHSP Hà Nội đều lấy ý kiến khảo sát sinh viên về kết quả giảng dạy của giảng viên dựa trên 5 tiêu chí: (1) Việc thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp học; (2) Thái độ ứng xử với sinh viên; (3) Nội dung dạy học; (4) Phương pháp giảng dạy; (5) Các hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát giảng viên cho thấy, hầu hết các giảng viên đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền [H6.06.06.15].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc trên trang <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login> của nhà trường dành cho đội ngũ GV khá thuận tiện và chính xác. Hệ thống qui chế, qui định để đánh giá hiệu quả công việc của Giảng viên được xây dựng với tiêu chí qui trình rõ ràng. Chế độ thi đua khen thưởng công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ GV về hoạt động cộng đồng chưa được số hóa trên hệ thống quản lý nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung khai báo kết quả hoạt động cộng đồng đối với GV trên trang qlnt.hnue.edu.vn của nhà trường	Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác bình xét, đánh giá, thi đua một cách công bằng, minh bạch. Hoàn thiện và phát triển phần mềm quản lý giờ giảng để ngày càng cập nhật và đầy đủ hơn.	Khoa TLGD Trường ĐHSPHN	2024

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV đã được trường Đại học Sư phạm Hà Nội quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPhN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPh Hà Nội [H6.06.07.01; H6.06.01.10]. Ngoài ra, phòng Khoa học công nghệ cũng soạn các tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Từ 01/07/2017, Nhà trường và Khoa đã thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho GV để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi GV đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy làm việc. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó bộ môn họp bàn và thống nhất phân công [H6.06.05.16].

Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học công nghệ hằng năm đối với mỗi chức danh, học vị của GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. Cụ thể, đối với GV cao cấp, Giáo sư/Phó giáo sư, GV chính, GV có thời gian công tác trên 5 năm là 150 giờ; GV có thời gian công tác dưới 5 năm là 90 giờ, giảng viên tập sự là 75 giờ; giảng viên đang trong thời gian học Cao học, Nghiên cứu sinh trong nước là 75 giờ. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của các GV. Để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH, trên phần mềm quản lý giờ giảng của GV phải có minh chứng cụ thể hoạt động NCKH trong năm để đảm bảo quy định; hàng năm Nhà trường và khoa định kỳ thành lập các Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện và hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp [H6.06.07.03].

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của giảng viên Khoa TLGD tham gia đào tạo ngành Cử nhân TLH trong 5 năm qua tăng lên đáng kể. Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số GV còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục qui định về xuất bản giáo trình. Trong đó, số lượng sách GV viết tăng dần theo các năm, đặc biệt là các sách tham khảo, tổng số sách viết năm 2020 là 22 cuốn [H6.06.07.04].

Các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH của GV được đối sánh để cải tiến chất lượng. Hàng năm, Khoa đều tiến hành tổng kết công tác NCKH của Khoa theo công văn tổng kết công tác NCKH của trường. Số đề tài KHCN mà GV, khoa TLGD tham gia giảng dạy ngành đào tạo cử nhân TLH qua các năm được thống kê cụ thể [H6.06.07.05].

Bảng 6.7.1. Thống kê đề tài NCKH giai đoạn 2019-2024 của khoa TLGD

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ	01	0	0	01	0
2	Đề tài cấp Bộ	0	0	02	02	0
3	Đề tài cấp trường	02	01	0	0	0
	Tổng:	03	01	02	03	0

Bảng 6.7.2. Thống kê bài báo, sách tham khảo, giáo trình giai đoạn 2019-2024 của khoa TLGD

	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Tạp chí KH Nước ngoài	14	16	27		07
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	7	27	10	26	19
3	Hội nghị trong nước và quốc tế	22	15	14	05	17
	Tổng:	43	58	42	31	43
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Sách giáo trình	02	00	01	01	01
2	Sách giáo khoa phổ thông	0	0	05	0	0
3	Sách tham khảo	04	03	15	02	06
4	Sách chuyên khảo	01	0	01	01	02
5	Sách hướng dẫn	0	0	0	03	0
	Tổng:	07	03	22	07	09

Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các đề tài NCKH, số lượng các công trình khoa học và các hoạt động hợp tác với các đơn vị trong ngoài, nước ngoài tăng hơn hẳn so với những năm trước, năm 2019 có 43 bài, năm 2020 có 58 bài/31 cán bộ, giảng viên. Đặc biệt số lượng các bài báo quốc tế tăng nhanh từ 14 bài năm 2019 lên 27 bài năm

2021. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và của Khoa.

Căn cứ vào quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học sư phạm Hà Nội, từng giảng viên trong khoa đều xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ của bản thân trong từng năm học đối với hoạt động nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện rõ trong bản mô tả công việc/nhiệm vụ của giảng viên trong từng năm học [H6.06.07.06]. Số lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa TLGD trong từng năm học được các cá nhân tổng hợp trong hồ sơ năng lực nghiên cứu khoa học một cách rõ ràng, đầy đủ [H6.06.07.07].

Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ được Khoa, Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường [H6.06.07.08].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV cũng là cơ sở cho việc đánh giá phân loại GV hàng năm. Các GV khoa TLGD có năng lực tốt, đáp ứng các yêu cầu về NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, đội ngũ này luôn được bình xét đánh giá, phân loại danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở [H6.06.07.09].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa TLGD được thể hiện rõ hơn qua việc tổ chức các Hội nghị khoa học quốc tế. Cụ thể trong giai đoạn từ 2019 đến tháng 6 năm 2024, khoa đã tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế “Tâm lý học – Giáo dục học vì sự phát triển học sinh và nhà trường hạnh phúc”; “Tâm lý học, Giáo dục học trong bối cảnh biến đổi xã hội”. Tại các Hội nghị khoa học quốc tế này, giảng viên khoa Tâm lý giáo dục đều tham gia với các bài báo có chất lượng, được đăng trong kỷ yếu Hội thảo [H6.06.07.10].

2. Điểm mạnh

Các loại hình, số lượng hoạt động NCKH của giảng viên được Nhà trường, khoa TLGD xác lập chi tiết, công khai

Số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập và giám sát, hỗ trợ tương đối hiệu quả, làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng trong nghiên cứu

- Các sản phẩm NCKH của giảng viên có xu hướng gia tăng hàng năm, đặc biệt là các công bố khoa học quốc tế

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế khuyến khích động viên, khen thưởng phù hợp cho những giảng viên thực hiện vượt định mức giờ NCKH.

Tiêu chí 6.1					5		
Tiêu chí 6.2					5		
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4					5		
Tiêu chí 6.5					5		
Tiêu chí 6.6					5		
Tiêu chí 6.7						6	
Điểm tiêu chuẩn	5,14						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển trường ĐHSPTHN giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [H7.07.01.04].

Chương trình đào tạo Cử nhân TLH được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ Công nghệ thông tin và hệ thống mạng từ TTCNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, thực hành,...) từ phòng Quản trị; cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký tín chỉ, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa... từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc. Tính đến tháng 8 năm 2024, Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐHSPTHN có tổng số 27 người: trong đó có 09 thạc sĩ, 16 cử nhân, 02 trình độ khác, đáp ứng được tiêu chuẩn của Luật Thư viện đối với đội ngũ nhân viên và các yêu cầu do CTĐT đặt ra về số lượng và năng lực phục vụ cho học viên, sinh viên toàn trường. Trung tâm thông tin - Thư viện trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu

khoa học, triển khai ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet...). Cũng tính đến tháng 8/2024, đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 08 người: 02 tiến sĩ, 06 thạc sĩ tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính - Đối ngoại gồm 13 người: 03 thạc sĩ, 10 cử nhân có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác chính trị, học sinh - sinh viên gồm 07 người: 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ, 02 cử nhân, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, sinh viên. Trung tâm CNTT gồm 04 người: 02 thạc sĩ, 02 cử nhân, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông của Trường. Như vậy, đội ngũ nhân viên trong trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT cử nhân TLH [H7.07.01.05]. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa đội ngũ chuyên viên của Khoa với các đơn vị trong trường còn hạn chế.

Trong đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT TLH, có vai trò rất quan trọng của đội ngũ nhân viên làm việc tại Khoa TLGD. Hiện nay đội ngũ nhân viên của khoa gồm 02 nhân viên (01 chuyên viên phụ trách công tác Giáo vụ; 01 chuyên viên phụ trách công tác cán bộ, quản lý công tác chính trị HSSV). Đội ngũ cố vấn học tập được Khoa lựa chọn từ đội ngũ giảng viên có đủ tiêu chuẩn về thâm niên giảng dạy, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với hoạt động của sinh viên. Dựa trên bản mô tả công việc của Nhà trường, các chuyên viên và đội ngũ cố vấn học tập của Khoa có bản mô tả công việc cá nhân rõ ràng, đầy đủ. Hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên được cập nhật hàng năm [H7.07.01.06; H7.07.01.07]. Hàng năm khoa nhà trường cũng thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng công việc của cán bộ hành chính để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp [H7.07.01.08]. Ở phạm vi cấp Trường, Trung tâm Đảm bảo chất lượng đã thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và đã nhận được những phản hồi tích cực [H7.07.01.09]. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt, Xuất sắc và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện. Với 2 nhân viên của Khoa TLGD, việc triển khai lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát của các bên liên quan chưa được Khoa thiết kế điều tra thường xuyên, định kỳ. Dựa trên báo cáo khảo sát chất lượng

ngành/khóa đào tạo để khoa có sự phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo sinh viên nhằm xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ nhân viên có hiệu quả để nâng cao chất lượng phục vụ và đào tạo sinh viên của khoa [H7.07.01.10]; [H7.07.01.11]; [H7.07.01.12]. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, khoa cũng phân công đội ngũ nhân viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc.

Như vậy về cơ bản có thể thấy đội ngũ nhân viên của trường ĐHSPHN làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường và các khoa đào tạo, trong đó có khoa TLGD. Đồng thời để duy trì và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo và cộng đồng, nhà trường cũng đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho không chỉ giảng viên mà cả nhân viên trong các đơn vị phục vụ như thư viện, phòng hành chính-đối ngoại, phòng CTHSSV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Nhà trường có bố trí kinh phí và tạo điều kiện cho giảng viên đi học nếu nội dung đào tạo phù hợp với vị trí việc làm của giảng viên và nhân viên.

2. Điểm mạnh

Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường hợp lý, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của trường.

3. Điểm tồn tại

Khoa TLGD chưa thực hiện được thường xuyên khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và cố vấn học tập trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ	Tất cả GV Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029

	khác. - Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng.		
--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được trường ĐHSPhN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ nhân viên trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong trường. Các tiêu chí tuyển dụng, kế hoạch, thời gian thi tuyển và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.01]. Ngoài ra những qui định cụ thể về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý hay thôi chức vụ quản lý cũng được nhà trường qui định cụ thể trong bản quy chế và được công bố công khai. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện...[H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức. Đối với công tác tuyển dụng: Thông báo tuyển dụng được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, Trên Báo Hà Nội mới và dán tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Thông báo trúng tuyển cũng được đăng tải trên Website Trường và niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Đối với việc bổ nhiệm, điều chuyển, Nhà trường phổ biến tới cá nhân, đơn vị và

công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [<http://docs.hnue.edu.vn/Vanbanden.aspx>].

Khoa TLGD luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa TLGD. Đối với nhân viên Khoa TLGD có các quyết định tuyển dụng của nhân viên Khoa TLGD [H7.07.02.03]; Bản mô tả công việc của nhân viên [H7.07.02.04]; Sổ tay nhân viên [H7.07.02.05]; Hồ sơ của đội ngũ nhân viên [H7.07.02.06]; Kết quả tự đánh giá năng lực hàng tháng và hàng năm [H7.07.02.07]; Bản đăng ký của chuyên viên khoa TLGD về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.02.08]. Khoa TLGD cũng rất quan tâm và dựa trên đánh giá của nhà trường về kết quả khảo sát nhu cầu và ý kiến các bên liên quan về vị trí việc làm [H7.07.02.09] để khi có kế hoạch tuyển dụng viên chức các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được công khai trên trang điện tử của khoa và nhà trường [H7.07.02.10]. Tuy nhiên, khoa TLGD cần chủ động hơn nữa trong việc thu thập thêm ý kiến đánh giá của các bên liên quan để đưa thêm những tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn chuyên viên/nhân viên bổ nhiệm, điều chuyển được sâu sát đồng thời công khai trên trang Web của Khoa.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản qui định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Nhà trường	Giai đoạn 2024-2029	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. - Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm,	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029	

		điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định thông qua hiệu quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong các văn bản: Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPTHN [H7.07.01.03], Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.02].

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên đã được Nhà trường xây dựng và ban hành trong các văn bản: Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPTHN. Trong văn bản Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, Nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu, thời gian, nội dung, trình tự cũng như tiêu chuẩn đánh giá, phân loại viên chức và người lao động. Từ năm 2018, theo quy định mới, viên chức hành chính và người lao động được đánh giá phân loại theo tháng, trình tự đánh giá được thực hiện theo quy trình gồm bốn bước: Các cá nhân tự đánh giá, chấm điểm về hiệu quả công việc, kỹ năng, thái độ của bản thân theo mẫu nhà trường ban hành; Tập thể (Phòng, Tổ, Bộ môn) góp ý cho bản tự đánh giá của cá nhân; Trên cơ sở tham khảo ý kiến của tập thể lãnh đạo đơn vị, Trưởng đơn vị trực tiếp đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên; Căn cứ vào đề nghị phân loại của các Trưởng đơn vị, Phòng TCCB rà soát, hoàn tất thủ tục trình Hội đồng đánh giá cấp Trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định [H7.07.03.01]. Trình tự đánh giá cả năm cũng được quy định cụ thể trong văn bản này. Các nhân viên sau khi được đánh giá sẽ được xếp loại theo thang gồm 5 loại A, B, C1, C2, D. Dựa trên kết quả đó, nhân viên sẽ được đánh giá, phân loại cho cả năm theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H7.07.03.02]. Kết quả này sẽ là cơ sở để đánh giá thi đua, khen thưởng theo năm học, đồng thời cũng là cơ sở để Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm, cũng như xét nâng bậc lương trước thời hạn dựa trên qui chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04].

Hàng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học và có kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm [H7.07.03.05]. Việc thực hiện đánh giá được nhà trường hướng dẫn đầy đủ và chi tiết theo mẫu phiếu và có báo cáo mức độ đáp ứng của cán bộ hành chính [H7.07.03.06]. Khoa TLGD đã thực

hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại hàng tháng, nhân viên tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó các Tổ, Bộ môn tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên, rồi nộp biên bản cho Khoa [H7.07.03.07]. Trưởng Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết định danh sách đề xuất lên Trường [H7.07.03.08]. Kết quả về phân loại CCVC và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của trường. Theo kết quả đánh giá phân loại hàng tháng đối với nhân viên hành chính, giai đoạn 2019-2024 các nhân viên hành chính khoa TLGD đều xếp loại A, cuối năm học đạt danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến. Bên cạnh đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng Trường ĐHSPHN cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát năm 2019, tỉ lệ cán bộ hành chính của Nhà trường được sinh viên phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt và xuất sắc trên 95% [H7.07. 03.10]. Kết quả khảo sát đội ngũ nhân viên hành chính thực hiện năm 2022.

Dựa trên ý kiến phản hồi, đánh giá hàng năm về mức độ đáp ứng của cán bộ hành chính, nhà trường cũng có những thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Sau 3 năm thực hiện, từ năm học 2021-2022 nhà trường đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-ĐHSPHN về đánh giá phân loại công chức, viên chức người lao động chi tiết và cụ thể hơn, trong đó đáng chú ý là mỗi đơn vị đào tạo, các phòng ban cần đăng ký kế hoạch công tác hàng năm. Người lao động cũng yêu cầu có kế hoạch công tác hàng năm và được lãnh đạo đơn vị phê duyệt coi như căn cứ đánh giá, phân loại viên chức hàng năm [H7.07.03.09].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định.

Khoa TLGD có đội ngũ nhân viên có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo và NCKH và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian
-----------	------------	-----------------	----------------	------------------

	tiêu		người thực hiện	thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để nâng cao thành tích thi đua.	Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	Khoa TLGD	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo là một thành tố quan trọng góp phần làm nên chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường ĐHSPhN. Vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Trong Đề án vị trí việc làm đã chỉ rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với từng vị trí nhân sự [H7.07.01.02]. Về cơ bản, trong quá trình tuyển dụng, đội ngũ nhân viên của Nhà trường đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, tuy nhiên, trong thực tế, có phát sinh một số quy định, tiêu chuẩn mới yêu cầu về các chứng chỉ nghiệp vụ, ngoại ngữ tin học đối với đội ngũ giảng viên, nhân viên. Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, do sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, bản thân các cán bộ nhân viên cũng luôn có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học để đáp ứng tốt yêu cầu của công việc trong thời đại hội nhập [H7.07.04.01]; [H7.07.04.02].

Chiến lược và Kế hoạch hành động 2011-2020, Nhà trường đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ bao gồm cả giảng viên và nhân viên [H7.07.01.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo này được Nhà trường tiến hành rất cẩn thận và đầy đủ theo qui trình chặt chẽ dựa trên các văn bản pháp qui như: công văn số 174/ĐHSPhN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị; công văn lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các đơn vị 2017-2022 [H7.07.04.03]; Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 [H7.07.04.04]; BC công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch đào tạo, BD năm 2024 [H7.07.04.05]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng

đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên dựa trên yêu cầu của CTĐT [H7.07.04.06; H7.07.04.07].

Giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ tham dự các hội thảo, chương trình tập huấn, các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.04.08]. Bên cạnh các chuyên viên của Khoa luôn nâng cao tinh thần tự học hỏi, tự nghiên cứu, Khoa TLGD cũng có các chuyên viên được Nhà trường cử đi học. Khoa đã thống kê Danh sách đội ngũ chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các năm từ 2019 - 2024. Mặc dù Khoa và Nhà trường không có nhiều lớp tập huấn, kinh phí dành cho đội ngũ chuyên viên để nâng cao trình độ nhưng bản thân chuyên viên Khoa TLGD cũng đã tự ý thức bồi dưỡng trau dồi học tập, đào tạo nâng cao trình độ [H7.07.04.09].

Nhà trường thực hiện phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên. Bên cạnh đó, các nhân viên được cử đi học đào tạo, bồi dưỡng luôn được Nhà trường hỗ trợ về kinh phí học tập, đi lại và hỗ trợ về mặt thời gian tạo điều kiện tối đa cho họ hoàn thành nhiệm vụ học tập [H7.07.04.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa thực hiện việc xác đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

Trường bố trí kinh phí và tạo điều kiện cho giảng viên đi học nếu nội dung đào tạo phù hợp với vị trí việc làm của giảng viên và nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Một số khóa học có liên quan đến chuyên môn của nhân viên vẫn chưa được quan tâm đúng mức

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Khoa TLGD, Trường ĐHSHPN	Giai đoạn 2024-2029

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	Khoa TLGD, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
---	--------------------	--	--------------------------	---------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Trong các Hợp đồng lao động kí giữa Nhà trường và đội ngũ nhân viên cũng ghi rõ công việc cụ thể và nhiệm vụ của nhân viên là làm việc theo sự phân công của Hiệu trưởng, Trưởng khoa. Trưởng khoa căn cứ trên năng lực chung và năng lực chuyên môn của từng nhân viên để phân công công việc cụ thể cho mỗi nhân viên nhằm phát huy tốt nhất thế mạnh, sở trường của từng người đồng thời phối hợp chặt chẽ với Nhà trường và các Phòng, Ban chức năng thực hiện việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định [H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.02; H7.07.05.01].

Nhà trường cũng có văn bản quy định chi tiết về thời gian làm việc của công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, giờ làm việc nhân viên hành chính cụ thể là: buổi sáng từ 8h00 đến 12h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00. Đa số các cán bộ đều tuân thủ nghiêm túc theo khung giờ đã quy định. Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148/QĐ-ĐHSPHN [H7.07.05.02].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại cán bộ viên chức sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định. Các chính sách trên đã có tác dụng động viên kịp thời, thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường [H7.07.03.01; H7.07.03.02].

Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các CCVC tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách

dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức [H7.07.05.03].

Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên hành chính tham gia thực hiện CTĐT Cử nhân TLH luôn được xếp loại A và đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao. Khoa TLGD đã xây dựng bản mô tả vị trí công việc rõ ràng cho từng vị trí [H7.07.05.04], đồng thời theo qui định của nhà trường vào đầu năm học khoa có họp để phân công nhiệm vụ đầu năm học [H7.07.05.05] dựa trên kế hoạch cá nhân của nhân viên. Theo đó tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.05.07]. Mặc dù các chuyên viên của khoa đã có một số thành tích nhất định [H7.07.05.06]. Tuy nhiên, số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa cơ bản là hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.05.08].

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để đội ngũ nhân viên cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, hỗ trợ và phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí đánh giá kết quả chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh một số tiêu chí phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên trong khoa.	Khoa TLGD, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa TLGD, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ Cử nhân TLH nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên các tiêu chí Thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít. Mặc dù vậy, chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay của Nhà trường nói chung và của khoa TLGD nói riêng nhìn chung đã đảm bảo công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa và Nhà trường.

Đánh giá tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					5		
Tiêu chí 7.2					5		
Tiêu chí 7.3					5		
Tiêu chí 7.4					5		
Tiêu chí 7.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5,0						

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**Mở đầu**

Người học là một trong những yếu tố quan trọng của chương trình đào tạo. Nếu có chất lượng đầu vào tốt, hoạt động đào tạo sẽ có được kết quả tích cực. Vì vậy, khoa TLGD đã nỗ lực thực hiện tốt công tác liên quan đến người học và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuân thủ các chính sách của trường ĐHSP Hà Nội, Khoa đã xây dựng được chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó góp phần nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật**1. Mô tả**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học (TLH) được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng như quy chế tuyển sinh của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, minh bạch trong *Đề án tuyển sinh* và *Thông báo tuyển sinh* hàng năm [H8.08.01.01]. Năm 2020, Khoa TLGD được tuyển sinh trong cả nước với hai phương thức tuyển sinh chính là dựa trên kết quả kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét học bạ. Việc xét tuyển dựa trên kì thi tốt nghiệp THPT với hai tổ hợp là Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí và tổ hợp Toán - Ngữ văn - Ngoại ngữ. Xét tuyển học bạ dựa trên điểm trung bình chung của các môn Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ ở tất cả các kì trong ba năm học THPT của thí sinh. Theo quy định của trường ĐHSP Hà Nội, các thí

sinh phải có hạnh kiểm khá trở lên ở tất cả các kì học. Chính sách tuyển sinh của Khoa cũng được cập nhật hàng năm, đặc biệt là cập nhật một số nội dung liên quan đến chỉ tiêu, đối tượng, quy trình xét tuyển, phương thức xét tuyển. Chẳng hạn, năm 2020, chính sách tuyển sinh được thay đổi hơn những năm trước ở việc bổ sung phương thức xét tuyển học bạ của thí sinh. [H8.08.01.01]. Năm 2022, bổ sung phương thức tuyển sinh mới (phương thức 5) xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với kết quả học bạ THPT [H8.08.01.04].

Chính sách tuyển sinh trên được công bố công khai trên website của nhà trường; website và tờ rơi của Khoa [H8.08.01.04].

Hàng năm, chính sách tuyển sinh được cập nhật và thay đổi theo chỉ đạo chung của Bộ GD&ĐT và của trường ĐHSPHN. Từ năm 2015, Khoa TLGD, trường ĐHSP Hà Nội tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT với các tổ hợp điểm Ngữ văn - Lịch sử - Ngoại ngữ; tổ hợp Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí và tổ hợp Ngữ văn - Toán - Ngoại ngữ. Tổng số chỉ tiêu xét tuyển được điều chỉnh theo từng năm. Đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kì đều được loại khá trở lên. Tiêu chí xét tuyển chính là xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu dựa trên kết quả thi của ba môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Xét tuyển thẳng thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng (theo quy định tại khoản 2, điều 7 của *Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy* của Bộ GD&ĐT): Xét tuyển thẳng thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh. Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2019 và đạt học lực giỏi tất cả các năm học THPT, đồng thời được xếp loại hạnh kiểm tốt tất cả các học kì [H8.08.01.01]. Từ năm 2022, trường ĐHSPHN bổ sung phương thức tuyển sinh mới (phương thức 5) xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với kết quả học bạ THPT. Kỳ thi đánh giá năng lực được tổ chức với mục tiêu đa dạng hóa phương thức tuyển sinh, gia tăng thêm cơ hội trúng tuyển và nhằm phân loại tốt hơn năng lực của các thí sinh để tuyển chọn được sinh viên phù hợp với từng ngành đào tạo. Cùng với bài thi viết để đánh giá năng lực, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện: đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả các học kỳ ở bậc THPT từ loại khá trở lên và điểm trung bình chung của 5 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên.

Ban chủ nhiệm Khoa TLGD thống nhất theo các phương án trong *Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh* của nhà trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.03].

Trong 5 năm qua, ngành TLH đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng sinh viên theo học như sau:

Bảng 1. Thống kê tình hình nhập học năm thứ nhất của ngành Tâm lý học trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022 - 2023			Năm 2021 - 2022			Năm 2020 – 2021			Năm 2019 - 2020			Năm 2018 - 2019		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
- Ngữ văn, Toán, Lịch sử (C03)	PT1										5	3	19.25	20	8	16.1
- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	PT1	50	57	26.25	50	32	25.5	50	52	23	50	33	21.25	70	66	16
- Ngữ văn, Toán, Ngoại	PT1	50	29	24.8	30	28	25.4	35	29	22.5	25	16	20	30	34	16.05

Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành Tâm lý học từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2022 - 2023 tăng đáng kể. Số lượng nộp đơn dự tuyển, số lượng trúng tuyển và số lượng sinh viên nhập học trong hai năm học gần đây tăng cao.

Khoa TLGD cũng thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực. Hình thức lấy ý kiến là thông qua các phiếu khảo sát, các cuộc tọa đàm với đối tượng là sinh viên đang học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, các chuyên gia [H8.08.01.05]. Những đối tượng này đã đóng góp cho Khoa những ý kiến bổ ích về vấn đề tuyển sinh như về phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hay tổ hợp các môn xét tuyển.

Bên cạnh các phương thức tuyển sinh đại học đã áp dụng từ những năm học trước (như xét tuyển thẳng; sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT và tổ chức thi các môn năng khiếu để xét tuyển vào các ngành có xét tuyển môn thi năng khiếu; ưu tiên cộng điểm; xét tuyển thẳng đối với thí sinh viết bài luận đạt kết quả tốt), năm 2022, Trường ĐHSP Hà Nội bổ sung phương thức tuyển sinh mới (phương thức 5): xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với kết quả học THPT. Kỳ thi này được tổ chức với mục tiêu đa dạng hóa phương thức tuyển sinh, gia tăng thêm cơ hội trúng tuyển vào ĐHSP Hà Nội và nhằm phân loại tốt hơn năng lực của các thí sinh để tuyển chọn được tân sinh viên phù hợp với từng ngành đào tạo. Theo đó, thí sinh lựa chọn và thực hiện một hoặc một số bài thi (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí) sử dụng kết quả thi để đăng kí xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường. Cùng với bài thi viết để đánh giá năng lực, thí sinh phải đáp ứng các điều kiện về hạnh kiểm tất cả các học kì ở bậc THPT từ loại khá trở lên và điểm trung bình chung của 5 học kì (học kì 1,2 lớp 10, 11 và học kì 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên (không có học kì nào dưới 6.5).

Mỗi ngành học sẽ xét tuyển dựa theo kết quả thi đánh giá năng lực 02 môn (*đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có*). Các ngành có thi năng khiếu sẽ xét theo tổng điểm thi năng khiếu kết hợp với điểm thi đánh giá năng lực (*đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có*).

Thí sinh có nguyện vọng dự thi để xét tuyển theo phương thức 5 vào Trường ĐHSP Hà Nội được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng. Đối với thí sinh có 02 nguyện vọng xét tuyển, Trường xét nguyện vọng 1 trước, nếu nguyện vọng thứ nhất không trúng tuyển, nguyện vọng 2 được xét tuyển như nguyện vọng thứ nhất.

Kết quả xét tuyển theo phương thức 5 được công bố sớm, vì thế nếu chưa trúng tuyển theo phương thức này, thí sinh vẫn còn nguyên cơ hội đăng ký bốn phương thức tuyển sinh truyền thống của Trường ĐHSP Hà Nội. Kỳ thi đánh giá năng lực và phương thức tuyển sinh mới thực chất làm gia tăng cơ hội trúng tuyển cho thí sinh vào ngành học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội phù hợp với nguyện vọng của bản thân.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển tốt và đánh giá được năng lực người học từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật hàng năm, từ đó, người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Công tác truyền thông về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh còn chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lồng ghép giữa chương trình tuyển sinh và các chương trình hỗ trợ kỹ năng sống cho học sinh các trường THPT của cán bộ giảng viên khoa TLGD.	Toàn thể giảng viên Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác truyền thông về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, đa dạng hóa về hình thức	Toàn thể giảng viên khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Trước năm học 2015 - 2016, thí sinh tham dự kì thi ba chung do Bộ GD&ĐT tổ chức, kết quả tuyển sinh của Trường được xác định dựa trên điểm sàn chung của Bộ. Sau khi có kết quả thi đại học, Trường xác định điểm chuẩn của từng ngành học. Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Trường đã tuyển sinh dựa trên 05 phương thức với các tiêu chí và cách xét tuyển cụ thể: một là sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 để xét tuyển, hai là phương thức xét tuyển thẳng, ba là xét học bạ THPT; bốn là kết hợp sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc kết quả học bạ với kết quả thi năng khiếu tại trường ĐHSPHN với một số ngành đặc thù và năm là xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp với kết quả học bạ THPT (năm 2022, 2023). Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học theo hai ngành học (Tâm lý học

giáo dục và Tâm lý học) được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.03], đồng thời tiếp thu sự góp ý của các bên liên quan để hoàn thiện đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.05], [H8.08.02.02]. Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng [H8.08.01.04].

Với sự nỗ lực của ban chủ nhiệm và các thầy cô trong khoa TLGD, số lượng sinh viên được tuyển sinh vào học ở khoa với chất lượng đầu vào được cải thiện đáng kể. Hàng năm khoa tổ chức các cuộc họp Hội đồng khoa học để đánh giá tình hình tuyển sinh để từ đó rút kinh nghiệm cho năm sau [H8.08.02.04].

Thường xuyên tăng cường công tác truyền thông về các ngành học trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thường xuyên xây dựng và bồi dưỡng năng lực tư vấn tuyển sinh cho các cán bộ chủ chốt của khoa. Đồng thời khoa thường xuyên thu thập thông tin phản hồi của học sinh, sinh viên và các bên liên quan về công tác tuyển sinh của khoa và của nhà trường để có sự điều chỉnh hợp lý [H8.08.01.05], [H8.08.02.02].

Từ năm 2020, ban tuyển sinh của khoa đã thích ứng dần với bối cảnh dịch bệnh và luôn có phương án dự phòng cho công tác tư vấn và hỗ trợ công tác tuyển sinh của nhà trường. Ban tuyển sinh của khoa đã tăng cường công tác truyền thông trên fanpage của khoa, tăng cường tương tác, tư vấn và giải đáp các câu hỏi về tuyển sinh trên các nền tảng mạng xã hội như zalo, facebook...

Ngành Tâm lý học được xếp vào nhóm khoa học hành vi, không thuộc nhóm khoa học đào tạo giáo viên nên sinh viên không được hưởng chính sách hỗ trợ dành cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP (quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm). Tuy nhiên điều này cũng không làm giảm sự thu hút sinh viên vào khoa ngày càng tăng trong những năm gần đây.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, được đánh giá khách quan, minh bạch, theo đúng chỉ đạo của Hội đồng khoa học Khoa và Hội đồng tuyển sinh trường. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được linh hoạt điều chỉnh hàng năm, phù hợp tình hình thực tế và đặc điểm của khoa.

3. Điểm tồn tại

Công tác truyền thông về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh còn chưa đa dạng về hình thức. Công tác khảo sát, kiểm tra, đánh giá kết quả tuyển sinh còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	----------------------------

				hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đa dạng hóa cách thức tuyển sinh theo yêu cầu đổi mới giáo dục đại học. - Tăng cường công tác khảo sát, kiểm tra, đánh giá kết quả tuyển sinh	- Khoa TLGD; - Phòng đào tạo; - Trung tâm công nghệ thông tin; - TT ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì, hoàn thiện ban tuyển sinh của khoa; - Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin và cách thức tuyển sinh theo hướng phát triển năng lực của người học.	- BCN khoa; - Ban tuyển sinh và các giảng viên của khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học triển khai phương thức đào tạo theo tín chỉ tương đối sớm. Khoa TLGD cũng triển khai phương thức đào tạo này cùng với nhà trường. Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập của người học được thể hiện cụ thể, chi tiết trong *Quy chế đào tạo đại học* của trường ĐHSPHN và của Bộ GD&ĐT và trong *Sổ tay sinh viên* [H8.08.03.01; H8.08.03.02].

Phòng Đào tạo được Nhà trường phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập của người học, cảnh báo học vụ thông qua trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên, cố vấn học tập của các Khoa trong trường [H8.08.03.03, H8.08.03.04]. Trong đó cố vấn học tập, giảng viên có vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ người học như: tư vấn, hỗ trợ thông tin và định hướng quá trình học tập, rèn luyện, thực hiện quyền và nghĩa vụ của sinh viên; theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên; đề xuất phương án xử lý đối với các tình huống phát sinh trong quá trình đào tạo sinh viên.

Khoa TLGD luôn có một bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ, ví dụ như đội ngũ cố vấn học tập, giáo vụ của khoa. Dựa trên các Quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Theo đó, công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của sinh viên và cảnh báo học vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục

bởi cô vấn học tập và quản lý sinh viên khoa. Trợ lý đào tạo và cô vấn học tập đồng chịu trách nhiệm giám sát khối lượng học tập của sinh viên [H8.08.03.03] và [H8.08.03.05].

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học trong quyết định số 12012/QĐ-ĐHSPHN ngày 16/12/2019 của Trường ĐHSPHN [H8.08.03.05]. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 lần/tháng thông qua các buổi họp giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 lần/tháng với sự tham gia của cô vấn học tập nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.05]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong *Sổ tay sinh viên* nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn. Theo đó, số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kì học chính là 15 tín chỉ và tối đa là 30 tín chỉ; đối với học kì phụ (học kì 3/ học kì mùa hè) tối đa là 10 tín chỉ [H8.08.03.02]. Trong trường hợp sinh viên học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép sinh viên đăng kí môn học thay thế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.

Kết quả xếp loại học tập và rèn luyện của sinh viên hàng năm đều đạt trên 80% loại giỏi và xuất sắc, không có sinh viên nào có điểm trung bình của người học dưới 2.

Cơ sở dữ liệu Khoa sử dụng để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; tỉ lệ tốt nghiệp là thông qua Sổ tay nghiệp vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp và trên phần mềm quản lý điểm và quản lý người học UNISOFT, HRM và PSC (Pyramid Software & Consulting) [H8.08.03.03].

1. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

2. Điểm tồn tại

Một số sinh viên còn gặp khó khăn khi thích ứng với việc chuyển đổi phần mềm quản lý đào tạo UNISOFT sang PSC khi đăng ký tín chỉ theo tiến độ học tập của cá nhân

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ	Khoa TLGD, Trung tâm CNTT	Hàng năm

		- Hỗ trợ sinh viên thích ứng với phần mềm quản lý đào tạo PSC - Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của nhà trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học	BCN Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Là khoa nghiệp vụ của trường ĐHSP Hà Nội, khoa TLGD có nhiệm vụ đào tạo hai ngành học: Tâm lý học và Tâm lý học giáo dục. Trong đó chuyên ngành Tâm lý học chủ yếu hướng đến đào tạo các chuyên viên Tâm lý học trường học, các chuyên viên nghiên cứu trong các trường học và các viện nghiên cứu trên toàn quốc. Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, các cán bộ của khoa cũng tham gia tích cực vào các hoạt động tư vấn cho sinh viên. Cụ thể là khoa có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm chức năng cố vấn học tập [H8.08.04.02].

Ngoài sự trợ giúp của cố vấn học tập của khoa, các em sinh viên còn nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình của từng thầy, cô trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, nhờ có sự hướng dẫn của các thầy, cô có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được diễn ra sôi nổi, thường niên và đạt được chất lượng cao. Ngoài ra, Ban chủ nhiệm khoa và các cán bộ của khoa đã tích cực tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa (văn, thể, mỹ) tạo điều kiện cho sinh viên học hỏi giao lưu với các sinh viên khác trong và ngoài trường, với các cơ sở giáo dục, văn hóa, đoàn thể ở cả ba miền đất nước [H8.08.04.03], [H8.08.04.04]. Khoa TLGD còn là khoa nghiệp vụ của trường nên các hoạt động thực tập nghề nghiệp và rèn nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên được khoa rất chú trọng. Các chương trình thực tập nghề nghiệp của khoa vừa đáp ứng yêu cầu của nhà trường vừa được tổ chức linh hoạt theo điều kiện của từng năm, đáp ứng được chuẩn năng lực của ngành học [H8.08.04.02]. Trong sự thành công của khoa (thể hiện ở chất lượng đào tạo sinh viên), phải kể đến sự quan tâm của lãnh đạo của nhà trường, các phòng ban, Ban chủ nhiệm khoa; sự đóng góp của đội ngũ cán bộ làm công tác trợ lý có trình độ chuyên môn cao, có tình yêu nghề và tôn trọng người học.

Để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên, khoa còn hợp tác với các cơ sở giáo dục ngoài trường và quốc tế trong việc hỗ trợ thực hành, thực

tập, trao đổi kinh nghiệm giáo dục... [H8.08.04.04]. Đào tạo phải hướng tới nhu cầu xã hội, thị trường giáo dục. Hiểu được điều đó, từ năm 2019 đến nay, khoa không ngừng phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động phát triển nghề nghiệp, hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp [H8.08.04.04]. Khoa thường xuyên liên kết, trao đổi và giới thiệu sinh viên tới các trường phổ thông để sinh viên thực hành kỹ năng giáo dục, thực hành môn học, thực tập nghề nghiệp và thực tế chuyên môn tổng hợp [H8.08.04.04]. Ngoài hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập; nghiên cứu khoa học; hỗ trợ việc làm khoa còn có những hoạt động hỗ trợ thiết thực về vật chất và thông tin cho sinh viên trong giải quyết những khó khăn của cuộc sống đời thường.

Ban lãnh đạo khoa luôn có sự chỉ đạo sát sao. Có sự kiểm tra, đánh giá thường xuyên. Các kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ công khai, minh bạch, có tác động tích cực lên các chủ thể giáo dục.

Hệ thống nhân lực tham gia các hoạt động hỗ trợ sinh viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có thái độ tận tình.

Kết quả phản hồi tích cực của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cho thấy bước đầu các nỗ lực của khoa đã được người học ghi nhận.

Kết quả việc làm của sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp của Khoa từng năm học:

STT	Năm học	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp (%)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo				
1	2018-2019	27	22	9	4	7	2	0	100	81.5
2	2019-2020	27	25	4	8	10	2	1	96.0	88.9
3	2020-2021	43	43	1	32	10	0	0	100	100
4	2021-2022	50	35	21	3	7	1	3	91.43	64.00

2. Điểm mạnh

Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được thực hiện đúng theo điều lệ trường đại học, bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ giáo dục và Đào tạo, của trường ĐHSP Hà Nội. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tổ chức thường xuyên, hoạt động ngoại khóa với nhiều

hình thức đa dạng, thu hút sinh viên tham gia, ngoài ra các hoạt động thi đua cũng được tổ chức thường niên, huy động được sự tích cực tham gia của đông đảo sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua đều có sự phối hợp linh hoạt, kịp thời, sát sao giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài khoa.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất của trường (sân bãi, nhà thi đấu ...) chưa đáp ứng được sự đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa của sinh viên. Hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cố vấn học tập, các trợ lý chưa diễn ra thành hệ thống và thường niên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Lên kế hoạch phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường để tổ chức các khóa tập huấn cho các cố vấn, các trợ lý của khoa để nâng cao trình độ nghiệp vụ của họ. - Ban chủ nhiệm khoa tích cực tìm các nguồn lực ngoài trường, quốc tế để có tài chính đầu tư cho các hoạt động của sinh viên. - Đề xuất với nhà trường những sáng kiến đa dạng hóa cơ sở vật chất của trường. 	Phòng tổ chức cán bộ Phòng đào tạo Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì và tăng cường kết nối giữa các thế hệ học viên, sinh viên, nghiên cứu sinh của khoa để hỗ trợ cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi ra trường - Mở rộng mạng lưới hợp tác, liên kết với các trường phổ thông để tăng cơ hội thực hành nghề nghiệp và cơ hội việc làm sau khi ra trường cho SV. 	Phòng đào tạo; P. CTCT-HSSV; Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều khu vực chức năng trên tổng diện tích lớn 263.346 m². Trường có nhiều hệ thống

cây xanh, ghế đá, hệ thống đường đi rộng, dễ dàng di chuyển và tiếp cận các toà nhà, giảng đường và các khu vực chức năng khác đã tạo nên môi trường thoải mái, thân thiện với người học [H8.08.05.01]. Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp sinh viên yên tâm học tập và nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học [H8.08.05.01].

Trường có hệ thống sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền và nhà thi đấu đa năng tiêu chuẩn, có thể phục vụ hầu hết nhu cầu tập luyện và thi đấu của sinh viên nằm trên diện tích 3.868m² [H8.08.05.01].

Khu Kí túc xá có hệ thống phòng ốc hiện đại, thoáng mát, với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², gồm 237 phòng ở với sức chứa 1145 sinh viên, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 sinh viên; được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, sinh viên được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.01].

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục.

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Hàng năm, sinh viên được thăm khám sức khỏe cơ bản định kì và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.02]. Sinh viên được cung cấp *Sổ tay sinh viên* và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.03]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/ an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.04].

Hàng năm, sinh viên ngành Tâm lý học được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của nhà trường đối với người học. Các khảo sát này được thực hiện vào mỗi cuối năm học do Trung tâm Đảm bảo chất lượng của nhà trường thực hiện thông qua các cố vấn học tập tại Khoa. Số liệu thống kê các năm học gần đây cho thấy 100% sinh viên khoa TLGD hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường và khoa [H8.08.05.05].

Tuy nhiên việc lấy ý kiến các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học chưa được đầy đủ.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất,

tin thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học chưa được đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan về môi trường Tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	Phòng Quản trị	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp	Cố vấn học tập, Liên chi đoàn	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8:

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được khoa TLGD thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn - Hội sinh viên, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực (tham gia câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên quốc tế, tham gia công tác tình nguyện...). Mặt khác, người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: Cơ sở vật chất của trường (sân bãi, nhà thi đấu ...) chưa đáp ứng được sự đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

Hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cô vấn học tập, các trợ lý chưa diễn ra thành hệ thống và thường niên.

Đánh giá tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5,0						

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Cơ sở vật chất được coi là điều kiện cần, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và học tập. Trường ĐHSPhN nói chung và Khoa TLGD nói riêng có hệ thống phòng học, phòng chức năng trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết; có hệ thống phòng thí nghiệm và thực hành với các thiết bị được đầu tư; có Trung tâm thông tin thư viện hiện đại; hệ thống công nghệ thông tin rộng khắp. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đầu tư hệ thống sân vận động, ký túc xá, Trạm Y tế nhằm phục vụ cho nhu cầu học tập, rèn luyện, sinh hoạt và sức khỏe của cán bộ và sinh viên. Vấn đề cảnh quan môi trường, an toàn, vệ sinh lao động cũng được nhà trường và khoa chú trọng, luôn được giữ gìn sạch sẽ, góp phần nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Tính đến 31/12/2019 hai cơ sở tại Hà Nội và Hà Nam, với 155.673 m² tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH Trường ĐHSPhN có đầy đủ hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng phù hợp phục vụ đào tạo và NCKH của người học [H9.09.01.01]. Nhà trường có các khu giảng đường rộng với hơn 200 phòng học và diện tích xây dựng hơn 36.000 m², có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, có thể đáp ứng quy mô đào tạo khoảng 11.722 SV và học viên. Với 100 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập và tổng diện tích xây dựng hơn 10.000 m² nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu thực hành, NCKH của cán bộ và SV [H9.09.01.06].

Kí túc xá trường ĐHSPHN gồm 5 dãy nhà cao tầng và 2 dãy cấp 4 với 320 phòng (trong đó 150 phòng được trang bị tivi truyền hình cáp), với công trình khép kín, điện nước đầy đủ, phục vụ học sinh, SV, học viên toàn trường. Với các tổ chức quản lý hợp lý, kí túc xá Trường ĐHSPHN thực sự là mái nhà chung ấm áp của SV trong suốt quá trình học tập. Sân vận động của Trường được đánh giá là một trong những sân vận động có quy mô và hiện đại nhất trong các trường ĐH trên cả nước. Không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo thể chất cho SV mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa - thể thao của Nhà trường [H9.09.01.07]. Trung tâm Thông tin Thư viện là một tòa nhà độc lập 4 tầng, có diện tích sử dụng khoảng 5.881m² và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ các phòng chức năng và trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp [H9.09.02.01]. Các phòng học, phòng chức năng có đầy đủ Cơ sở vật chất, trang thiết bị, và luôn được quản lý, theo dõi . Ngoài ra, Trường ĐHSPHN còn có nhà thi đấu, hội trường 11/10 và các hội trường với các quy mô khác nhau phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường. Hàng năm, nhà trường có kinh phí đầu tư cho CSVC, trang thiết bị, được mua mới, nâng cấp theo qui chế chi tiêu nội bộ [H9.09.01.12], kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí của Trường, và quyết định phân bổ dự toán cho mảng CSVC và trang thiết bị [H9.09.01.13], [H9.09.01.14]. CSVC, trang thiết bị được phòng KHCN của Trường mua sắm, bàn giao và quản lý .

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng của Khoa TLGD được bố trí tập trung chủ yếu tại nhà V, chủ yếu phục vụ cho các môn học chuyên ngành. Bên cạnh đó là một số các phòng thuộc các tòa nhà D3, nhà K và các giảng đường khác phục vụ cho các môn học khác như môn tin học và các môn thuộc nghiệp vụ sư phạm, phòng tham vấn tâm lý. Khoa có 3 phòng làm việc cho lãnh đạo Khoa, 1 phòng làm việc cho chuyên viên văn phòng Khoa, 1 phòng họp chung và thư viện, 5 phòng cho các Tổ Bộ môn, 1 phòng nghiệp vụ sư phạm. Các phòng làm việc của Khoa nhìn chung được trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, máy in, máy photo, tủ đựng tài liệu, bàn ghế, điều hòa, quạt trần... Phòng họp chung có sức chứa rộng, được tích hợp với phòng tư liệu khoa. Cụ thể: Phòng 606 có 1 máy tính, 1 máy in, 2 điều hòa, 2 quạt trần, 5 tủ văn phòng, 1 tủ 12 ngăn, 1 bàn họp, 1 bàn làm việc, 1 bàn máy tính, 25 ghế văn phòng, 2 ghế Xuân Hòa. Phòng 609 có wifi, 1 điều hòa, 1 quạt trần, 1 tủ 12 ngăn, 1 bàn họp, 10 ghế văn phòng, 4 ghế Xuân Hòa. Phòng 611 có 2 máy tính, 1 máy in, 1 wifi, 1 điều hòa, 1 quạt trần, 2 tủ văn phòng, 1 bàn làm việc, 1 bộ bàn ghế gỗ, 1 ghế Xuân Hòa. Phòng 613 có 1 máy tính, 1 máy in, 1 điều hòa, 1 quạt trần, 2 tủ văn phòng, 1 bàn họp, 1 bàn làm việc, 1 bàn máy tính, 1 bộ bàn ghế gỗ, 2 ghế xoay. Phòng 615 có 2 máy tính, 1 máy in, 1 điều hòa, 1 quạt trần, 2 tủ văn phòng, 1 tủ sắt 16 ngăn, 1 bàn họp, 1 bàn làm việc, 1 bàn máy tính, 2 ghế Xuân Hòa. Phòng 609 có 2 máy tính, 2 điều hòa, 2 quạt trần, 4 tủ văn phòng, 1 tủ

sắt 8 ngăn, 1 tủ sắt 12 ngăn, 4 tủ trung bày 2 ngăn, 2 tủ đứng 2 ngăn, 1 tủ tài liệu 3 ngăn, 8 bàn họp, 1 bàn họp, 8 ghế văn phòng, . Định kỳ Khoa tiến hành kiểm kê cụ thể và có sổ theo dõi tình trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các phòng học của khoa tại giảng đường nhà V [H9.09.01.02].

Các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng của khoa được trang bị đầy đủ hệ thống chiếu sáng, thông gió và an toàn [H9.09.01.06]. Mỗi tầng đều có hệ thống chữa cháy, có thang thoát hiểm.

Hàng năm, nhà trường luôn có kế hoạch chi tiết các hoạt động mua mới, cải tạo, sửa chữa cơ bản và trang thiết bị cho toàn trường nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc [H9.09.01.13]. Bên cạnh các kế hoạch chung của nhà trường, Khoa cũng có kế hoạch bổ sung cho cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các phòng làm việc và phòng chức năng, do trợ lý thiết bị phụ trách [H9.09.01.04].

Phản hồi của người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng được thể hiện trong báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên khoa TLGD”. Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy, sinh viên đánh giá tốt về hệ thống phòng học và phòng làm việc của khoa. Chẳng hạn, phòng 616 được 30.34% đánh giá rất tốt, 45.08% đánh giá tốt; phòng 612 được 13.56% đánh giá rất tốt, 51.69% đánh giá tốt. Các giảng viên cũng thể hiện sự hài lòng về hệ thống các phòng này. Kết quả được thể hiện trong Báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của giảng viên khoa TLGD” năm 2020,2021, 2022, 2023. Ví dụ, 50% giảng viên phòng 609 ở mức độ tốt, phòng 611 được 45.45% đánh giá tốt. Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường cũng đều tiến hành lấy ý kiến của người học về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phòng học, giảng đường của trường, kết quả đã nhận được sự đánh giá hài lòng cao về các nội dung này. Cụ thể, trong báo cáo Kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên **tốt nghiệp các năm 2021, 2022, 2023** Trường ĐHSPTH của Trung tâm Đảm bảo chất lượng có khảo sát về đánh giá của sinh viên về cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu đào tạo. Trong đó: đánh giá về phòng học đáp ứng các chuẩn mực tối thiểu: 51.1.% Tốt; 40.9% Khá; Hệ thống máy tính của trường đáp ứng tốt các yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của sinh viên: 43.6% Tốt; 42.0% Khá; cơ sở vật chất của trường đã hỗ trợ đắc lực cho sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ học tập: 43.4% Tốt; 44.9% Khá; cơ sở vật chất/trang thiết bị của trường đáp ứng các yêu cầu thực hành của ngành học: 47.5% Tốt; 41.8% .

2. Điểm mạnh

Nhà trường cung cấp đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp. Công tác khảo sát đánh giá luôn được tiến hành hàng năm tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và

sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Máy tính tại các phòng chức năng còn chạy chậm, ổ cứng của một số máy tính dung lượng lưu trữ còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường máy tính tốt hơn khi cần thiết.	Trợ lý thiết bị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	-Sử dụng hợp lý khoa học các phòng học và phòng chức năng theo kế hoạch của nhà trường- thường xuyên theo dõi tình trạng trang thiết bị trong khoa, định kỳ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị, CSVC bị hỏng, hao mòn để đáp ứng tốt các hoạt động dạy và học của khoa	Khoa TLGD Trợ lý thiết bị của khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhằm phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, cán bộ và sinh viên của Khoa sử dụng Trung tâm thông tin thư viện trường và phòng tư liệu khoa. Trung tâm thông tin thư viện là một tòa nhà 4 tầng với hơn 5.881 m² sử dụng với đầy đủ các phòng chuyên môn như Phòng Mượn, Phòng Đọc, Phòng Tin học, Phòng Chuyên môn [H9.09.02.01].

Trung tâm hiện tại có 06 phòng đọc với 1400 chỗ ngồi; quản lý 105.650 đầu tài liệu với gần 300.000 bản in ấn; cơ sở dữ liệu điện tử với 106.979 biểu ghi thư mục, 5700

luận án, luận văn được số hóa trên phần mềm Dspace, 140 băng cassette, 85 băng video, 7.350 đĩa CD, phần mềm học tiếng Anh, cơ sở dữ liệu tạp chí Việt, cơ sở dữ liệu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước Việt Nam. Trung tâm thông tin thư viện có kết nối với các thư viện điện tử khác như Thư viện Quốc gia Việt Nam; Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhà trường cũng đầu tư Hợp đồng mua thẻ bạn đọc đặc biệt theo đề nghị của Trung tâm Thông tin Thư viện trường nhằm tăng cường nguồn tài liệu, thúc đẩy công tác phục vụ bạn đọc hiệu quả hơn [H9.09.02.06].

Trung tâm thông tin thư viện có nội quy, yêu cầu khi mượn tài liệu tại các phòng chức năng riêng biệt [H9.09.02.03]. Đồng thời, TT TT-TV được trang bị các phần mềm, hướng dẫn cách thức tra cứu tài liệu theo cả 3 cách: mục lục truyền thống; cơ sở dữ liệu và thư mục thông báo sách mới [H9.09.02.06]. Với nhu cầu đa dạng về tra cứu của người đọc, Trung tâm thông tin thư viện trường có website để tra cứu tài liệu online và kết nối với các nguồn tư liệu ở các thư viện khác trong và ngoài nước [H9.09.02.07]. Các thông báo hướng dẫn chi tiết những thay đổi được đưa ra hàng năm để hướng dẫn sinh viên nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của người học.

Khoa TLGD cũng bố trí phòng tư liệu tại Khoa để phục vụ sinh viên tra cứu thêm các tài liệu chuyên ngành. Hiện tại, phòng tư liệu khoa có gần 600 giáo trình và tài liệu tham khảo theo chương trình đào tạo [H9.09.02.04]. Khoa cũng lưu trữ các luận án, luận văn và khóa luận tốt nghiệp để sinh viên tham khảo tại phòng tư liệu khoa. Cụ thể, trong 5 năm (2019-2024) phòng tư liệu khoa được bổ sung 20 luận án, 300 luận văn và 304 khóa luận tốt nghiệp [H9.09.02.02]. Hệ thống các luận văn, luận án đều được lưu trữ cả trên trung tâm thông tin thư viện (bản mềm và bản cứng) để thuận tiện cho người đọc tham khảo. Danh mục các giáo trình được thống kê dựa vào đề cương chi tiết môn học, học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên ngành TLH của khoa cũng có thể tiếp cận nguồn tài liệu này trên trung tâm thông tin thư viện trường.

Hiện tại trung tâm thông tin thư viện đang sử dụng phần mềm Libol 8.0 để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ của trung tâm. Đồng thời, phần mềm cũng giúp trung tâm thông tin thư viện xây dựng được hệ thống theo dõi sử dụng tài liệu của bạn đọc, thông qua các phân hệ quản lý như opac, phân hệ mượn trả... [H9.09.02.03]. Số lượng truy cập, mượn trả của sinh viên tại phòng tư liệu khoa hàng năm được thống kê [H9.09.02.07]:

Bảng 1. Số lượng truy cập phòng tư liệu khoa

Lớp	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
K70 (73SV)	30		70	70
K71 (129SV)	51	42		62
K72 (120SV)	41	35	40	
K73 (147SV)	47	48	37	45
Tổng	169	125	147	177

Phòng tư liệu của Khoa cũng có sổ theo dõi mượn trả của phòng tư liệu khoa của người đọc hàng năm.

Hàng năm, Trung tâm thông tin thư viện Trường cũng đầu tư kinh phí để bổ sung các nguồn tư liệu như sách, tạp chí, báo tờ, Tài nguyên số; Luận văn, Luận án và các đề tài nghiên cứu khoa học. Cụ thể, năm 2019 là 394.216.964đ; năm 2020 là 349.557.500đ; năm 2021 là 242.527.000đ; năm 2022 là 351.596.232đ, năm 2023 là 362.232.532đ. Đặc biệt trung tâm thông tin thư viện còn được đầu tư trang bị phần mềm chống đạo văn Turnitin với trị giá hợp đồng là 93.500.000đ, giúp trung tâm và nhà trường quản lý và nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học. Khoa cũng đề xuất các kế hoạch, một số khoản đầu tư cho phòng tư liệu như mua tài liệu phân hạng giáo viên, vận chuyển tủ sách, tài liệu, rèm (1.350.000đ) [H9.09.02.05].

Trung tâm thông tin thư viện trường cũng điều tra lấy thông tin phản hồi của người đọc và báo cáo tổng kết theo định kỳ hàng năm và tập trung khảo sát về một số nội dung như: thời gian sử dụng và mục đích sử dụng của thư viện; các phương thức tra cứu; hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo; các dịch vụ và sản phẩm của TT TT Thư viện hiện có. Chẳng hạn, kết quả khảo sát năm 2022, 2023 trên 25 cán bộ, 27 giảng viên, 300 sinh viên và 50 học viên cao học, nghiên cứu sinh cho thấy: Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu: 38% Tốt; 55% Khá; 7% Trung bình; Về mức độ đầy đủ của tư liệu: 56% Tốt; 35% Khá; 9% Trung bình; Về thái độ, tinh thần phục vụ của cán bộ: 85% Tốt; 17% Khá; 3% Trung bình [H9.09.02.16]. Khoa TLGD cũng đã tiến hành khảo sát về phòng tư liệu khoa. Phản hồi của người học về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của phòng tư liệu Khoa được thể hiện trong phần 2.2 của báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên khoa TLGD”. Kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021, 2022, trên 300 sinh viên cho thấy, các vấn đề như hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo, khóa luận, luận văn các khóa, chỗ ngồi, trang thiết bị, danh mục tra cứu, thời gian sử dụng hay chất lượng phục vụ đều được sinh viên đánh giá tốt. Chẳng hạn, về

giáo trình: 22.03% Rất tốt, 61.86% Tốt; về khóa luận, luận văn: 27.12% Rất tốt, 56.78% Tốt; về thiết bị, danh mục tra cứu: 19.49% rất tốt, 61.02% tốt; về chất lượng phục vụ: 19.49% Rất tốt, 62.71% Tốt [H9.09.01.06]. Kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 trên 27 giảng viên của khoa cho thấy, các giảng viên đánh giá phòng tư liệu Khoa chủ yếu ở mức độ Tốt. Cụ thể, về giáo trình (68.18%); về tài liệu tham khảo (59.09%); về bàn ghế, chỗ ngồi (68.18%); về chất lượng phục vụ (63.64%).

2. Điểm mạnh

Trung tâm thông tin thư viện trường và Phòng tư liệu khoa có nguồn tài liệu đa dạng, phù hợp và thường xuyên được cập nhật các tài liệu tham khảo cả bản cứng và bản mềm nhằm giúp cho việc tra cứu và khai thác tài liệu của cán bộ và sinh viên được hiệu quả. Các tài liệu chuyên ngành của khoa cũng được đưa lên hệ thống chung của trường nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu đa dạng của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Phòng tư liệu khoa chưa có hệ thống danh mục và tra cứu online.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết lập tài liệu tham khảo và tra cứu online	- Ban Chủ nhiệm khoa - Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu	Năm học 2024 - 2025	Phối hợp với trung tâm thông tin thư viện trường
2	Phát huy điểm mạnh	- Trung tâm thông tin thư viện trường thường xuyên bổ sung, cập nhật các tài liệu phục vụ công tác đào tạo - Tiếp tục thống kê danh mục khóa luận, luận văn theo các chuyên ngành hẹp của Khoa	Trung tâm thông tin thư viện- Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu - Trợ lý học tập và trợ lý sau đại học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập

nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Với đặc thù cả 2 chuyên ngành đào tạo của Khoa, Khoa không trang bị phòng thí nghiệm. Nhà trường và Khoa cũng trang bị một số thiết bị và đồ dùng cần thiết phục vụ cho việc thực hành của sinh viên. Với phòng thực hành, Khoa tích hợp cùng với các phòng học của nhà trường theo yêu cầu của một số bộ môn đặc thù. Các giáo viên giảng dạy các môn học này cũng phụ trách luôn phần thực hành cho sinh viên. Các môn học khác, sinh viên thực hành tại các trường phổ thông, cao đẳng đại học [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Vị trí của các phòng này được bố trí tại nhà V.

Để thuận tiện trong việc sử dụng các phòng thực hành, tại các phòng này đều có quy định và hướng dẫn cụ thể Các trang thiết bị phòng thực hành trong trường được cập nhật, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Khoa cũng tiến hành theo dõi, kiểm tra và quản lý các trang thiết bị của các phòng này. Kết quả được thể hiện trong Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định của nhà trường

Khoa đã phân công trợ lý thiết bị (từ năm 2017- 2024) và nay là trợ lý cơ sở vật chất phối hợp với các giảng viên các bộ môn thực hành quản lý các phòng thực hành. Hồ sơ theo dõi hoạt động của các phòng này do trợ lý thiết bị phụ trách, quản lý theo thời khóa biểu các kì trong năm học

Phản hồi của người học về các phòng thực hành của Khoa được thể hiện trong phần 2.3 của báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên khoa TLGD”. Kết quả khảo sát năm 2023 trên 245 sinh viên cho thấy, các phản hồi của sinh viên về các tiêu chí như số lượng phòng, số lượng trang thiết bị, chất lượng trang thiết bị hay về cán bộ phụ trách được đánh giá ở mức độ tốt]. Cụ thể:

Bảng 2. Phản hồi của người học về phòng thực hành của Khoa

Phòng	Tiêu chí	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Bình thường		Chưa tốt		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Phòng Nghiệp vụ sư phạm	Số lượng phòng	21	17.80	69	58.47	28	23.73	0	0.00	0	0
	Số lượng trang thiết bị	21	17.80	71	60.17	24	20.34	2	1.69	0	0
	Chất lượng trang thiết bị	24	20.34	63	53.39	29	24.58	2	1.69	0	0

	bị										
	Cán bộ phụ trách	29	24.58	67	56.78	22	18.64	0	0.00	0	0
	Mức độ đáp ứng việc học tập và nghiên cứu	26	22.03	64	54.24	28	23.73	0	0.00	0	0
Phòng Thực hành tâm lý học trường học	Số lượng phòng	19	16.10	70	59.32	28	23.73	1	0.85	0	0
	Số lượng trang thiết bị	18	15.25	72	61.02	26	22.03	2	1.69	0	0
	Chất lượng trang thiết bị	24	20.34	63	53.39	29	24.58	2	1.69	0	0
	Cán bộ phụ trách	18	15.25	78	66.10	22	18.64	0	0.00	0	0
	Mức độ đáp ứng việc học tập và nghiên cứu	21	17.80	71	60.17	25	21.19	1	0.85	0	0

Kết quả khảo sát năm 2023 trên 22 giảng viên cho thấy, các giảng viên cũng có phản hồi tích cực về hệ thống các phòng thực hành này. Chẳng hạn, 86.4% đánh giá chất lượng các phòng thực hành ở mức độ Tốt

2. Điểm mạnh

Các cán bộ phụ trách đều là giảng viên bộ môn nên theo sát được lịch học và thực hành của sinh viên cũng như nắm được tình hình cơ sở vật chất để có những cập nhật kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Thiết kế một số phòng thực hành chưa thuận tiện, hợp lý để áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lựa chọn một số bàn ghế có kích thước phù hợp hơn.	- Các đơn vị có phòng thực hành - Trợ lý Thực hành thực tập và Nghiệp vụ sư phạm	Năm học 2024 – 2025

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, quản lý và lập kế hoạch bổ sung, sửa chữa trang thiết bị thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị có phòng thực hành, thí nghiệm - Giáo viên bộ môn - Trợ lí Thực hành thực tập và Nghiệp vụ sư phạm 	Năm học 2024 - 2025
---	--------------------	---	---	---------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin với chức năng quản lý hệ thống mạng máy tính chung toàn trường; quản lý hệ thống thông tin; tư vấn và hỗ trợ thông tin; nghiên cứu công nghệ và đào tạo. Trung tâm có cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên – kỹ sư phụ trách, được cập nhật cụ thể trên website của trung tâm. Hệ thống Công nghệ thông tin của Trường ĐHSPHN được đầu tư đồng bộ và hiện đại [H9.09.04.01].

Hiện nay, Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc xá nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến, hệ thống mạng internet, wifi được phủ khắp toàn trường, mỗi cán bộ, sinh viên đều có tài khoản riêng để truy cập mạng. Cụ thể, khoa có 7 (node) hệ thống mạng internet, 3 bộ phát wifi, 34 tài khoản cán bộ và 39 tài khoản cho sinh viên tại nhà V [H9.09.04.04]. Nhà trường có cổng thông tin điện tử hoạt động hiệu quả, nội dung phong phú và cập nhật đầy đủ mọi hoạt động của nhà trường.

Khoa TLGD cũng có trang thông tin điện tử riêng và khoa chú trọng vào công tác truyền thông, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thông qua cổng thông tin điện tử của khoa. Để thuận tiện trong công tác quản lý và sử dụng cổng thông tin điện tử và dịch vụ mạng, Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử cũng như Quy chế hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin một cách nhanh chóng và thuận lợi [H9.09.04.05].

Để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong toàn trường, nhà trường

đã đầu tư và đưa vào sử dụng những phần mềm như: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm hỗ trợ trong công tác đào tạo sau đại học, công tác thông tin khoa học công nghệ,... Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, nhà trường cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học trực tuyến, người học có thể học online qua hệ thống học trực tuyến của trường tại địa chỉ: <http://cst.hnue.edu.vn> và fitel.hnue.edu.vn. Cũng qua hệ thống học trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ các tỉnh và đào tạo trực tuyến cho sinh viên trong trường cũng như tổ chức lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến cho cán bộ.

Năm 2019, Trường xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ Chương trình ETEP tại trường ĐHSPHN” nhằm phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; tăng cường năng lực dạy học trực tuyến cho trường; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành ổn định, an toàn và bảo mật; đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục [H9.09.04.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường rất chú trọng công tác mua sắm, duy tu, sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin thông qua các hợp đồng kinh tế và đơn đề nghị lắp đặt, sửa chữa. Cụ thể, năm 2020 là năm 2023 là 72103900đ, năm 2021 là 113869400đ, năm 2019 là 152174280đ, [H9.09.04.04]. Hệ thống máy tính được theo dõi và sửa chữa thường xuyên nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập và làm việc. Cùng với hệ thống công nghệ thông tin của trường, Khoa cũng có một số đề xuất và kế hoạch cho việc sửa chữa và đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin của mình như cài đặt cho các máy tính, diệt virus để phục vụ cho cán bộ của khoa.

Phản hồi của giảng viên và người học về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin của Khoa được thể hiện trong báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên khoa TLGD” hàng năm (2020 – 2023) và Báo cáo “Kết quả đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của giảng viên khoa TLGD” năm 2022. Chẳng hạn, kết quả khảo sát trên 22 giảng viên năm 2020, 2021, 2022, 2023 cho thấy, mức độ tốt ở phòng máy tính là 22.73%, wifi là 18.18%; mức độ bình thường ở phòng máy tính là 45.46%, wifi là 31.82%. Kết quả khảo sát phản hồi của 118 sinh viên năm 2020 cho thấy: Phòng máy được đánh giá rất tốt (16.10%) và tốt (55.08%). Trang thông tin điện tử cũng được đánh giá ở mức độ rất tốt và tốt lần lượt là 14.41% và 53.39%

[H9.09.01.03].

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, hiện đại để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đầu tư cho hệ thống này, phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo trực tuyến.

3. Tồn tại

Tốc độ wifi chung của trường vẫn còn chậm, có lúc, có khi chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kiểm tra thường xuyên tín hiệu đường truyền và thay mới khi cần thiết	TT CNTT Trợ lý thiết bị của khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng online - Nâng cao kỹ năng soạn bài giảng trực tuyến	Trường ĐHSPTHN TS. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Chủ nhiệm khoa	2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường ĐHSPTHN nói chung và Khoa TLGD nói riêng đều dựa trên các văn bản/chính sách quy định và các hướng dẫn về môi trường, an toàn, sức khỏe trong cơ sở giáo dục của các Bộ/Ngành liên quan. Trong đó bao gồm Nghị định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường của Chính phủ; Luật an toàn, vệ sinh lao động của Quốc hội; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2020 và Quyết định ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông của Bộ GD&ĐT [H9.09.05.01]. Đặc biệt, nhà trường còn ban hành quyết định và đề ra các quy định cụ thể về an toàn vệ sinh lao động tại tất cả các khu vực trong trường học [H9.09.05.02].

Nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về môi trường, an toàn, sức khỏe trong cơ sở

giáo dục, Nhà trường đã thành lập Ban An toàn - Vệ sinh lao động. Các hoạt động về an toàn vệ sinh đều được ban giám sát và có báo cáo kết quả làm việc kịp thời [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Nhà trường cũng đã thành lập Phòng Bảo vệ và đáp ứng các yêu cầu kiểm tra công tác bảo vệ hàng năm, Công tác đảm bảo an ninh được phòng bảo vệ đảm bảo 24/24 nhằm đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trong trường.

Về công tác phòng cháy và chữa cháy, Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở. Nhà trường cũng chú trọng công tác này với việc lên kế hoạch thực tập, tập huấn phương án phòng cháy chữa cháy cũng như cấp giấy chứng nhận cho các cán bộ tham gia. Bên cạnh đó, nhà trường luôn đáp ứng kiểm tra định kì về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Các công trình mới được đầu tư xây dựng trong khoảng thời gian gần đây đều được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy bởi Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đặc biệt, tại giảng đường nhà K và hội trường 11.10, nhà trường đã chú trọng các lối đi dành riêng cho người khuyết tật nhằm hỗ trợ tốt nhất những đặc thù riêng của người khuyết tật.

Về công tác môi trường, vệ sinh lao động, nhà trường đã ban hành các kế hoạch tập huấn về giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong trường học hay triển khai các hoạt động nhân Tháng công nhân và tháng Hành động về An toàn, vệ sinh lao động. Nhà trường có báo cáo công tác vệ sinh trường học và đáp ứng các cuộc kiểm tra giám sát vệ sinh trường học; an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh.

Nhà trường cũng kí hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng năm với Công ty cổ phần Nhà Xanh để đảm bảo các phòng học, phòng làm việc, các tòa nhà luôn được vệ sinh sạch sẽ hàng ngày. Tuy nhiên, một số phòng học được sử dụng liên tục, và được sử dụng chung giữa các khoa nên công tác vệ sinh chưa được đáp ứng kịp thời.

Môi trường an toàn, đảm bảo vệ sinh cũng được thể hiện thông qua việc Nhà trường đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, các chỉ tiêu thử nghiệm của hệ thống nước ăn uống của trường đều đạt yêu cầu so với quy định.

Nhằm đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, Nhà trường thành lập Trạm Y tế. Trạm Y tế được quy định rõ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn, trong đó có sự phân công công việc và lịch làm việc cụ thể.

Hàng năm, Nhà trường đều tăng cường tập huấn cho cán bộ y tế trường và ban hành các công văn chỉ đạo trong các công tác phòng chống dịch bệnh như phòng chống dịch sốt xuất huyết, sởi- Rubella.

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến sức khỏe của cán bộ giảng viên và sinh viên thông qua việc tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm.

Hàng năm, Khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và giảng viên về môi trường, sức khỏe, an toàn. Kết quả khảo sát sinh viên năm 2022 cho thấy, trong 3 vấn đề khảo sát, môi trường lớp học và giảng đường được đánh giá ở mức độ rất tốt (22.88%), tốt (53.39%); tính an toàn của giảng đường được đánh giá rất tốt (29.66%), tốt (55.08%); các hoạt động kiểm tra, đảm bảo sức khỏe ở mức rất tốt và tốt lần lượt là 21.19% và 57.63%..

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Không chỉ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Bộ/ngành liên quan mà Nhà trường còn xây dựng thêm các tiêu chí cụ thể cho các khu vực trong trường, đáp ứng đầy đủ các công tác kiểm tra. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tham gia tập huấn, tổ chức định kỳ các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn.

3. Điểm tồn tại

Công tác đảm bảo vệ sinh một số phòng học chưa được kịp thời và nhanh chóng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị tăng cường công tác vệ sinh tại các phòng học chung - Chủ động tham gia dọn vệ sinh các khu vực, phòng học 	Khoa TLGD Liên chi đoàn khoa phân công sinh viên các lớp thực hiện	Năm học 2024 -2025 Hàng tuần	Lưu ý phân công theo sát thời khóa biểu
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện giám sát đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn trong toàn trường. - Tiếp tục tham gia 	Cán bộ và sinh viên của Khoa	Theo thông báo hàng năm của Trường	

		các lớp tập huấn về đảm bảo công tác an ninh trường học			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhà trường cung cấp đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp. Các phòng học liên quan tới các học phần đặc thù như phòng múa, phòng tin học được bố trí tại các giảng đường khác nhau, được thiết kế hợp lý với yêu cầu của bộ môn. Công tác sửa chữa, mua mới luôn được cập nhật hàng năm tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trung tâm thông tin thư viện trường và Phòng tư liệu khoa có nguồn tài liệu đa dạng, phù hợp và thường xuyên được cập nhật các tài liệu tham khảo cả bản cứng và bản mềm nhằm giúp cho việc tra cứu và khai thác tài liệu của cán bộ và sinh viên được hiệu quả. Các tài liệu chuyên ngành của khoa cũng được đưa lên hệ thống chung của trường nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu đa dạng của sinh viên.

Các cán bộ phụ trách đều là giảng viên bộ môn nên theo sát được lịch học và thực hành của sinh viên cũng như nắm được tình hình cơ sở vật chất để có những cập nhật kịp thời. Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, hiện đại để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đầu tư cho hệ thống này, phục vụ kịp thời cho chủ trương dạy học kết hợp trực tiếp và online. Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Không chỉ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Bộ/ngành liên quan mà Nhà trường còn xây dựng thêm các tiêu chí cụ thể cho các khu vực trong trường, đáp ứng đầy đủ các công tác kiểm tra. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tham gia tập huấn, tổ chức định kì các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn.

Tuy nhiên, một số máy chiếu còn mờ, không nét; Phòng tư liệu khoa chưa có hệ thống danh mục và tra cứu online; Thiết kế một số phòng thực hành chưa thuận tiện, hợp lý để áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại; Tốc độ wifi chung của trường vẫn còn chậm, có lúc, có khi chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng; Một số phòng học công tác đảm bảo vệ sinh chưa được kịp thời và nhanh chóng

Đánh giá tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn 9	Thang đánh giá
---------------------	-----------------------

	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.1				4			
Tiêu chí 9.2					5		
Tiêu chí 9.3				4			
Tiêu chí 9.4				4			
Tiêu chí 9.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4,4						

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối để thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan (cựu sv, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động...) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường trong công tác ĐBCL [H10.10.01.01].

Năm 2021, TT ĐBCL ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở tham mưu cho ban giám hiệu trong hoạt động đảm bảo chất lượng Nhà trường [H10.10.01.02]

Hàng năm (từ 2020 đến 2024) , Khoa TLGD và Trung tâm Đảm bảo chất lượng thực hiện lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần cuối mỗi kỳ, lấy ý kiến của nhà khoa học chuyên môn, GV, nhà tuyển dụng thông, cựu sinh viên về CTĐT, lấy ý kiến của SV năm cuối về chất lượng khóa/ngành đào tạo, lấy ý kiến của người học đối với đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Năm 2020, 2021, Phòng Công tác HSSV tổ chức tọa đàm với sinh viên để thu thập ý kiến của SV về hoạt động dạy và học. làm căn cứ để điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.01.08].

Năm 2019, Khoa tổ chức thẩm định chương trình đào tạo ngành Tâm lý học [H10.10.01.09] để lấy ý kiến chuyên gia, làm cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo cho năm học tiếp theo [H10.10.01.10].

Năm 2020, Khoa kết hợp với TTĐBCL tiếp tục tổ chức lấy ý kiến thu thập thông tin của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để lấy thông tin, làm căn cứ thực tiễn để điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.01.11], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]; [H10.10.01.14], [H10.10.01.15].

Năm 2019, Khoa tổ chức xin ý kiến các bên liên quan về CĐR của chương trình đào tạo ngành TLH [H10.10.01.16]

Năm 2020 và năm 2022, căn cứ vào ý kiến về Chuẩn đầu ra, Khoa điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Tâm lý học và được Trường ĐHSP HN ra quyết định [H10.10.01.17]

Các buổi tổng kết kiến tập, thực tập tại các cơ sở thực hành hàng năm là buổi trao đổi giữa giáo viên hướng dẫn thực hành và sinh viên với BCNK về công tác tổ chức, nội dung thực tập, những thắc mắc của sinh viên về sự khác biệt và những điều chưa được học khi tiếp cận với thực tiễn [H10.10.01.18].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý). Đó là những căn cứ đã được sử dụng để làm cơ sở phát triển chương trình đào tạo ngành TLH

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát lại chương trình ĐT sau 02 lần điều chỉnh	Khoa TLGD	Đã thực hiện 7/2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

CTĐT cử nhân TLH theo học chế tín chỉ được thiết kế căn cứ vào vào CĐR và theo một quy trình chặt chẽ từ khâu thiết kế cho đến phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình gắn liền với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và nhiệm vụ được giao và đảm bảo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01].

Khoa cũng đã chủ động rà soát CTDH thường xuyên 2 năm 1 lần dựa trên ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế và kết quả ý kiến góp ý của các bên liên quan và những điều

chỉnh của CTDH.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Khoa đã khá bám sát các bước theo quy trình hướng dẫn của Bộ [H10.10.02.02]. Tuy nhiên, theo hướng dẫn năm 2019 thì quy trình xây dựng CTĐT đã được thiết kế theo 8 bước, quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT được thực hiện ít nhất 2 năm 1 lần và bao gồm 5 bước. Đồng thời quy trình thiết kế và phát triển CTDH cũng được ban hành bao gồm 8 bước, trong đó yêu cầu cần phải xác định mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung và phương thức đào tạo, các hình thức kiểm tra đánh giá người học [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], để từ đó xây dựng chuẩn đầu ra ngành TLH [H10.10.02.05].

Khoa đã thực hiện rà soát chương trình đào tạo [H10.10.02.06] theo hướng lược bớt một số học phần không còn phù hợp, tích hợp các học phần có nội dung liên quan để giảm bớt hoặc lược bỏ một số học phần, thay đổi dạy học phần tự chọn theo yêu cầu thực tế, bổ sung những học phần theo nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng và có tờ trình đề nghị chỉnh sửa chương trình đào tạo [H10.10.02.07]. Trên cơ sở công văn rà soát chương trình đào tạo ngành TLH của Trường [H10.10.02.08], Khoa đã điều chỉnh chương trình đào tạo ngành TLH [H10.10.02.09], [H10.10.02.10], [H10.10.02.11], [H10.10.02.12].

Bảng 10.2.1. Ý kiến góp ý và những điều chỉnh trong CTDH

Năm	Ý kiến góp ý của các bên liên quan	Hoạt động điều chỉnh CTDH
2020	- Ở mỗi học phần của chương trình TLH nên gắn nhiều hơn với thực tiễn GD trong nhà trường PT	Nội dung các học phần đều bổ sung những kiến thức liên quan đến các vấn đề đổi mới và phát triển năng lực chuyên môn
	Nên tăng thời lượng thực hành ở một số học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên môn của ngành	Đã điều chỉnh phần lý thuyết và thực hành ở một số môn TLH trường học,
2022	Cần cập nhật tài liệu học tập và tài liệu tham khảo ở mỗi học phần.	Đã cập nhật tài liệu học tập và tài liệu tham khảo ở mỗi học phần.
	Cần đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên	Đã điều chỉnh bổ sung thêm một số phương pháp giảng dạy ở một số học phần Đã điều chỉnh, bổ sung thêm một số phương pháp kiểm tra đánh giá ở một số học phần, như phương pháp kiểm tra

	bài tập lớn, dự án, truyền thông ...
--	--------------------------------------

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Năm 2020, Khoa đã chủ động thực hiện thiết kế quy trình từ việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTDH, các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đồng đẳng của các chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của nhà tuyển dụng trong xây dựng thiết kế và cải tiến CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mời các chuyên gia TLH, GDH ở các trường đại học tiên tiến, các bên liên quan khác trong nước và ngoài nước đánh giá và cho ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa TLGD	Từ năm học 2019 – 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy ý kiến đóng góp và sự tham gia của toàn thể giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên ... thực hiện những điều chỉnh CTDH của từng học phần và của cả chương trình đào tạo ngành TLH	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2020 – 2021 đến 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá quá trình dạy học các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành TLH theo quy định [H10.10.03.01], [H10.10.03.02].

Khoa đã rà soát và ban hành văn bản quy định về hoạt động dự giờ, đánh giá giờ giảng của giảng viên trong khoa để các giảng viên có thể học hỏi, tự đánh giá về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu mục tiêu chương trình môn học [H10.10.03.03], [H10.10.03.04].

Khoa và công đoàn khoa phát động phong trào dự giờ, từ đó các tổ bộ môn đều lập kế hoạch phân công giảng viên tham gia dự giờ và họp đánh giá về hoạt động dạy học của giảng viên trong tổ bộ môn *nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV* [H10.10.03.05], [H10.10.03.06], [H10.10.03.07] so với đề cương chi tiết các học phần [H10.10.03.08], [H10.10.03.09].

Mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL của trường đều phối hợp cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.10], [H10.10.03.11]. Đây cũng là một kênh thông tin góp phần đánh giá hiệu quả giảng dạy, xếp loại cán bộ hàng năm, bình bầu thi đua khen thưởng các cấp [H10.10.03.12], [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.15], [H10.10.03.16].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. GV đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT hướng tới đạt CĐR. Kết quả học tập của SV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khoá, thực hành, khóa luận tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp hướng tới đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá kiểm tra các môn học chưa lấy ý kiến sâu rộng từ phía các giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hoá trong việc đánh giá quá trình dạy học của các giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ, trao đổi chuyên môn trong tổ, lấy ý	Giảng viên Khoa TLGD	Thực hiện năm 2021, 2022, 2023	

		kiến của đồng nghiệp trong Khoa....			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Thực hiện điều chỉnh định kỳ các phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đáp ứng yêu cầu CDR.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2021 đến 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Đối với GV, NCKH là nhiệm vụ được quy định đối với giảng viên [H10.10.04.01] và Trường có các hình thức hỗ trợ động viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời [H10.10.04.02], [H10.10.04.03]. Từ năm 2020 đến nay, các giảng viên Khoa TLGD liên tục là chủ nhiệm đề tài cấp Bộ Trường, cấp Bộ, đề tài NAFOSTED... [H10.10.04.04].

Những đề tài NCKH của Khoa đều có mối liên quan với dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Khoa [H10.10.04.05].

Những tài liệu này là tâm huyết của các Giảng viên của Khoa TLGD, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chĩn chu về mặt chất lượng, dựa trên nhu cầu cũng như trình độ thực tế của SV và nhu cầu của nhà tuyển dụng, phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa [H10.10.04.06]. Bên cạnh đó, các giảng viên trong khoa đã tích cực tham gia viết bài cho các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy để phục vụ cho quá trình dạy và học của Khoa [H10.10.04.07]

Khoa TLGD được sự hỗ trợ của Nhà trường và phối hợp với các ban ngành đã thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và trong nước; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H10.10.04.08].

Hội nghị SV NCKH của sinh viên cũng được triển khai định kỳ hằng năm [H10.10.04.09]. SV tham gia NCKH được vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành và được cộng điểm vào môn học chuyên ngành nếu điểm NCKH đạt loại giỏi trở lên. Những báo cáo khoa học của SV đã giúp SV hiểu và tăng khả năng và trau dồi

năng lực nghiên cứu, biết vận dụng những kiến thức và thực tiễn [H10.10.04.10], [H10.10.04.11]

Như vậy, các sản phẩm, công trình NCKH của Khoa đã được ứng dụng vào trong quá trình dạy và học, các kết quả NCKH đã góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV, giúp gắn lý thuyết với thực hành, đồng thời những sản phẩm đó cũng góp phần nâng cao hoạt động học của người học.

2. Điểm mạnh

GV, SV tích cực tham gia NCKH, các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng, kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

3. Điểm tồn tại

Những đề tài NCKH về đánh giá, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá và phương pháp dạy học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các giảng viên tích cực tham gia NCKH và công bố các kết quả NCKH qua các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, cũng như hội thảo khoa học trong nước và quốc tế liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học.	Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Các giảng viên tiếp tục tích cực, chủ động trong tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường và liên kết với các tỉnh thành; Các sản phẩm NCKH phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa.	Toàn thể giảng viên	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và NCKH vì vậy Nhà trường luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Năm 2018, TT ĐBCL Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua chức năng, nhiệm vụ của TT ĐBCL [H10.10.05.01].

Hoạt động của thư viện: Nhà trường có một trung tâm thư viện khá lớn cho cán bộ và SV toàn trường [H10.10.05.02]. Các tài liệu và học liệu trong thư viện được cập nhật và mua bổ sung hàng năm để phục vụ nhu cầu của bạn đọc [H10.10.05.03]. Thư viện nhà trường cũng đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện, thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV; Thực hiện kiểm kê, đánh giá chất lượng của thư viện [H10.10.05.04], [H10.10.05.05]. Trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá, thư viện tiến hành mua sắm, bổ sung các thiết bị để cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, như bổ sung sách, báo, mua bán các phần mềm điện tử ... [H10.10.05.06]. Ngoài việc sử dụng thư viện chung của trường, tại các bộ môn trong Khoa có phòng tư liệu của bộ môn lưu trữ các sách, khoá luận, luận văn tốt nghiệp cho các SV có thể mượn đọc tham khảo và nghiên cứu dưới dạng bản cứng [H10.10.05.06].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản về quy chế, quy định và quy trình, chẳng hạn như quy trình quản lý tài khoản Internet dành cho sinh viên [H10.10.05.07], quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường đảm bảo có sự hỗ trợ, đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng máy tính, mạng của các đơn vị, giảng viên và người học [H10.10.05.08], quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSPHN có ban biên tập và quản trị viên hệ thống để quảng bá hình ảnh của Trường và cung cấp thông tin cũng như tiếp nhận mọi ý kiến đóng góp và trao đổi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.09]. Ngày 24/10/2019, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ

thông tin trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSHPN” với mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của Trường ĐHSHPN [H10.10.05.10].

Trong thời gian gần đây, dưới sự chỉ đạo của nhà trường và khoa TLGD, 100% giảng viên đang giảng dạy trong Khoa đáp ứng dụng các phần mềm vào giảng dạy trực tuyến cho sinh viên trong khoa, như phần mềm Fitel, hay Freeconference [H10.10.05.11]. Kết quả mang lại rất tích cực và hiệu quả. Trong quá trình dạy học, GV thường xuyên cho SV làm các bài tập nghiên cứu, bài tập nhóm và yêu cầu SV sử dụng mạng Internet để tìm kiếm thu thập thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên hệ thống mạng Internet đôi lúc còn chậm gây khó khăn cho việc truy cập. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành TLH có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website hoặc fanpage của Khoa về các hoạt động dạy và học [H10.10.05.12].

Hàng năm, Trường và Khoa đều tiến hành lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng ngành, khóa đào tạo, trong đó có nội dung về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) [H10.10.05.13]. Kết quả khảo sát của Thư viện năm 2019 cho thấy 85% bạn đọc cho rằng tra cứu thuận lợi trên cơ sở dữ liệu và 15% bạn đọc cho là kho khăn, hoặc 38% ý kiến bạn đọc cho là CSVC thư viện tốt, 55% cho là khá và 7% cho là trung bình [H10.10.05.04].

Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Trường ĐHSHPN nói chung và Khoa TLGD nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho những cán bộ, giảng viên và người học.

2. Điểm mạnh

Đảm bảo chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác), định kỳ có đánh giá và có cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học.	Nhà trường và Khoa TLGD	Từ năm học 2020 đến 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục và định kì lấy ý kiến của các bên liên quan để nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa TLGD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Trung tâm đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn quy trình thu thập thông tin của các bên liên quan để nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo và CTDH, đồng thời TTĐBCL ban hành các bộ công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.05.01].

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp cùng Khoa TLGD thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giảng dạy của GV tiến hành định kỳ 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần [H10.10.06.02]; Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa [H10.10.06.03]; Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.04]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về chương trình đào tạo; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công [H10.10.06.05, H10.10.06.06, H10.10.06.07].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng

trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy. Kết quả phản hồi thu được là căn cứ để trường đã tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo ngành TLH và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.06.08].

Cơ chế thu thập thông tin của các bên liên quan cũng được rà soát và cải tiến điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất. Điều này được thể hiện ở hệ thống các phiếu khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan, ví dụ như: *Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy năm học 2020- 2022* có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là *Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên* với 16 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.09, H10.10.06.10, H10.10.06.11].

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.13].

Đến năm 2022 thực hiện lấy ý kiến một cách hệ thống tất cả các bên góp ý cho CTĐT, CTDH [H10.10.01.14]. Căn cứ vào các thông tin và kết quả phản hồi là cơ sở để Khoa tiến hành rà soát, đánh giá và có hướng điều chỉnh cải tiến chương trình cải tiến chất lượng dạy học, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng tích cực các phương pháp dạy học tích cực từ đó cải tiến chất lượng ngày một tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động, gặp khó khăn

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù	Khoa TLGD, TTĐBCL	Hàng năm	

		hợp với thực tiễn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTDH.	Nhà trường và Khoa TLGD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành TLH được Trường ĐHSPHN và Khoa TLGD hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản.

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin của các bên liên quan số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng còn chưa nhiều. CTDH đã được cải tiến và phát triển tuy nhiên đôi khi chưa bắt kịp với xu thế của thị trường lao động luôn vận động không ngừng. Việc đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa còn hạn chế. Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hàng năm, số lượng bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động, gặp khó khăn và chưa thường xuyên.

Đánh giá tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn 10:	Thang đánh giá
-----------------------	-----------------------

	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1					5		
Tiêu chí 10.2				4			
Tiêu chí 10.3				4			
Tiêu chí 10.4					5		
Tiêu chí 10.5					5		
Tiêu chí 10.6					5		
Điểm tiêu chuẩn	4.66						

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo của Nhà trường. Để đánh giá chất lượng tốt nghiệp, nhà trường đã thực hiện giám sát chặt chẽ việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV cũng là một đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo. Các thể loại NCKH của người học phải đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và phù hợp với CDR của CTĐT. Trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin lấy ý kiến phản hồi về CTĐT đối với các bên liên quan, bao gồm các SV đang đào tạo theo chương trình tại khoa và cựu SV của khoa.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo trực tiếp quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học [H11.11.01.01]. Phòng Đào tạo gửi các văn bản, công văn hướng dẫn về Khoa, Khoa TLGD đã giao nhiệm vụ phân công cho giáo vụ Khoa, Cán bộ quản lý sinh viên và cố vấn học tập để giám sát tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp, từ đó cải tiến chất lượng đào tạo [H11.11.01.02]. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Giáo vụ Khoa, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý sinh viên [H11.11.01.03]. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.04].

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành TLH được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.05, H11.11.01.06].

Hàng năm, Khoa đều thống kê đánh giá kết quả học tập của các sinh viên, rà soát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, sinh viên tốt nghiệp quá hạn, tỷ lệ sinh viên thôi học. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học [H11.11.01.07], trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần đây được tóm tắt bằng bảng số liệu sau

Bảng 11.1. Thời gian người học tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần nhất

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Tổng số SV đầu vào	36	25	27	36	50
Thôi học	5	1	5	0	0
Tỉ lệ SV thôi học so với tổng số SV đầu vào	13.89%	4.00%	18.52%	0.00%	00.00%
Bảo lưu	0	1	1	2	0
Tỉ lệ SV bảo lưu so với tổng số SV đầu vào	0 %	4.00%	3.70%	5.55%	00.00%
Số lượng người học tốt nghiệp đúng hạn (người)	31	23	21	34	50
Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn so với số tuyển vào (%)	86.11%	92.00%	77.80%	94.45%	100.00%

Số liệu trên cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng tăng qua hai năm gần đây, từ 2022 đến 2023. Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn năm học 2020 – 2021 giảm nhiều nhất trong chu kỳ, xuống còn 77.80%. Thực trạng này tồn tại là do trong thời gian học một số SV đã xin thôi học và bảo lưu. Song song với việc giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, Khoa giao cho Cố vấn học tập, giáo vụ Khoa và cán bộ quản lý sinh viên giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân bảo lưu, thôi học thông qua Sổ tay nghiệp vụ chậm tốt nghiệp, thôi học [H11.11.01.08], [H11.11.01.09]. Năm học 2020-2021 đánh dấu tỉ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu cao nhất trong chu kỳ, tỉ lệ tương ứng lần lượt là 18.52% và 3.70%. Đây cũng là năm học mà tổng số SV đầu vào thấp nhất trong 5 năm. Những lý do giải thích cho thực trạng này là: 1/ Gia đình định hướng cho sinh viên du học; 2/ Một số sinh viên tham gia dự án trao đổi hợp tác

quốc tế của Khoa làm chậm tiến trình học; 3/ Gia đình có những định hướng khác cho SV; 4/ SV có kế hoạch cá nhân khác như đi xuất khẩu lao động.

Đối chiếu so sánh tỷ lệ tốt nghiệp qua các năm cho thấy năm 2020 – 2021, tỷ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu (không tốt nghiệp đúng hạn) tăng cao đột biến so với các năm trước, chiếm đến 22.22% so với tỉ lệ sinh viên đầu vào [H11.11.01.10].

Nhóm viết cần bổ sung thêm:

- Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ thôi học của NH tham gia CTĐT với các CTĐT khác cùng hình thức đào tạo trong giai đoạn 2019 – 2023.

- Các dự đoán, xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NG tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành TLGD bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao. Việc thực hiện đánh giá, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học được tiến hành đúng theo hướng dẫn và phân công nhiệm vụ rõ ràng từ cấp trường xuống cấp khoa và cho từng cán bộ chuyên trách cụ thể trong Khoa. Từ đó có quy định rõ ràng về việc đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học. Số liệu sinh viên tốt nghiệp, thôi học được cập nhật kịp thời trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, giúp cán bộ nhà trường và sinh viên nắm bắt thông tin kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây, một số sinh viên thôi học với lí do chuyển sang học các ngành học khác

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cố vấn học tập kịp thời động viên, hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn có nguy cơ bị thôi học. - Thực hiện thường xuyên khâu truyền thông về ngành, nghề của sinh viên và các cơ hội việc làm sau khi ra trường	Khoa TLGD	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Cán bộ quản lý SV tiếp tục giám sát tình hình học tập của sinh viên và động viên kịp thời khi sinh viên gặp phải vấn đề khó khăn, để không giảm thiểu tỷ lệ sinh viên thôi học và nắm bắt kịp	Văn phòng, Cố vấn học tập	Hàng năm

		thời được thông tin của sinh viên dự định thôi học để có biện pháp xử lý.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2009, khoa TLGD và Trường ĐHSPHN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính qui theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, và sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian tốt nghiệp sau khi tích lũy đủ số tín chỉ [H11.11.01.06]. Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ giám sát tốt nghiệp người học [MC quy định chức năng nhiệm vụ nguyên tắc làm việc của BGH và các đơn vị]. Để giám sát quá trình học tập của người học, Phòng Đào tạo và Khoa TLGD theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo học CTĐT cử nhân TLH thông qua cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.02.01], [H11.11.01.01].

Theo quy định của Trường ĐHSPHN, thời gian tốt nghiệp CTĐT ngành cử nhân TLH trung bình là 4 năm học, thời gian tối đa là 6 năm, tối thiểu là 3 năm. Trước năm 2018, mỗi năm học có hai học kì, mỗi học kì có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Từ năm 2018-2019 trở đi, mỗi năm học có 3 học kì. Thời gian và kế hoạch đào tạo được công bố cho cán bộ và sinh viên vào đầu năm học. Đối với những trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có thể quy định thêm thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình [H11.11.01.06]. Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tốt nghiệp của Khoa căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Quy chế đào tạo của Trường để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp của trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư kí và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Công tác chính trị và học sinh sinh viên. Vì vậy thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành cử nhân TLH luôn được Khoa theo dõi [H11.11.01.06]; [H11.11.01.07]; [H11.11.01.08]; [H11.11.01.09].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành TLH được thể hiện qua bảng thống kê dưới đây:

Bảng 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	Số sinh viên tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
		48 tháng	60 tháng		
2018 - 2019	31	2	0	48,4	4,06
2019 - 2020	23	0	0	48	4,04
2020 - 2021	21	6	0	50	4,33
2021 - 2022	34	0	0	48	4,04
2022 - 2023	50	0	0	48	4,04

Trong 5 năm từ 2018 – 2023, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV khoa TLGD dao động từ 4,0 đến 4,33 năm. Đa số SV ngành TLH đã hoàn thành CTĐT đúng thời hạn (48 tháng), số SV tốt nghiệp muộn chiếm tỉ lệ ít, và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV tốt nghiệp muộn cũng chỉ hơn mức chuẩn cao nhất là 2 tháng [H11.11.01.05], [H11.11.02.02]. Riêng năm học 2020-2021, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn thấp nhất so với các năm. Điều này được lý giải do có đến 06 SV bảo lưu, không ra trường được đúng thời hạn do nợ tín chỉ hoặc học phần bắt buộc, và đặc biệt là do các em quên không đăng kí xét tốt nghiệp trên trang đào tạo. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.02].

Khoa cũng đã tiến hành tổng kết, đánh giá, phân tích các nguyên nhân tỉ lệ tốt nghiệp giảm sút và lí do người học tốt nghiệp muộn: sinh viên bảo lưu để thi lại ngành khác, sinh viên bảo lưu do lý do cá nhân trong quá trình học [BS MC Sổ tay nghiệp vụ, tài liệu tìm hiểu phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp].

2. Điểm mạnh

Khoa luôn thông báo thời gian và kế hoạch đào tạo cho cán bộ và sinh viên ngay từ đầu năm học; SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên chưa hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn. Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục chưa đồng bộ, hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thành lập nhóm bạn hỗ trợ nhau trong lớp để động viên, trợ giúp sinh viên bị chậm chương trình học.	Khoa TLGD	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt tiến độ học tập của SV để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.	Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc thuận lợi. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H11.11.03.01].

Nhà trường cũng giao cho Trung tâm đảm bảo chất lượng xây dựng quy trình, kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các năm, đồng thời nhà trường cũng đã thành lập Hội cựu người học năm 2019 để thu thập ý kiến từ người học góp ý cho chương trình đào tạo, dạy học của Nhà trường, trong đó có Khoa TLGD [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, Khoa TLGD giao nhiệm vụ cho cán bộ chuyên trách quản lý sinh viên kết hợp với Trung tâm ĐBCL thực hiện điều tra khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.03].

Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm khá cao (đều trên 90%), tỉ lệ cựu sinh viên chưa có việc làm thấp. Những nghề nghiệp cựu SV đang làm việc đúng chuyên ngành TLGD: GV giảng dạy ở các nhà trường TC, CĐ và ĐH; trung tâm giáo dục kỹ năng sống, dạy trẻ đặc biệt, tư vấn Tâm lý, làm việc trong các tổ chức phi chính phủ... còn lại chủ yếu là ngành gần TLGD hoặc trái ngành [H11.11.01.07].

Căn cứ vào báo cáo tình trạng việc làm trong 05 năm gần đây, khoa đã có thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, môi trường làm việc cụ thể theo từng khóa học như sau [H11.11.03.04; H11.11.03.05]:

Bảng 11.3. Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Năm	Ngành	Có việc làm	Chưa có việc làm nhưng học nâng cao	Chưa có việc làm	Khu vực việc làm			
					Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Liên doanh
2019	TLH	74.1%	8/31	0	1	18	3	1
2020	TLH	95.6%	1/23	0	2	17	1	2
2021	TLH	77.7%	3/18	1	0	12	1	1
2022	TLH	94.0%	2/34	0	2	23	3	4
2023	TLH	90.0%	3/50	2	0	40	3	2

Có thể thấy, tỉ lệ có việc làm của sinh viên khoa TLGD khá cao, dao động từ 74.1% - 95.6% và tỉ lệ sinh viên làm trong khu vực tư nhân vẫn chiếm cao nhất qua các năm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một bộ phận sinh viên chưa có việc làm.

2. Điểm mạnh

Khoa TLGD đã quan tâm và tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về những yêu cầu, mong muốn đối với SV ra trường để từ đó có những cải tiến chương trình đào tạo và CTDH.	Khoa TLGD	Từ năm học 2024 - 2025
		- Khuyến khích sinh viên mạnh dạn, chủ động tham gia vào các hoạt động thực tế do các cơ sở tuyển dụng tổ chức để có thêm kinh nghiệm. - Tổ chức tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm	Khoa TLGD	Từ năm học 2024 - 2025

		thứ nhất.		
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm giới thiệu việc làm cho sinh viên. - Liên kết thực hành môn học cho sinh viên với các cơ sở tuyển dụng có uy tín. 	Khoa TLGD	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập. Hàng năm, phòng Khoa học Công nghệ trường ĐHSPTHN đều có các công văn hướng dẫn về kế hoạch tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp khoa cũng như tuyển chọn các công trình nghiên cứu khoa học tham gia hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường. [H11.11.04.01]. Dựa vào đó, khoa TLGD xây dựng các chiến lược, kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong khoa cũng như định hướng các nghiên cứu khoa học cho phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [BS KH chiến lược, KH của khoa].

Nhà Trường và Khoa TLGD luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học của người học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của người học.

Định kỳ hàng năm, Khoa phân công cho Liên chi đoàn tổ chức Tọa đàm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cho sinh viên năm thứ nhất, giúp sinh viên hiểu rõ thêm về lợi ích của công tác NCKH và những nhiệm vụ sinh viên cần thực hiện để tham gia NCKH. [H11.11.04.01]

Liên chi đoàn Khoa cũng thành lập Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học – là nơi sinh viên có thể chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, tài liệu, đặt câu hỏi... trong quá trình nghiên cứu. [H11.11.04.02]

Sinh viên được đăng kí đề tài mong muốn nghiên cứu, thể loại nghiên cứu, số lượng các thành viên trong nhóm nghiên cứu cũng như giáo viên hướng dẫn.

Hàng năm, Phòng Khoa học công nghệ và Khoa đều xây dựng kế hoạch NCKH cho sinh viên, hướng dẫn quy trình thực hiện NCKH [H11.11.04.03]. Sau khi SV đăng ký các hướng đề tài NCKH, Hội đồng Khoa học Khoa đã phân công những giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn SV hoặc nhóm SV triển khai các đề tài NCKH [H11.11.04.04], [H.11.11.04.05]. Bên cạnh việc phân công GV hướng dẫn SV

NCKH, nhà trường và Khoa TLGD cũng luôn luôn đầu tư và dành kinh phí cho hoạt động NCKH của SV để nhằm khuyến khích SV tham gia nghiên cứu và có chất lượng [H11.11.04.06; H11.11.04.07]. Hàng năm, Khoa tổ chức “Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học” để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường và cấp Bộ. Một số đề tài được chọn này đã đạt được thành tích cao về việc tổ chức hội nghị tổng kết sinh viên NCKH của các năm [H11.11.04.08] [H11.11.04.09], [H11.11.01.10].

Những sản phẩm NCKH của sinh viên không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên mà còn có tính ứng dụng cao, gắn với thực hành, giúp các em có kỹ năng và thái độ trong thực hành nghề sau này [H11.11.04.11].

Để theo dõi, giám sát các loại hình NCKH của người học, hội đồng khoa học khoa tiến hành họp thường kì để theo dõi sát sao quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên và tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên khi tiến hành tổ chức các hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học [H11.11.04.03]. Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cũng được thiết lập để có thể đánh giá hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong vòng 05 năm trở lại đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.4. Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong 05 năm trở lại đây

Năm	Số lượng sinh viên tham gia NCKH	Số lượng đề tài cấp khoa	Số lượng đề tài đạt giải cấp khoa	Số lượng đề tài báo cáo cấp trường	Số lượng đề tài đạt giải cấp trường/ báo cáo cấp Bộ
2019	54	21	6	3	1
2020	59	15	5	3	3
2021	43	13	6	1	1
2022	39	12	5	2	1
2023	40	14	5	1	1

Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cho thấy số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên khá nhiều với các đề tài nghiên cứu đa dạng liên quan đến các đối tượng khác nhau như vấn đề tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh phổ thông; vấn đề đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục; các hoạt động hỗ trợ, tư vấn giáo dục trong nhà trường, Các đề tài nghiên cứu khá tương thích với mục tiêu, tầm nhìn, và chuẩn đầu ra của ngành TLH [H11.11.04.04]. Đồng thời, trong những năm qua,

nhiều sinh viên của khoa đã được tham gia báo cáo nghiên cứu khoa học tại các hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường và đạt giải nghiên cứu khoa học cấp trường. [H11.11.04.09].

Nhận xét:

Bổ sung mô tả/ Bảng về đối sánh loại hình và SL các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong trường hoặc các trường khác.

Các đề xuất/ đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại phù hợp với khả năng của NH.

2. Điểm mạnh

Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú.

Trường và Khoa có công văn xác định nhiệm vụ NCKH cho mỗi SV, hướng dẫn và kế hoạch tổ chức hội nghị sinh viên NCKH cấp khoa, rõ ràng, kịp thời. Khoa có kế hoạch phân công nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên NCKH và nâng cao nhận thức của sinh viên về lợi ích của NCKH; đồng thời cũng có kế hoạch giám sát sát sao quá trình NCKH của sinh viên và tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu một cách minh bạch, công tâm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NCKH của sinh viên còn ít và có xu hướng giảm qua các năm. Chất lượng của một số công trình khoa học chưa thực sự cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV. Lấy thành tích NCKH của sinh viên vào việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV để tăng số lượng SV tham gia NCKH	Trợ lý khoa học, CLB NCKH của Khoa. Cố vấn học tập	Từ năm học 2024 -2025
		Cử GV hướng dẫn cá nhân và các nhóm SV tham gia NCKH từ chọn đề tài, cách thức triển khai để đảm bảo chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên	Hội đồng Khoa học	Từ năm học 2024 -2025

		Ngay từ năm thứ nhất, trong các buổi tọa đàm nghiên cứu khoa học của sinh viên, cần khuyến khích sinh viên có những ý tưởng khoa học mới, sáng tạo và Khoa cần có cơ chế tạo điều kiện để sinh viên biến những ý tưởng đó thành công trình thực tế có sự hướng dẫn của các giảng viên có kinh nghiệm NCKH.	Trợ lý Khoa học	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích SV tham gia NCKH, hướng dẫn, hỗ trợ SV tham gia NCKH, gắn đề tài của SV với những đề tài của GV trong khoa. Tiếp tục tổ chức các buổi tọa đàm NCKH cho sinh viên, không chỉ cho sinh viên năm thứ nhất mà nên tổ chức cho sinh viên cả khóa định kỳ hàng năm. CLB Sinh viên NCKH trong Khoa hoạt động chủ động, sinh hoạt thường xuyên.	Khoa TLGDH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Các bảng số liệu trong tiêu chí cần có tiêu đề bảng và có dẫn nguồn số liệu. Đồng thời theo yêu cầu của tiêu chí, việc đối sánh giữa các thanh đo cần phải đối sánh giữa các năm trong giai đoạn đánh giá. Hiện tại các bảng trong mô tả chỉ để số liệu của 1 năm (???) để đưa ra nhận định thì không đủ để phân tích, kết luận.

Mô tả của tiêu chí cần bổ sung KH rà soát, cải tiến công cụ quy trình khảo sát và cải tiến chất lượng đào tạo.

Nhà trường có TT ĐBCL là bộ phận chuyên trách thực hiện khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Trung tâm đã xây dựng kế hoạch, quy trình, hướng dẫn, công cụ và tiêu chí đo lường cụ thể với các đối tượng khảo sát. [H11.11.05.01].

Hàng năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng kết hợp với các khoa trong trường tiến hành lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy của giảng viên; Lấy ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng khoá/ngành đào tạo; Thực hiện khảo sát việc làm của sinh

viên sau 1 năm tốt nghiệp [H11.11.05.02]. Bên cạnh đó, TT tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với CTĐT; Lấy ý kiến của SV về cán bộ hành chính của khoa [H11.11.05.03]. Báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm đảm bảo chất lượng về ý kiến đánh giá của người học đối với GV cho thấy, sinh viên có mức độ hài lòng cao những nội dung, phương pháp giảng dạy của GV và các hình thức kiểm tra, đánh giá của GV trong các học phần. Báo cáo kết quả khảo sát của TTĐBCL lấy ý kiến sinh viên năm cuối về mức độ hài lòng đối với CTĐT cho thấy: tỷ lệ sinh viên đánh giá về mức độ hài lòng với CTĐT [H11.11.05.02]; [H11.11.05.03].

Cụ thể, trong khoảng thời gian từ 2020 – 2023, Trung tâm đảm bảo chất lượng đã lấy ý kiến của sinh viên toàn trường, trong đó có 290 sinh viên khoa TLGD đã tốt nghiệp tham gia phản hồi về chất lượng và hiệu quả đào tạo, các kỹ năng và năng lực cơ bản đạt được. Về chất lượng và hiệu quả đào tạo, sinh viên đánh giá 6 tiêu chí về (1) mục tiêu đào tạo, (2) chương trình đào tạo, (3) phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá (4) kết quả đào tạo, (5) cơ sở vật chất, (6) học liệu; 8 kỹ năng cơ bản và 22 năng lực.

Kết quả đối sánh giữa các năm thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11.5.1: Phản hồi về chất lượng và hiệu quả đào tạo, các kỹ năng và năng lực cơ bản đạt được của sinh viên

Năm	Chất lượng và hiệu quả đào tạo	Các KN đạt được	Các năng lực
2020	136.02	24.41	62.21
2021	114.18	26.65	63.50
2022	129.35	26.3	65.98
2023	137.02	25.41	63.21

Như vậy, chúng ta thấy, kết quả đối sánh giữa các năm cho thấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng và hiệu quả đào tạo đã tăng lên giữa các năm. Năm 2020, tổng điểm đạt được là 136.02 nhưng đến năm 2023 thì tổng điểm đã được đánh giá cao hơn là 137.02. Như vậy rõ ràng chúng ta thấy, khoa đã có sự điều chỉnh hàng năm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trên cơ sở ý kiến phản hồi của sinh viên. Tuy nhiên, với từng tiêu chí cụ thể thì giữa các năm cũng có sự khác biệt. Các kỹ năng cơ bản mà sinh viên đạt được cũng tăng lên theo các năm. Tuy nhiên, các năng lực đạt được thì có sự đánh giá thấp hơn vào năm 2020.

Các phản hồi từ nhà tuyển dụng cho thấy, SV tốt nghiệp được đánh giá mạnh nhất ở các khía cạnh như kiến thức chuyên ngành; Năng lực tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng làm việc nhóm, ... Trong khi đó, các em cần cải thiện một số kỹ năng và năng lực như năng lực ngoại ngữ; kỹ năng xử lý xung đột, ...

Bên cạnh đó, khoa TLGD cũng khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đã ra trường, của giảng viên về chương trình đào tạo cũng như khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng

đào tạo dành cho cơ quan/tổ chức sử dụng lao động [H11.11.05.06].

* Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đã ra trường về chương trình đào tạo đã tốt nghiệp được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11.5.2: Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đã ra trường về chương trình đào tạo đã tốt nghiệp

STT	Nội dung	Mức đánh giá (%)				
		0	1	2	3	4
1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng	0	0	0	0	100
2	Chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với chuẩn nghề nghiệp	0	0	0	10	90
3	Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế của khoa	0	0	0	8	92
4	CTĐT đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	0	6	94
5	Nội dung CTĐT cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	0	0	12	88
6	CTĐT có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	0	0	8	92
7	CTĐT chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV	0	0	0	0	100
8	Đề cương môn học cung cấp đủ thông tin giúp SV đạt được chuẩn đầu ra môn học	0	0	0	4	96
9	PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học thể hiện được tính đa dạng, có sự đổi mới	0	0	0	6	94
10	Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học	0	0	0	0	100

(0=Hoàn toàn không đồng ý; 1=Không đồng ý về cơ bản; 2= Đồng ý một phần; 3= Đồng ý về cơ bản; 4=Hoàn toàn đồng ý)

Qua bảng trên, ta thấy kết quả phản hồi của cựu sinh viên về chương trình đào tạo đã tốt nghiệp rất tốt. 100% sinh viên tham gia trả lời phiếu khảo sát đã phản hồi hoàn toàn đồng ý về “mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng” và “chương trình đào tạo chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV” cũng như trong quá trình đào tạo, “người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa

học” để rèn các kỹ năng nghiên cứu một đề tài về tâm lý học, giáo dục học; làm rõ hơn những kiến thức lý luận mà các bạn đã được học cũng như giúp các bạn vận dụng những kiến thức đã được học vào góp phần giải quyết những vấn đề của thực tiễn. Đại đa số các bạn cựu sinh viên đều hoàn toàn đồng ý là “Đề cương môn học cung cấp đủ thông tin giúp SV đạt được chuẩn đầu ra môn học” (96%); “CTĐT đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý”, “PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học thể hiện được tính đa dạng, có sự đổi mới” (94%). Chỉ có 10% cựu sinh viên được hỏi có ý kiến đồng ý về cơ bản là “Chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với chuẩn nghề nghiệp”. Không có ý kiến phản hồi nào của cựu SV thể hiện sự hoàn toàn không đồng ý; không đồng ý về cơ bản hoặc đồng ý một phần về chương trình đào tạo mà các bạn đã tốt nghiệp.

* Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về chương trình đào tạo đã tham gia giảng dạy được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11.5.3: Khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về chương trình đào tạo đã tham gia giảng dạy

STT	Nội dung	Mức đánh giá (%)				
		0	1	2	3	4
1	Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng	0	0	0	0	100
2	Chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với chuẩn nghề nghiệp	0	0	0	0	100
3	Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế của khoa	0	0	0	5.3	94.7
4	CTĐT đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	0	5.3	94.7
5	Nội dung CTĐT cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	0	0	10.5	89.5
6	CTĐT có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	0	0	5.3	94.7
7	CTĐT chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV	0	0	0	0	100
8	Đề cương môn học cung cấp đủ thông tin giúp SV đạt được chuẩn đầu ra môn học	0	0	0	15.8	84.2

9	PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học thể hiện được tính đa dạng, có sự đổi mới	0	0	0	15.8	84.2
10	Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học	0	0	0	0	100

(0=Hoàn toàn không đồng ý; 1=Không đồng ý về cơ bản; 2= Đồng ý một phần; 3= Đồng ý về cơ bản; 4=Hoàn toàn đồng ý)

Qua kết quả khảo sát thể hiện trong bảng trên, chúng ta thấy: 100% giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân TLH đánh giá rất cao về chương trình. Không có ý kiến phản hồi nào thể hiện mức độ đánh giá “hoàn toàn không đồng ý”, “không đồng ý về cơ bản”, “đồng ý một phần”. Tất cả giảng viên tham gia khảo sát đều đồng ý về cơ bản và hoàn toàn đồng ý với những nội dung được đưa ra trong phiếu khảo sát về chương trình đào tạo. Trong đó 100% giảng viên hoàn toàn đồng ý “Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng”, “Chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với chuẩn nghề nghiệp”, “CTĐT chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV”, Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học”.

*Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về chất lượng đào tạo (về kiến thức, năng lực nghiệp vụ; về kỹ năng mềm; về phẩm chất cá nhân của người lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành TLH của khoa) được thể hiện ở các bảng sau:

+ *Mức độ hài lòng về kiến thức, năng lực nghiệp vụ của người lao động:*

Bảng 11.5.4: Mức độ hài lòng về kiến thức, năng lực nghiệp vụ của người lao động

STT	Kiến thức, NL nghiệp vụ	Mức đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Kiến thức chuyên ngành được đào tạo	0	0	0	0	100
2	Kiến thức nền tảng xã hội liên quan	0	0	0	27.3	72.7
3	Khả năng người lao động giải quyết tốt công việc	0	0	0	18.2	81.8
4	Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc	0	0	0	0	100
5	Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng	0	0	0	0	100
6	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	0	0	0	36.4	63.6
7	Kỹ năng nghiệp vụ	0	0	0	18.2	81.8

(1 = Hoàn toàn không hài lòng; 2 = không hài lòng; 3 = Phân vân; 4 = Hài lòng; 5 = Rất hài lòng)

Qua bảng số liệu trên, chúng ta thấy tất cả các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động tham gia khảo sát đều thể hiện sự hài lòng và rất hài lòng về kiến thức, năng lực nghiệp vụ của người lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành TLH của khoa hiện đang làm việc tại đơn vị của họ. 100% cơ quan/tổ chức sử dụng lao động rất hài lòng về “Kiến thức chuyên ngành được đào tạo”, “Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc”, “Năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng” của người lao động. Trong số những vấn đề được khảo sát thì năng lực sử dụng ngoại ngữ của người lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành TLH của khoa không được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao, chỉ có 63.6% thể hiện là rất hài lòng và 36.4 % hài lòng. Kết quả này cũng phản ánh đúng năng lực ngoại ngữ của sinh viên khoa TLGD, các bạn không mạnh về khả năng giao tiếp mặc dù ngữ pháp có thể rất tốt. Ngoài ra, các nhà sử dụng lao động cũng đánh giá cao về khả năng người lao động giải quyết tốt công việc, có kiến thức nền tảng xã hội tốt và kỹ năng nghiệp vụ cơ bản.

+ *Mức độ hài lòng về kỹ năng mềm của người lao động*

Bảng 11.4.5: Mức độ hài lòng về kỹ năng mềm của người lao động

TT	Kỹ năng	Mức đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Kỹ năng giao tiếp	0	0	0	0	100
2	Kỹ năng thuyết trình	0	0	0	0	100
3	Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả	0	0	0	18.2	81.8
4	Kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch	0	0	0	18.2	81.8
5	Kỹ năng xử lý/giải quyết vấn đề	0	0	0	27.3	72.7
6	Kỹ năng làm việc nhóm	0	0	0	9.1	90.9
7	Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột	0	0	0	18.2	81.8

(1 = Hoàn toàn không hài lòng; 2 = không hài lòng; 3 = Phân vân; 4 = Hài lòng; 5 = Rất hài lòng)

Qua bảng số liệu trên, chúng ta thấy tất cả các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động tham gia khảo sát đều thể hiện sự hài lòng và rất hài lòng về những kỹ năng mềm của người lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành TLH của khoa hiện đang làm việc tại đơn vị của họ. 100% cơ quan/tổ chức sử dụng lao động rất hài lòng về kỹ năng giao tiếp và thuyết trình của người lao động. Bên cạnh đó, các kỹ năng khác của người lao động như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả và kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch cũng được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao (trên

80%). Duy nhất có kỹ năng xử lý/giải quyết vấn đề của người lao động không được đánh giá cao bằng các kỹ năng còn lại (72.7%) các nhà sử dụng lao động thể hiện sự đánh giá rất hài lòng về kỹ năng này ở người lao động. Điều này cũng dễ hiểu vì sự vạm vỡ, trải nghiệm thực tiễn của người lao động sau khi ra trường chưa nhiều nên họ còn những lúng túng trong quá trình làm việc.

+ *Mức độ hài lòng về phẩm chất cá nhân của người lao động:*

Bảng 11.4.6: Mức độ hài lòng về phẩm chất cá nhân của người lao động

STT	Phẩm chất cá nhân	Mức đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	Sự tự tin vào khả năng của bản thân	0	0	0	0	100
2	Năng lực sáng tạo	0	0	0	27.3	72.7
3	Tính chuyên nghiệp	0	0	0	18.2	81.8
4	Tác phong nghề nghiệp	0	0	0	36.4	63.6
5	Quan hệ với đồng nghiệp	0	0	0	10	90
6	Trách nhiệm với công việc	0	0	0	0	100
7	Tính cầu thị	0	0	0	0	100

(1 = Hoàn toàn không hài lòng; 2 = không hài lòng; 3 = Phân vân; 4 = Hài lòng; 5 = Rất hài lòng)

Qua bảng số liệu trên, chúng ta thấy tất cả các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động tham gia khảo sát đều thể hiện sự hài lòng và rất hài lòng về phẩm chất cá nhân của người lao động là sinh viên tốt nghiệp ngành TLH của khoa hiện đang làm việc tại đơn vị của họ. 100% cơ quan/tổ chức sử dụng lao động rất hài lòng về “sự tự tin vào khả năng của bản thân”, “về trách nhiệm với công việc” và “tính cầu thị” của người lao động. Trong số các phẩm chất cá nhân của người lao động, các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động chưa thể hiện sự rất hài lòng về “tác phong nghề nghiệp”. Nguyên nhân có thể do những lí do chủ quan, khách quan tuy nhiên dù sao thì trong quá trình đào tạo, khoa cũng cần có những sự lưu ý về vấn đề này để đảm bảo sự đáp ứng được nhu cầu xã hội về chất lượng nguồn lao động.

Dựa trên việc khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các bên có liên quan, thực hiện đối sánh thông qua báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm; Trường và Khoa đã có sự điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng đào tạo qua việc đầu tư tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy các học phần được mua theo đề xuất của khoa. Khoa cũng liên tục tổ chức các buổi tọa đàm với sinh viên về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học; tổ chức các khóa chia sẻ về kỹ năng mềm cho sinh viên thông qua hoạt động của các câu lạc bộ trong Khoa.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan,

đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tồn tại một số ý kiến của các bên liên quan cho rằng cần tăng thời lượng chương trình đào tạo cho các môn thực hành và thay đổi một số môn học đã cũ bằng những môn học mới để bắt kịp xu thế của thời đại và phù hợp nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện việc định kỳ lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT, CTDH để thay đổi cải tiến CTĐT theo nhu cầu của xã hội.	Khoa TLGD	Định kỳ 2 năm/ lần
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến về mức độ hài lòng của SV, SV năm cuối để có những điều chỉnh kịp thời và hiệu quả CTĐT, CTDH. Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên...	Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học, có việc làm của SV được Trường và Khoa giám sát chặt chẽ. Các trường hợp chậm tốt nghiệp, chưa hoàn thành chương trình học luôn được khoa tìm hiểu và hỗ trợ. Tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp luôn ở mức khá cao, dự báo xu thế tích cực trong ngành đào tạo cử nhân Tâm lý học trường học.

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của khoa được xác lập và giám sát thường xuyên. Khoa có kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho người học. Đồng thời có biện pháp để khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động NCKH và thường xuyên đạt giải cấp trường, cấp Bộ. Mức độ hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là đến CTĐT được trường, khoa xác lập, giám sát và đối sánh làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, hiện còn một số vấn đề tồn tại cần khắc phục như: Tỷ lệ sinh viên thôi học, bảo lưu hoặc chưa hoàn thành chương trình học đúng kì hạn vẫn còn. Cần có sự phân tích kĩ hơn về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, sự tham gia CTĐT

của người học để đưa ra biện pháp khắc phục; Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học còn thực hiện theo phương pháp thủ công nên đôi khi người học khó theo dõi. Chưa có hệ thống khảo sát ý kiến online để thu thập một cách nhanh chóng thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Đánh giá tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
Tiêu chí 11.1					5		
Tiêu chí 11.2				4			
Tiêu chí 11.3					5		
Tiêu chí 11.4				4			
Tiêu chí 11.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4,40						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.1. Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành TLH đã xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục đại học. Mục tiêu cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. CDR của CTĐT cử nhân ngành TLH được xác định rõ ràng, cụ thể, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; trong đó nêu cụ thể được những năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và có thể đo lường, đánh giá được. Với những năng lực này, CDR cũng cho thấy triển vọng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong tương lai. CDR đã được thể hiện công khai để sinh viên và những đối tượng quan tâm được thông tin.

1.2. Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học năm 2020 cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2017 đến 2022, bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh 01 lần. Năm 2019 là năm xây dựng chương trình mới, sau 1 năm thử nghiệm bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSPh Hà Nội; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin

đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được công bố công khai và dễ tiếp cận.

1.3. CTDH cử nhân ngành Tâm lý học được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. CTDH có tính logic và tính tích hợp của các học phần nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

1.4. Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, giảng viên, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân ngành TLH. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các PPDH đa dạng, tập trung vào các PPDH tích cực, phù hợp để đạt được CDR. Các PPDH được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5. Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá người học. Công tác kiểm tra đánh giá thể hiện sự đa dạng, liên tục và đổi mới theo hướng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, phù hợp với mục tiêu của CDR của từng học phần và chương trình đào tạo.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT cử nhân ngành TLH rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa

dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn để người học cải thiện việc học tập của mình. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp Khoa đến Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. Sinh viên được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

1.6. Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn cao, năng động, nhiệt huyết do vậy công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường và Khoa cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên phù hợp với chiến lược phát triển đại học của nhà trường. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học, công tác NCKH cũng được đề cao.

1.7. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT cử nhân ngành TLH nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1.8. Công tác tuyển sinh của Nhà trường, của Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được Khoa thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn - Hội sinh viên, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực (tham gia câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên quốc tế, tham gia công tác tình nguyện...). Mặt khác, người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

1.9. Nhà trường cung cấp đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp. Công tác sửa chữa, mua mới luôn được cập nhật hàng năm tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trung tâm thông tin thư viện trường và Phòng tư liệu khoa có nguồn tài liệu đa dạng, phù hợp và thường xuyên được cập nhật các tài liệu tham khảo cả bản in và bản mềm nhằm giúp cho việc tra cứu và khai thác tài liệu của cán bộ và sinh viên được hiệu quả. Các tài liệu chuyên ngành của Khoa cũng được đưa lên hệ thống chung của trường nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu đa dạng của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, hiện đại để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đầu tư cho hệ thống này, phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo trực tuyến. Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các vấn đề liên quan đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Không chỉ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Bộ/ ngành liên quan mà nhà trường còn xây dựng thêm các tiêu chí cụ thể quy định các khu vực khác trong trường, đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra. Bên cạnh đó, nhà trường còn tham gia tập huấn, tổ chức định kì các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn.

1.10. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành TLH được nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hằng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, các loại sách, bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong Khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa

học. Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm theo đúng quy trình.

1.11. Tỷ lệ người học cử nhân ngành TLH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao. Bên cạnh đó, SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, cố vấn học tập, giáo vụ khoa để kịp thời hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Phòng Đào tạo luôn nhắc SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: Tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2.1. Khoa đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh CĐR hàng năm trên cơ sở tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng các cán bộ quản lý giáo dục ở cấp Tỉnh và Trung ương, sinh viên tham gia xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT chưa được nhiều như kỳ vọng.

2.2. Website của Khoa mới được chỉnh sửa lại năm 2020 nên chưa thống kê được tổng thể số lượt tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên website của Khoa từ năm 2017 đến 2021.

2.3. Việc lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR cần được thực hiện thường xuyên 2 năm một lần với số lượng tham khảo ý kiến lớn hơn.

2.4. Việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện rộng rãi tới tất cả các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội.

2.5. Đánh giá chuyên cần đối với sinh viên lớp đông đôi khi còn gặp những khó khăn nhất định. Khoa chưa sử dụng phần mềm để dễ dàng khảo sát mức độ hài lòng của

sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học. Hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV cần đảm bảo tính phong phú, đa dạng hơn.

2.6. Việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên số lượng sinh viên và môn học đang còn nhiều bất cập, số lượng sinh viên cử nhân ngành TLH được thu hút vào Khoa còn hạn chế.

2.7. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế; các tiêu chí thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít.

2.8. Hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cố vấn học tập, các trợ lý chưa diễn ra thành hệ thống và thường niên.

2.9. Cơ sở vật chất của trường (sân bãi, nhà thi đấu ...) vẫn còn chưa đáp ứng được sự đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa của sinh viên. Phòng tư liệu khoa chưa được số hóa đồng bộ; diện tích một số phòng thực hành chưa đáp ứng được nhu cầu rèn luyện của sinh viên; Tốc độ wifi chung của trường vẫn còn chậm, có lúc chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng; một số phòng học công tác đảm bảo vệ sinh chưa được kịp thời và nhanh chóng.

2.10. Trong quá trình thu thập thông tin của các bên liên quan số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng còn chưa được nhiều. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Số lượng NCKH của sinh viên còn ít và giảm qua các năm và chưa có sinh viên đạt giải thưởng NCKH cấp Bộ. Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về CTĐT của Khoa cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học Giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Các tiêu chí của 11 tiêu chuẩn	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1.1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho ngắn gọn và khúc triết hơn	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Năm học 2024 - 2025

		trong lần điều chỉnh tiếp theo.		
1.1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu đào tạo và CDR đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Từ năm học 2025 - 2026
1.2	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xem xét, điều chỉnh CDR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho rõ ràng, súc tích.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Năm học 2025-2026
1.2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Hàng năm và theo quy định của nhà trường
1.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức định kì lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CDR của CTĐT và rà soát CDR với số lượng phong phú hơn.	Khoa TLGD, Trung tâm ĐBCL	Từ năm học 2025-2026
1.3	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CDR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa Tâm lý - Giáo dục	Theo quy định điều chỉnh CDR của nhà trường
2.1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa Tâm lý giáo dục	Năm 2022
2.1	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa TLGD	Năm học 2025-2026
2.2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa TLGD	Năm học 2025 -2026
2.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa	Năm học 2025 – 2026

			học	
2.3	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu SV về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nói riêng dưới nhiều hình thức để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành TLH.	Khoa TLGD	Học kỳ 1, năm học 2025-2026
2.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	Khoa TLGD	Hàng năm
3.1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của nhiều bên liên quan dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng.	Khoa TLGD	Năm học 2025 - 2026
3.1	Phát huy điểm mạnh	Chủ động và tiếp tục bổ sung, điều chỉnh chương trình dạy học một cách hợp lý và logic hơn. Đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của thị trường lao động.	Khoa TLGD	Năm học 2025 - 2026
3.2	Khắc phục điểm tồn tại	Chỉnh sửa đề cương của một số học phần để tăng các kỹ năng lên.	Khoa Tâm lý giáo dục	Năm học 2025-2026
3.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để có thể điều chỉnh CTDH phù hợp hơn, thuận lợi hơn cho người học.	Khoa Tâm lý giáo dục	Năm học 2025-2026
3.3	Khắc phục điểm tồn tại	Kết hợp môn cơ sở với môn chuyên ngành trong cùng một môn học để tạo sự thống nhất về nội dung giữa các môn học này với nhau, bằng cách lược bỏ hoặc bổ sung những nội dung phù hợp.	Khoa TLGD	Học kỳ 1, năm học 2025-2026
3.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi thêm CTĐT của các nước tiên	Khoa TLGD	Học kỳ 2, năm học

		tiên để cập nhật, chỉnh sửa.		2025-2065
4.1	Khắc phục điểm tồn tại	Phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức đa dạng và các kênh thông tin đại chúng như: báo chí, tọa đàm để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đưa triết lý giáo dục vào sổ tay sinh viên, vào tuần sinh hoạt công dân.	- BGH nhà trường. - Phòng Công tác chính trị và học sinh sinh viên	Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025 Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025
4.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng đa dạng các hình thức để tuyên truyền về mục tiêu đào tạo của khoa tới tất cả các bên liên quan.	Khoa TLGD	Bắt đầu từ năm học 2024 - 2025
4.2	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra.	Khoa TLGD	Từ năm học 2024-2025
4.2	Phát huy điểm mạnh	Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện đều tất cả các kỹ năng cho sinh viên	- Giáo viên bộ môn - Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2024-2025
4.3	Khắc phục điểm tồn tại	Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện đều tất cả các kỹ năng cho sinh viên	- Giáo viên bộ môn - Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2024-2025
4.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần, điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2024-2025
5.1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất với Trường sửa cách thức đánh giá về điểm chuyên cần theo dải điểm từ 0-10	Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2024-2025

		Khoa cần xây dựng hình thức đánh giá chuyên cần đa dạng và hiệu quả hơn	Hội đồng khoa học	Từ năm học 2024-2025
5.1	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới công tác tuyển sinh đầu vào theo năm học nhằm thu hút những học sinh khá, giỏi vào ngành Tâm lý học	Trường ĐHSPHN Khoa Tâm lý giáo dục	Từ năm học 2024-2025
		Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học	Khoa Tâm lý giáo dục	Từ năm học 2024-2025
		Giáo vụ Khoa, Cố vấn học tập lập các group trên zalo, facebook, có sổ tay theo dõi học tập để kịp thời cập nhật các thông tin liên quan đến kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học	Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2019
5.2	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học	Ban chủ nhiệm Khoa	Từ năm học 2024-2025
		Khoa yêu cầu các Tổ bộ môn cần công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học bằng các hình thức khác nhau đảm bảo 100% người học nắm rõ	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2024-2025
5.2	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành TLH tiếp tục được thông báo công khai tới người học.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025
5.3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chuyên môn giám sát chặt chẽ việc đảm bảo thời gian đánh giá kết	Hội đồng khoa học	Từ năm học 2024-2025

		quả học tập theo đúng tiến độ của Trường	khoa	
		Khoa tiến hành mời chuyên gia về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên để tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2024-2025
5.3	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục cập nhật ngân hàng đề thi hằng năm để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo tính đa dạng, khách quan trong kiểm tra đánh giá.	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025
		Khoa tiếp tục thực hiện tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng.	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025
5.4	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa sẽ hướng dẫn cho cán bộ, GV toàn Khoa về cách thức sử dụng phần mềm Google Drive và một số phần mềm khác để điều tra mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025
		Định kỳ sau mỗi kỳ thi, Khoa sẽ tổ chức sơ, tổng kết nhằm đánh giá mặt được, mặt còn tồn tại, nguyên nhân trong quá trình kiểm tra đánh giá, cơ chế phản hồi kết quả của người học... từ đó giúp cho GV điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, sinh viên cũng được công khai đóng góp ý kiến nhằm giúp họ có thể cải thiện việc học tập.	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2024-2025
5.4	Phát huy điểm mạnh	Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công	Khoa Tâm lý giáo dục	Từ năm học 2024-2025

		tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.		
5.5	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa sẽ kiến nghị Nhà trường, cụ thể là phòng Đào tạo có nhiều hình thức tiếp cận hơn quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV	Ban chủ nhiệm	Từ năm học 2024-2025
		Khoa sẽ công bố quy trình tiếp cận với các đơn vị có liên quan về thắc mắc, khiếu nại về kết quả học tập qua nhiều phương thức khác nhau như thông qua trang website của Khoa, qua Tổ văn phòng, qua group của từng lớp.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025
5.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.	Văn phòng	Từ năm học 2024-2025
6.1	Khắc phục điểm tồn tại	- Nhà trường nghiên cứu với khoa đặc thù như TLGD để có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho ngũ GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội. - Tuyển chọn, bổ nhiệm thêm vị trí việc làm (1- 3 GV) có kinh nghiệm, trình độ để phát triển chương trình đào tạo cử nhân TLHGD.	Trường ĐHSPHN Trường ĐHSPHN và Khoa Tâm lý giáo dục	Từ năm 2024 2024 - 2029
6.1	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến	Đảng ủy, BCN Khoa, cán bộ chủ	2024

		lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	chốt của Khoa	
6.2	Khắc phục điểm tồn tại	- Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng cần tiếp tục được cải tiến phù hợp với đặc thù các đơn vị hệ ngoài sư phạm như khoa TLGD để nâng cao khả năng sáng tạo và tính chủ động của các đơn vị, phát huy được năng lực đội ngũ, đặc thù của chuyên ngành.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2024
		Bố trí cho GV được giảng dạy một số môn chung phù hợp	Trường ĐHSPHN	2024
		Thực hiện đa dạng các phương thức tuyển sinh để thu hút sinh viên vào học ngành TLH	Khoa TLGD	2024
6.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT TLHGD đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa Tâm lý giáo dục	2024
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.	Trường ĐHSPHN	2024
6.3	Khắc phục điểm tồn tại	Giảng viên tích cực và chủ động trong việc cập nhật và tiếp thu các văn bản trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2024
6.3	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu	Trường ĐHSPHN	2024

		chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. - Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch.		
6.4	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật thường xuyên, định kỳ hồ sơ lưu trữ của giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học trên hệ thống quản lý của nhà trường và khoa	Trường ĐHSPHN Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2024
6.4	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV cập nhật hơn. - Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa TLGD và các Khoa đào tạo khác	2024
6.5	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tập trung hoàn thiện chương trình đào tạo TS	Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2024
		Nhà trường chú ý tới đặc thù GV của khoa TLGD và có chính sách hỗ trợ và đề tạo động lực giúp đội ngũ hoàn thành chương trình đào tạo TS	Nhà trường	2024
6.5	Phát huy điểm mạnh	- Mỗi GV của Khoa cần làm sâu sắc bản kế hoạch tự xác định cá nhân - Đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn theo lĩnh vực nghiên cứu	Tất cả GV Khoa Tâm lý giáo dục	2024
6.6	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung khai báo kết quả hoạt động cộng đồng đối với GV trên trang qlnt.hnue.edu.vn của nhà trường	Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2024

6.6	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện công tác bình xét, đánh giá, thi đua một cách công bằng, minh bạch. Hoàn thiện và phát triển phần mềm quản lý giờ giảng để ngày càng cập nhật và đầy đủ hơn.	Khoa Tâm lý giáo dục Trường ĐHSPHN	2024
6.7	Khắc phục điểm tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu trong Khoa, mở rộng nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành, - Tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.	HĐKH Khoa	Bắt đầu từ năm 2024
		- Nhà trường cần tăng số lượng các đề tài NCKH để nâng cao các hướng NCKH cho GV	Phòng KHCN	2024
6.7	Phát huy điểm mạnh	- Tham gia nhiều loại hình nghiên cứu hơn. Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Tăng cường các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế	Tất cả GV Khoa Tâm lý giáo dục	2024
7.1	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2024
7.1	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. - Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất	Tất cả GV Khoa Tâm lý giáo dục	2024

		lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng.		
7.2	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Nhà trường	Giai đoạn 2025-2030
7.2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. - Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Khoa Tâm lý giáo dục	Giai đoạn 2025-2030
7.3	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện chỉnh lý hoàn chỉnh tài liệu lưu trữ trước khi số hóa nhằm cập nhật kịp thời hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên.	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	Giai đoạn 2025-2030
7.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	Giai đoạn 2025-2030
7.4	Khắc phục điểm tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục ,Trường ĐHSP HN	Giai đoạn 2025-2030
7.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục ,Trường ĐHSP HN	Giai đoạn 2025-2030
7.5	Khắc phục điểm tồn tại	Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh một số tiêu chí phù hợp với đặc thù	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	Giai đoạn 2025-2030

		công việc của đội ngũ nhân viên trong khoa.	đục ,Trường ĐHSP HN	
7.5	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục ,Trường ĐHSP HN	Giai đoạn 2025-2030
8.1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, đa dạng hóa về hình thức	Toàn giảng viên Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025
8.1	Phát huy điểm mạnh	Lồng ghép giữa chương trình tuyển sinh và các chương trình hỗ trợ kỹ năng sống cho học sinh các trường THPT của cán bộ giảng viên khoa TL-GDH	Toàn thể giảng viên Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025
8.2	Khắc phục điểm tồn tại	- Phối hợp với trung tâm công nghệ thông tin của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tuyển sinh một cách đầy đủ, khái quát và giúp cho việc tra cứu thuận tiện. - Đa dạng hóa cách thức tuyển sinh theo yêu cầu đổi mới giáo dục đại học.	- Khoa Khoa Tâm lý giáo dục - Phòng đào tạo; - Trung tâm công nghệ thông tin; - TT ĐBCL	Từ năm 2025
8.2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì, hoàn thiện ban tuyển sinh của khoa; - Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin và cách thức tuyển sinh theo hướng phát triển năng lực của người học.	- Ban chủ nhiệm khoa; - Ban tuyển sinh và các GV của Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	
8.3	Khắc phục	- Tăng cường vai trò của cố vấn học	Khoa Khoa	6/2025

	điểm tồn tại	tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ - Đề xuất biện pháp nhằm ổn định hoạt động của hệ thống UNISOFT -Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của nhà trường	Tâm lý giáo dục	
8.3	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học	BCN Khoa	Bắt đầu từ năm 2025
8.4	Khắc phục điểm tồn tại	- Tích cực phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường để tổ chức các khóa tập huấn cho các cố vấn, các trợ lý của khoa để nâng cao trình độ nghiệp vụ của họ - Ban chủ nhiệm khoa tích cực tìm các nguồn lực ngoài trường, quốc tế để có tài chính đầu tư cho các hoạt động của sinh viên. - Đề xuất với nhà trường những sáng kiến đa dạng hóa cơ sở vật chất của trường.	Phòng tổ chức cán bộ Phòng đào tạo Khoa Khoa Tâm lý giáo dục	2025-2026
8.4	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì những thế mạnh của khoa. - Phát huy truyền thống tốt đẹp của khoa. -Xây dựng các phương án dự phòng cho các tình huống bất ngờ.		2025-2026
8.5	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan về môi trường Tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	Phòng Quản trị	2025-2026
8.5	Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp	Cố vấn học tập, Liên chi đoàn	2025-2026
9.1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường bảo dưỡng máy chiếu, trang thiết bị kịp thời thay thế khi cần	Trợ lý thiết bị	Hàng năm

		thiết.		
9.1	Phát huy điểm mạnh	-Sử dụng hợp lý khoa học các phòng học và phòng chức năng theo kế hoạch của nhà trường-thường xuyên theo dõi tình trạng trang thiết bị trong khoa, định kỳ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị, CSVC bị hỏng, hao mòn để đáp ứng tốt các hoạt động dạy và học của khoa	Khoa Khoa Tâm lý giáo dục Trợ lý thiết bị của khoa	Hàng năm
9.2	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập tài liệu tham khảo và tra cứu online	- Ban Chủ nhiệm khoa - Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu	Năm học 2025 – 2026
9.2	Phát huy điểm mạnh	- Trung tâm thông tin thư viện trường thường xuyên bổ sung, cập nhật các tài liệu phục vụ công tác đào tạo -Tiếp tục thống kê danh mục khóa luận, luận văn theo các chuyên ngành hẹp của Khoa	Trung tâm thông tin thư viện- Cán bộ phụ trách Phòng tư liệu - Trợ lý học tập và trợ lý sau đại học	Hàng năm
9.3	Khắc phục điểm tồn tại	Lựa chọn một số bàn ghế có kích thước phù hợp hơn.	- Các đơn vị có phòng thực hành - Trợ lý Nghiệp vụ sư phạm	Năm học 2025 – 2026
9.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, quản lý và lập kế hoạch bổ sung, sửa chữa trang thiết bị thực hành	- Các đơn vị có phòng thực hành, thí nghiệm - Giáo viên bộ môn - Trợ lý	Năm học 2025 – 2026

			Nghiệp vụ sư phạm	
9.4	Khắc phục điểm tồn tại	Kiểm tra thường xuyên tín hiệu đường truyền và thay mới khi cần thiết	TT CNTT Trợ lý thiết bị của khoa	Hàng năm
9.4	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng online - Nâng cao kỹ năng soạn bài giảng trực tuyến	Trường ĐHSPHN PGS.TS. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Chủ nhiệm khoa	Năm học 2025 – 2026
9.5	Khắc phục điểm tồn tại	- Kiến nghị tăng cường công tác vệ sinh tại các phòng học chung - Chủ động tham gia dọn vệ sinh các khu vực, phòng học	Khoa Tâm lý giáo dục Liên chi đoàn khoa phân công sinh viên các lớp thực hiện	Năm học 2025 – 2026 Hàng năm
9.5	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện giám sát đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn trong toàn trường. - Tiếp tục tham gia các lớp tập huấn về đảm bảo công tác an ninh trường học	Cán bộ và sinh viên của Khoa Tâm lý giáo dục	Theo thông báo hàng năm của Trường
10.1	Khắc phục điểm tồn tại	Năm học 2022 - 2023 trở về sau, Khoa sẽ mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong việc xây dựng và phát triển CTDH (2 năm 1 lần), đặc biệt là từ nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên. Khoa TLGD sẽ xây dựng hệ thống bảng hỏi, phiếu Khảo sát phù hợp với từng đối tượng để có thể thu được những thông tin phù hợp và sát thực nhất,	Khoa Tâm lý giáo dục , TT ĐBCL	Từ năm học 2025 – 2026

		kết quả phản hồi sẽ là cơ sở để xây dựng và phát triển CTDH, đưa ra những sự thay đổi kịp thời về CTĐT, CTDH phù hợp với thực tiễn.		
10.1	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (SV, CB quản lý, nhà sử dụng lao động và cựu SV...) - Duy trì họp HĐKH&ĐT Trường và Khoa định kỳ về rà soát CTDH, CTĐT nhằm đảm bảo cập nhật CTĐT 2 năm/lần	TT ĐBCL Phòng đào tạo Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hằng năm
10.2	Khắc phục điểm tồn tại	- Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV kiêm nhiệm về QT thiết kế và phát triển CTDH - Kết nối với đồng đảo các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến phản hồi về quy trình thiết kế, phát triển CTDH	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2025 – 2026
10.2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp của toàn thể giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên ... thực hiện những điều chỉnh CTDH của từng môn học và của cả chương trình để cải tạo CTDH các ngành ĐT của Khoa.	Toàn thể giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2025 – 2026
10.3	Khắc phục điểm tồn tại	Đồng bộ hóa trong việc đánh giá quá trình dạy học của các giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ, trao đổi chuyên môn khoa học trong tổ, lấy ý kiến của đồng nghiệp trong Khoa....	Toàn giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025
10.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Thực hiện điều chỉnh định kỳ các phương pháp giảng dạy và hình	Toàn thể giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025

		thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đáp ứng yêu cầu CDR.		
10.4	Khắc phục điểm tồn tại	Các giảng viên tích cực tham gia NCKH và công bố các kết quả NCKH qua các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, cũng như hội thảo khoa học trong nước và quốc tế liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2025 – 2026
10.4	Phát huy điểm mạnh	Các giảng viên tiếp tục tích cực, chủ động trong tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường và liên kết với các tỉnh thành; Các sản phẩm NCKH phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa.	Toàn thể giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hằng năm
10.5	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học.	Nhà trường và Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2025 – 2026
10.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục và định kì lấy ý kiến của các bên liên quan để nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hằng năm
10.6	Khắc phục điểm tồn tại	Kết nối với các nhà tuyển dụng lao động và sử dụng đa dạng hóa PP thu thập lấy ý kiến phản hồi từ NSDLĐ Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn.	Khoa Tâm lý – Giáo dục, TTĐBCL	–Hằng năm

10.6	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTDH.	Nhà trường và Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hằng năm
11.1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cố vấn học tập kịp thời động viên, hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn có nguy cơ bị thôi học. - Thực hiện thường xuyên khâu truyền thông về ngành, nghề của sinh viên và các cơ hội việc làm sau khi ra trường	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2025 – 2026
11.1	Phát huy điểm mạnh	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Cán bộ quản lý SV tiếp tục giám sát tình hình học tập của sinh viên và động viên kịp thời khi sinh viên gặp phải vấn đề khó khăn, để không giảm thiểu tỷ lệ sinh viên thôi học và nắm bắt kịp thời được thông tin của sinh viên dự định thôi học để có biện pháp xử lý.	Văn phòng, Cố vấn học tập	Hằng năm
11.2	Khắc phục điểm tồn tại	Thành lập nhóm bạn hỗ trợ nhau trong lớp để động viên, trợ giúp sinh viên bị chậm chương trình học.		Từ năm học 2025 – 2026
11.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt tiến độ học tập của SV để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hằng năm
11.3	Khắc phục điểm tồn tại	Thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về những yêu cầu, mong muốn đối với SV ra trường để từ đó có những cải tiến chương trình đào tạo và CTDH.	Ban chủ nhiệm	Bắt đầu từ năm 2025
		- Khuyến khích sinh viên mạnh dạn, chủ động tham gia vào các	Văn phòng, BCN Khoa	Bắt đầu từ năm 2025

		<p>hoạt động thực tế do các cơ sở tuyển dụng tổ chức để có thêm kinh nghiệm.</p> <p>- Tổ chức tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất.</p>		
11.3	Phát huy điểm mạnh	<p>- Duy trì việc tổ chức các buổi tọa đàm giới thiệu việc làm cho sinh viên.</p> <p>- Thống kê tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành định kỳ hàng năm.</p> <p>- Liên kết thực hành môn học cho sinh viên với các cơ sở tuyển dụng có uy tín</p>	Giảng viên Khoa Tâm lý – Giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025
11.4	Khắc phục điểm tồn tại	<p>Đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV. Lấy thành tích NCKH của sinh viên vào việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV để tăng số lượng SV tham gia NCKH</p>	Trợ lý khoa học, CLB NCKH của Khoa. Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2025
		<p>Cử GV hướng dẫn cá nhân và các nhóm SV tham gia NCKH từ chọn đề tài, cách thức triển khai để đảm bảo chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên</p>	Hội đồng Khoa học Khoa Tâm lý – Giáo dục	Bắt đầu từ năm 2025
		<p>Ngay từ năm thứ nhất, trong các buổi tọa đàm nghiên cứu khoa học của sinh viên, cần khuyến khích sinh viên có những ý tưởng khoa học mới, sáng tạo và Khoa cần có cơ chế tạo điều kiện để sinh viên biến những ý tưởng đó thành công trình thực tế có sự hướng dẫn của các giảng viên có kinh nghiệm NCKH.</p>	Trợ lý Khoa học Khoa Tâm lý – Giáo dục	

11.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích SV tham gia NCKH, hướng dẫn, hỗ trợ SV tham gia NCKH, gắn đề tài của SV với những đề tài của GV trong khoa. Tiếp tục tổ chức các buổi tọa đàm NCKH cho sinh viên, không chỉ cho sinh viên năm thứ nhất mà nên tổ chức cho sinh viên cả khóa định kỳ hàng năm. CLB Sinh viên NCKH trong Khoa hoạt động chủ động, sinh hoạt thường xuyên.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm
11.5	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện việc định kỳ lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT, CTDH để thay đổi cải tiến CTĐT theo nhu cầu của xã hội.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Định kỳ 2 năm/ lần, từ năm học 2025 – 2026
11.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến về mức độ hài lòng của SV, SV năm cuối để có những điều chỉnh kịp thời và hiệu quả CTĐT, CTDH. Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên...	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của Trường Đại học sư phạm Hà Nội

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Mã: SPH

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành Tâm lý học

Mã CTĐT: 7310401

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT Ngành Tâm lý học

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/06/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục đại học

1. Tên cơ sở giáo dục đại học (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**
 - Tiếng Anh: **Hanoi National University of Education**
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục đại học
 - Tiếng Việt: ĐHSPhN
 - Tiếng Anh: HNUE
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Sư phạm Cao cấp; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I; Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ trường: 136-Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 04-37547823, Số fax 04-37547971
7. E-mail: p.hcth@hnue.edu.vn Website: <http://hnue.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục đại học (theo quyết định thành lập): 1951
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1951
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1953
11. Loại hình cơ sở giáo dục đại học:

Công lập	<input checked="" type="checkbox"/> án công	Dân <input type="checkbox"/> p	Tu thực <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
----------	---	--------------------------------	----------------------------------	--------------------------

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Tâm lý – Giáo dục
 - Tiếng Anh: Faculty of Psychology and Education
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:
 - Tiếng Việt: Khoa TL- GD
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học
 - Tiếng Anh:
16. Mã chương trình đào tạo: 7310401
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): không
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 136 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy,

thành phố Hà Nội.

19. Số điện thoại liên hệ: 04. 37547098
20. Email: k.tamly@hnue.edu.vn Website: psy.hnue.edu.vn
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1965
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1973
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2012

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Tiền thân của Khoa Tâm lý - Giáo dục học là Bộ môn Sư phạm của Trường Trung cấp Sư phạm các Liên khu đặt tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc từ năm 1951. Ngày 17 - 04 - 1958, Quyết định thành lập *Tổ Giáo dục - Tâm lý học* và thầy Nguyễn Lân được cử làm Tổ trưởng. Theo văn bản, đây chính là mốc đầu tiên Tổ Tâm lý - Giáo dục học được hình thành.

Năm học 1958 - 1959, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chuyển về Cầu Giấy, Tổ Giáo dục - Tâm lý học đã sáp nhập tổ Tâm lý - Giáo dục học của Trường Trung cấp Sư phạm thành tổ mới: *Tổ Tâm lý - Giáo dục học* do thầy Nguyễn Hữu Tảo làm Tổ trưởng và thầy Nguyễn Lân làm Tổ phó.

Trong khoảng thời gian ngắn, từ năm học 1951 - 1952 đến năm học 1964 - 1965, Tổ Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã trưởng thành nhanh chóng cả về lực lượng cán bộ và trình độ chuyên môn. Từ chỗ chỉ có 3 thầy cô giáo khi mới thành lập, đến năm học 1965 đã có gần 30 thầy cô giáo. Tổ đã đảm nhiệm chức năng của một khoa nghiệp vụ trong Trường Đại học Sư phạm: đào tạo cán bộ Tâm lý - Giáo dục học đáp ứng cho các trường sư phạm khác và các cơ quan nghiên cứu của ngành; giảng dạy môn Tâm lý học, Giáo dục học và hướng dẫn thực hành nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các khoa trong trường; nghiên cứu khoa học và biên soạn giáo trình, tài liệu có liên quan đến khoa học giáo dục Việt Nam. Năm 1965 là mốc son trên con đường phát triển của Khoa Tâm lý - Giáo dục học: Năm được nhà trường quyết định thành lập khoa, trên cơ sở Tổ Tâm lý - Giáo dục học đã có.

Ban đầu, Khoa Tâm lý - Giáo dục học có 2 tổ chuyên môn: Tổ Tâm lý học do thầy Phạm Minh Hạc phụ trách và Tổ Giáo dục học do thầy Bùi Ngọc Hồ phụ trách. Sau nhiều lần chia tách hoặc sáp nhập do bối cảnh lịch sử khác nhau, từ một Bộ môn, Khoa đã phát triển thành một trong những khoa lớn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hiện nay Khoa có 6 bộ môn: Tâm lý học đại cương; Tâm lý học phát triển; Tâm lý học ứng dụng; Lí luận dạy học; Lí luận giáo dục; Phương pháp giảng dạy và 1 tổ Văn phòng. Từ chỗ chỉ có 3 cán bộ, đến nay, ngoài số các thầy cô giáo của khoa chuyển sang các đơn vị mới, khoa có 33 cán bộ, nhân viên; trong đó có 1 giáo sư, 11 phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 5 thạc sĩ và 2 cán bộ có trình độ đại học.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Khoa Tâm lý - Giáo dục học luôn đổi mới mục tiêu, chương trình nội dung đào tạo; tìm tòi, mở ra các hướng đi mới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của GD&ĐT. Từ chỗ chủ yếu dạy Tâm lý học và Giáo dục học cho sinh viên các khoa trong trường, Khoa đã tổ chức đào tạo cử nhân chuyên ngành Tâm lý - Giáo dục học (từ năm học 1972 - 1973). Từ năm học 2005 - 2006, khoa đã liên kết với Đại học St.Johns Hoa Kỳ để mở mã ngành đào tạo mới: Tâm lý trị liệu và Tâm lý học trường học. Với sự hỗ trợ của Unicef Việt Nam, của Đại học St. Johns, khoa đã xây dựng chương trình đào tạo và đã mở các khoá đào tạo sinh viên trình độ cử nhân chuyên ngành Tâm lý trường học (từ năm 2008). Đây là những khoá sinh viên cử nhân Tâm lý trường học đầu tiên ở Việt Nam.

Trong bối cảnh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chuyển đổi đào tạo từ hình thức đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ từ năm học 2009 - 2010, Khoa đã có những thay đổi đáng kể trong công tác đào tạo. Khoa đã xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo Cử nhân theo hình thức tín chỉ của 2 ngành Cử nhân Tâm lý giáo dục (đến năm 2019 đổi thành cử nhân Tâm lý học giáo dục) và Cử nhân Tâm lý học trường học. Đồng thời, khoa đã đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng nội dung chương trình nghiệp vụ sư phạm của Trường giúp tăng thời lượng các môn nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm của trường như môn Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Thực hành Kỹ năng giáo dục, Lý luận dạy học, Đánh giá trong giáo dục, Xây dựng và phát triển chương trình.... Bên cạnh đó, khoa còn liên kết với các trường đại học khác, các Sở Giáo dục ở các tỉnh v.v... mở các lớp tập huấn về các kỹ năng nghề nghiệp cho nhiều đối tượng khác nhau.

Với những hướng đi này, Khoa luôn luôn là đơn vị tiên phong trong đào tạo cán bộ, chuyên gia, giáo viên, giảng viên thuộc các lĩnh vực khác nhau của Khoa học giáo dục. Góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển trường ĐHSPh Hà Nội nói riêng, ngành Giáo dục và Đào tạo nói chung.

Dưới đây là sứ mệnh, tầm nhìn, chức năng và các nhiệm vụ của khoa TLGD hiện nay

Sứ mệnh

Vì sự phát triển con người Việt Nam

Tầm nhìn

Khoa Tâm lý – Giáo dục học hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, hướng mở đáp ứng nhu cầu xã hội.

Chức năng

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia Tâm lý học, Giáo dục học, chuyên gia giáo dục

cộng đồng; đào tạo, bồi dưỡng khoa học nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý trong và ngoài ngành.

- Nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn....

- Đào tạo chuyên gia tư vấn, tham vấn Tâm lý và giáo dục cho nhà trường, các tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục trong và ngoài ngành.

- Liên kết, mở rộng hợp tác với các cá nhân, tổ chức, cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế, thực hiện các dự án đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học liên quan tới công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên nghiên cứu, giảng dạy và thực hành các lĩnh vực chuyên môn của khoa Tâm lý – Giáo dục học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo hiện nay.

- Quản lý chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Khoa, hướng tới chất lượng, hiệu quả thực hiện các mục tiêu giáo dục.

Nhiệm vụ

• Đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm

- Đào tạo giảng viên Tâm lý học, Giáo dục học cho các trường Cao đẳng, Đại học, các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đào tạo cán bộ nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học cho các cơ sở nghiên cứu.

- Đào tạo chuyên viên Tâm lý học đường cho các phòng Tâm lý trường học, tham vấn Tâm lý trường học, các trung tâm tư vấn, các cơ sở can thiệp.

- Đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành: Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Tâm lý học trường học, Giáo dục đại học.

- Đào tạo Tiến sĩ các chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành, Lí luận và lịch sử giáo dục.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, giảng viên ĐH, CĐ chưa qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm.

- Bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng Tâm lý – Giáo dục cho các đối tượng có liên quan trong và ngoài ngành giáo dục.

- Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát hiện, điều chỉnh kịp thời, đáp ứng tốt các yêu cầu của thực tiễn giáo dục hiện nay.

• Nghiên cứu khoa học

- Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh

và các nhà sư phạm.

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học, chuyên đề cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm các hệ đào tạo, các loại hình đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển các khoa học chuyên ngành: Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Tâm lý học trường học nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học nhằm phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học, giao lưu học thuật với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, ứng dụng thành tựu khoa học vào công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục đào tạo hiện nay.

• Các hoạt động đáp ứng yêu cầu xã hội

- Tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu và giảng dạy, bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, giáo viên... của các Bộ, Ban ngành, các cơ sở đào tạo ngoài ngành sư phạm.

- Liên kết, mở rộng hợp tác với các tổ chức, cơ sở đào tạo, các Bộ, Ban ngoài ngành sư phạm, thực hiện các dự án, nghiên cứu khoa học liên quan tới công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Tổ chức các hoạt động tham vấn, tư vấn về Tâm lý, Giáo dục cho các cá nhân, tổ chức, cơ sở đào tạo, xã hội có nhu cầu. Cung ứng các dịch vụ chuyên môn, chuyên gia đáp ứng yêu cầu của các cá nhân và tổ chức xã hội.

• Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa Tâm lý – Giáo dục học

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa đảm bảo đủ về số lượng và vững vàng trong năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của khoa, trường hiện nay.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, những quy định của nhà trường, khoa.

24. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học:

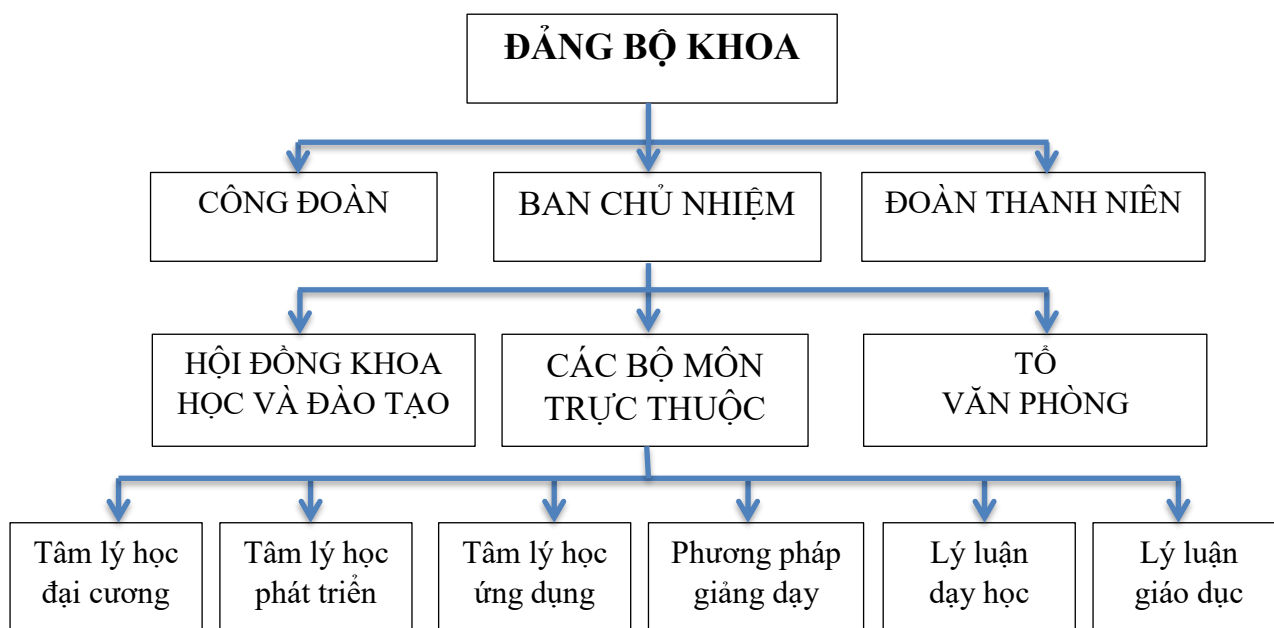
Trường ĐHSPHN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trong quá trình phát triển, Trường mang nhiều tên khác nhau như Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN 1, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và

Trường ĐHSPHN như ngày nay.
Sơ đồ tổ chức nhà trường như sau:



b) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Tâm lý – Giáo dục có 6 bộ môn (Lý luận dạy học, Lý luận giáo dục, Phương pháp giảng dạy, Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học ứng)



Khoa có chức năng, nhiệm vụ:

- Đào tạo cử nhân Tâm lý – Giáo dục hệ chính quy;
- Đào tạo thạc sĩ ngành Tâm lý học; Giáo dục học; Giáo dục và Phát triển cộng đồng; Tâm lý học trường học.
- Đào tạo tiến sĩ ngành Tâm lý học, Lý luận và lịch sử giáo dục.
- Tham gia công tác NCKH: Các đề tài NCKH cơ bản cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Sở, cấp trường và chuyển giao công nghệ. Đa dạng các đề tài nghiên cứu từ khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, nghiên cứu ứng dụng...
- Khoa còn tham gia các hoạt động tập huấn của Bộ giáo dục và Đào tạo, các hoạt động bồi dưỡng giáo viên trên phạm vi cả nước, tham gia giảng dạy các lớp Chính quy văn bằng 2, vừa học vừa làm ,...

25. Danh sách Ban lãnh đạo trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

TT	Thông tin Các bộ phận	Họ và tên Chức danh, học vị	Năm sinh	Điện thoại	Email
1. Ban lãnh đạo trường					
1	Hiệu trưởng	GS.TS. Nguyễn Văn Minh	1963	0906294414	minhnv@hnue.edu.vn

2	Chủ tịch hội đồng trường	GS.TS. Đỗ Việt Hùng	1966	0912922288	hungdv@hnue.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	PGS.TS. Nguyễn Văn Trào	1973	0983755469	traonv@hnue.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	PGS.TS Nguyễn Đức Sơn	1970	0913303387	sonnguyen@hnue.edu.vn
5	Phó Hiệu trưởng	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiền	1975	0913363623	hiennv@hnue.edu.vn

2. Lãnh đạo chủ chốt của Khoa Tâm lý – Giáo dục

1	Trưởng khoa	PGS.TS Lê Minh Nguyệt	1975	0912056435	leminhnguyet@hnue.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	PGS.TS. Nguyễn Thị Tinh	1969	0979192906	tinhsp2002@gmail.com
3	Phó trưởng khoa	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng	1980	0912863444	hongtld@gmail.com

3. Các Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV

1	Bí thư Đảng ủy	PGS.TS. Đỗ Việt Hùng	1966	0912318021	hungdv@hnue.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn	ThS Nguyễn Nhật Tân	1975	0912222664	nhattan@hnue.edu.vn
3	Bí thư Đoàn trường	TS Đinh Minh Hằng	1985	0907996866	hangdm@hnue.edu.vn
4	Chủ tịch Hội SV	ThS Nguyễn Hà My	1988	0966883110	nhmy@hnue.edu.vn

4. Các phòng, ban chức năng

1	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	PGS.TS. Kiều Văn	1976	0912341464	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
---	--------------------------------	---------------------	------	------------	--

		Hoan			
2	Trưởng phòng Đào tạo	TS. Trịnh Tuấn Anh	1968	0912231699	anhht@hnue.edu.vn
3	Trưởng phòng Sau đại học	PGS.TS. Lê Đức Ánh	1974	0979537986	quangdn@hnue.edu.vn
4	Trưởng phòng KHCN	PGS.TS. Dương Minh	1978	0987864770	lamdm@hnue.edu.vn
5	Trưởng phòng HCDN	ThS Nguyễn Nhật Tân	1973	0912222664	nhattan@hnue.edu.vn
6	Trưởng phòng CTCT-HSSV	TS. Đinh Minh Hằng	1985	0907996866	hangdm@hnue.edu.vn
7	Phó trưởng phòng KHTC	ThS. Bùi Đức Nam	1979	0913580058	nambd@hnue.edu.vn
8	Trưởng phòng Quản trị	Đinh Quang Huy	1971	0903443090	huydq@hnue.edu.vn
9	Trưởng phòng Bảo vệ	Ths. Bùi Công Khoảng	1966	0913572925	khoangbc@hnue.edu.vn
10	Trưởng ban Quản lý KTX	TS. Nguyễn Văn Thoả	1985	0987909409	thoanv@hnue.edu.vn
11	Giám đốc Trung tâm Thông tin- Thư viện	ThS. Phạm Công Chi	1979	0912972830	chipc@hnue.edu.vn
12	GD Trung tâm Đào tạo – Bồi	TS. Vương Huy Thọ	1875	0913317569	thovh@hnue.edu.vn
13	Giám đốc	ThS.	1981	0978486885	haind@hnue.edu.vn

	Trung tâm CNTT	Nguyễn Duy Hải			
14	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Nghiệp vụ sư phạm	TS. Trần Bá Trình	1985	0946828147	trinhtb@hnue.edu.vn
15	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Sản xuất học liệu	TS. Nguyễn Văn Thòa	1985	0988615133	mrthanhxuan@gmail.com
16	Giám đốc Nhà xuất bản	PGS.TS. Nguyễn Bá Cường	1975	0983221671	cuongnb@hnue.edu.vn
17	Giám đốc TT Đảm bảo chất lượng Giáo dục và Khảo thí	PGS.TS Dương Giáng Thiên Hương	1975	0912892288	huongdgt@hnue.edu.vn
18	Giám đốc TT Đào tạo và Phát triển Giáo dục đặc biệt	TS. Đỗ Thị Thảo	1977	0912720496	thaodt@hnue.edu.vn
19	Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội	TS. Nguyễn Tường Huy	1972	0948342482	tuonghuy@hnue.edu.vn
20	Giám đốc Viện GD & ĐT Quốc tế	GS.TS Lê Huy Bắc	1968	0913513112	baclh@hnue.edu.vn
5. Các bộ môn					
1	Trưởng BM Lý luận dạy	PGS.TS Trịnh Thuý Giang	1973	0915929882	trinht Huy Giang159@gmail.com

	học				
2	Phụ trách BM Lý luận giáo dục	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng	1980	0912863444	hongtld@gmail.com
3	Trưởng BM Phương pháp giảng dạy	PGS.TS. Hoàng Thanh Thúy	1967	0912874088	hoangthanhthuy67@yahoo.com
4	Trưởng BM Tâm lý học đại cương	TS. Hoàng Anh Phước	1977	0963161277	phucsp@gmail.com
5	Trưởng BM TLH Phát triển	TS. Khúc Năng Toàn	1973	0943465588	nkhuc1@gmail.com
6	Trưởng BM TLH ứng dụng	TS. Nguyễn Thị Nhân Ái	1977	0983632197	nhanai77@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ : 02
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 04
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 02
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

TT	Các loại hình đào tạo	Có	Không
1	Chính quy	x	
2	Không chính quy		x
3	Từ xa		x
4	Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
5	Liên kết đào tạo trong nước		x

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	8	23	31
I.1	Đội ngũ trong biên chế	8	23	31
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	8	23	31
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	1	1	2
	Tổng số	9	24	33

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1		1			
2	Phó Giáo sư	10		10	6		
3	Tiến sĩ khoa học	1		1			
4	Tiến sĩ	15		15	3		
5	Thạc sĩ	4		4			

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
6	Đại học	2		2			
7	Cao đẳng	0		0			
8	Trình độ khác	0		0			
	Tổng số	33		33	9		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:.....

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2							
5	Thạc sĩ	1							
6	Đại học	0,3							
	Tổng								

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

Năm	Tổng số	Giới tính		Độ tuổi					Học hàm		Học vị		
		Nam	Nữ	≤30	31-40	41-50	51-60	>60	GS	PGS	TS	ThS	ĐH
2017	37	11	26	0	21	10	3	3	1	13	17	6	
2018	36	10	26	0	18	12	3	3	1	15	14	6	
2019	33	8	25	0	15	13	3	2	1	12	14	6	
2020	31	8	23	0	9	14	6	2	1	11	15	4	
2021	31	8	23	0	9	14	6	2	1	10	16	4	

202 2	31	8	23	0	7	16	6	2	1	10	16	4	
----------	----	---	----	---	---	----	---	---	---	----	----	---	--

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 51,6, GS và PGS: 35,3%.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,32%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)

2017 - 2018	285	104	25	17.5 (A) 21.0 (B) 24.5 (C) 22.75 (D)	21.43	0
2018 - 2019	270	227	47	16.4 (A) 16.0 (C) 16.05 (D)	16.15	0
2019 - 2020	691	162	32	19.7 (A) 25.0 (C) 20.0 (D)	19.9	0
2020 - 2021	432	194	57	24.5 (C) 23.8 (D)	24.15	0
2021 - 2022	743	187	44	26.5 (C) 26.15 (D)	26.32	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh	03	08	01	03	07
2. Học viên cao học	190	120	62	59	42
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	96	100	86	154	132
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	46.502 m ²	46.502 m ²	46.502 m ²	46.502 m ²	46.502 m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	96	100	86	154	132
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	52	65	62	65	45
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	8,3m ² / người	8,3m ² / người	8,3m ² / người	8,3m ² / người	8,3m ² / người

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	20...- 20...	20...- 20...	20...- 20...	20...- 20...	20...- 20...
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	5	6	8	7	6
2. Học viên tốt nghiệp cao học	248	225	205	120	72
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	26	20	29	22	12
Trong đó:					
Hệ chính quy	26	20	29	22	12
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	26	20	29	22	12
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	95,24%	90,62%	95,65%	63,16%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/>					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	8.0 triệu VNĐ /tháng	8.0 triệu VNĐ/t háng	8.0 triệu VNĐ/t háng	8.0 triệu VNĐ/t háng	8.0 triệu VNĐ/t háng

								đôi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	01	0	01	0	0	2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	02	0	0	0	02	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	02	01	0	3
	Tổng		03	0	03	01	02	9

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017 - 2018	0	0	0
2	2018 - 2019	0	0	0
3	2019 - 2020	0	0	0
4	2020 - 2021	0	0	0
5	2021 - 2022	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	4	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	12	18	3	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	01	02	01	0	01	5
2	Sách giáo trình	1,5	01	01	02	00	01	5
3	Sách tham khảo	1,0	02	06	04	03	15	30
4	Sách hướng dẫn	0,5	03	0	0	0	0	3
	Tổng		7	9	7	3	17	43

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	13	15	3
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	18	23	25

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 05 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	07	14	16	27	64
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	26	19	7	27	10	89
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	05	17	22	15	14	73
	Tổng		31	43	43	58	42	214

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	10	31	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	20	13	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
			-	-	0	-	-	

1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	5	8	5	3	23
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	12	14	10	11	50
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		05	17	22	15	14	73

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	8	7	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	23	10	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia				

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017 - 2018	Không
2018 - 2019	Không

2019 - 2020	Không
2020 - 2021	Không
2021 - 2022	Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	2	2	2	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

STT	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	NĂM HỌC	GVHD	TÊN ĐỀ TÀI	GIẢI THƯỞNG
1	Hoàng Thị Hà Dương Thị Ly Vũ Tú Ngọc	63A	2015-2016	ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh	Thực trạng hành vi văn hóa học đường của sinh viên trường ĐHSP Hà Nội trong xu thế toàn cầu hóa	Khuyến khích

2	Nguyễn Thị Thuận	67A	2020-2021	PGS. TS. Hoàng Thanh Thúy	Kĩ năng ứng phó với trầm cảm trong học tập của HS trường THPT Hai Bà Trưng, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Ba
---	------------------	-----	-----------	------------------------------	--	----

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 173869 m² (bao gồm: Diện tích đất của trường ĐHSP Hà Nội: 119869 m²; Phân hiệu Hà Nam: 54000m²)

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119869 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: Nơi học: ..1 2000m² Nơi vui chơi giải trí:

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: .. 12.000m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: . 250 phòng học.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin
- Thư viện: 350.000.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 140.

- Dùng cho người học học tập: 396.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1 máy tính/3 người học chính quy.

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 31 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,94% (31/33 người)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 87,10% (27/31 người).

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 12,90 % (4/31 người).

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 450

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 14,52 sinh viên / giảng viên

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): >90 %

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho

công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8 triệu VNĐ/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 100%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 0%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,72 cán bộ/đề tài (Tổng có 09 đề tài/ 33 cán bộ)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 VNĐ

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,45 (48 cuốn/33 cán bộ cơ hữu)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,33 (tổng 126 bài/33 cán bộ)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2.21 (tổng số 73 bài/33 cán bộ)

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 3 SV/ máy tính

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 250

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,3 m²

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Các tư liệu, tài liệu liên quan

Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá (số 4988/QĐ-ĐHSPHN ngày 25 tháng 10 năm 2021).

Các danh sách: Thành viên Hội đồng Tự đánh giá, thành viên Ban thư ký, các nhóm cộng tác.

Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016 của Bộ GD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá

